

VĂN HỌC

NGUYỆT SAN VĂN HÓA XÃ HỘI NGHỆ THUẬT
DIỄN ĐÀN SINH VIÊN VIỆT NAM TỰ DO

HOÀNG VĂN ĐỨC — VŨ HOÀNG CHƯƠNG — ĐOÀN
QUỐC SỸ — NGUYỄN ĐÌNH TOÀN — ĐƯỜNG THỦ
LANG — NGUYỄN TẠO LÂM — ĐƯỜNG CÚ — PHONG
GIAO — ĐƯỜNG NHẤT NHÂN — PHAN KIM THỊNH
ĐƯỜNG KIỀN — LÊ ĐÔN KHOAN — VIÊM ĐẦU
TRẦN VĂN NGÔ — HÀNH — NGUYỄN HẢI GIAO

NỘI DUNG SỐ NÀY

VĂN - HỌC

HOÀNG VĂN - ĐỨC

DƯƠNG NHẤT - NHÂN

LÊ ĐÔN - KHOAN

PHẠM KIM - THỊNH

DOÃN QUỐC - SỸ

VŨ HOÀNG - CHƯƠNG

DƯƠNG - KIỀN

DƯƠNG - CỰ

NGUYỄN - ĐÌNH - TOÀN

NGUYỄN - HẢI - GIAO

HẠNH

PHONG - GIAO

VIÊM - ĐẦU

NGUYỄN THỊ - VINH

NGUYỄN - NGUYỄN

THANH UÔNG

NGUYỄN TẠO - LÂM

THÚ - LANG

TRẦN VĂN - NGÔ

NGUYỄN - ĐỨC

Trao gửi

Thứ bàn về sự liên lạc

Vài tâm trạng nghịch thường

Cảm nghĩ của người Sinh-viên

Vấn đề của chúng ta

Tự do linh hồn

Tiền bạn

Cú rúc đêm khuya

Thu ca

Hình ảnh

Người cầm bút và....

Có những lúc tôi buồn

Ngày cô đơn

Gian nhà búp-bê

Cô độc.

Đoàn văn

Đẹp xưa

Điềm sách: Dieu est né en exil

Bà sinh Hương lửa.

Sinh-hoạt Sinh-Viên

Sinh-hoạt Văn-hóa

Bài vở xin gửi: DƯƠNG THÚ - LANG

Thư từ giao dịch, tiền bạc, ngân phiếu xin dè: PHẠM KIM - THỊNH

VĂN - HỌC

NGUYỆT - SAN VĂN - HÓA - XÃ - HỘI - NGHỆ - THUẬT
DIỄN-ĐÀN SINH-VIÊN VIỆT-NAM TỰ-DO

THÁNG 11-1962

NĂM THỨ NHẤT — SỐ 1

trao gửi

*Thế-hệ của chúng ta luôn luôn mang trên vai những
ưu tư nặng trĩu, ưu tư khiển chúng ta sớm già cỗi trong
khi thế-giới bên ngoài đang trở lại cùng với những bước
tiến bộ không lồ.*

*Nhưng giờ phút này không còn là lúc đề chúng ta
hối tiếc, oán trách hay phàn nàn than thở. Chúng ta chỉ
còn một con đường, hoặc tiến lên đề vinh-viễn dựa mình
vào dãy Trường-Sơn là diềm tựa của giải đất dài trên
2000 cây số; hoặc lui bước, và chỉ có nghĩa là lui
xuống biển cả.*

*Thanh-niên chúng ta đã vượt qua bao nhiêu thử
thách, đã được đào luyện bởi bao nhiêu kinh-nghiệm,
thành-công có và thất-bại cũng có. Những lớp này chưa
nằm xuống, lớp khác đã sẵn sàng đứng dậy. Đó là một
niềm phấn-khởi không ai phủ-nhận được. Chúng ta sẵn
sang gánh vác trách-nhiệm. Trong tình-thế cực-kỳ tể-nhị
và khó khăn hiện nay, chúng ta đã và đang làm bôn-phận
một cách đầy hào hứng và hân-hiện.*

v. I

Nhưng xác-nhận một ý-chí không phải là tất-cả và không tất nhiên đưa tới thành-công. Chúng ta chiến đấu nhưng không đơn-thuần là một thứ vũ-kí chiến đấu một cách vô-trí. Giá-trị cuộc chiến-dấu của chúng ta sẽ được phán-đoán trong tương-lai, nhưng cái gì chúng ta phải làm trong hiện-tại là xác-định một thái-độ và trung-thành với thái-độ ấy như một lý-tưởng. Thời kỳ « Hein Hitler » không còn nữa trong lịch sử, ít nhất đối với các quốc gia trong thế-giới Tự-do. Và đó cũng là niềm hy-vọng đặc nhât trong khi chúng ta phải hy-sinh tất cả, kè-cả hạnh phúc bản thân cũng như sinh mạng thiêng liêng của mình.

Xác-định thái độ chung không phải là công-việc của một người hay một nhóm người, có thể làm trong một ngày hay một giờ. Nó phải do một sự trao đổi thành-thật và quả cảm, đôi khi nó còn đòi hỏi cả sự hy-sinh bền bỉ và lớn lao. Không một thành quả nào lại có thể đạt được bằng sự lười biếng của những tâm hồn hoen rỉ.

VĂN-HỌC tới với các Bạn với mục-dịch trao đổi và bắc nhịp cầu thông-cảm ấy. Kỳ vọng nhiều, phương tiện ít; chúng tôi không dám hứa hẹn mà chỉ ước mong làm được một trong muôn vàn những gì phải làm của thế-hệ chúng ta.

VĂN-HỌC sẽ là diễn-dàn chung của mọi tầng lớp Sinh viên và Thanh-niên, nơi đây những tiếng nói chân thành sẽ họp thành một đoàn-khúc trong bản trường ca của dân-tộc, của lòng người.

Nếu lịch-sử là một thứ định-mạng, thì nhất-định phải là một định-mạng ở trong tay con người, ở trong tay chúng ta.

Và giờ đây, xin trao gửi . . .

VĂN-HỌC

458807B

101

ew

TỪ TRIẾT-HỌC, Y-HỌC ĐÔNG-PHƯƠNG ĐẾN SỰ PHỤC-HƯNG NỀN VĂN-HÓA DÂN-TỘC

B. S. HOÀNG VĂN-ĐỨC

CHÚ-THÍCH.— Bài này do tác-giả định tâm viết và thu-thập tài-liệu từ lâu, nên mặc dầu được đăng-tại sau vụ náo-dộng dư-luận về việc cấm dùng danh-hiệu “Đông-y-sĩ, Đông-duy-c-sĩ”, bài này không thể được coi như có tác-dụng tham-gia cuộc bút chiến vira nói. Xin lưu ý quý vị đọc-giá.

Tác-giả

I. VẤN-ĐỀ TƯ-TƯỞNG ĐÔNG-PHƯƠNG ĐỐI VỚI THẾ-GIỚI

Sự thật, không phải chỉ ở Việt-Nam ta mới có những cuộc thảo-luận sôi-nổi về giá-trị tuyệt đối của nền y-học Đông-phương, và về giá-trị tương-đối của y-học Đông-phương so-sánh với y-học Tây-phương. Theo tài-liệu có-thể tìm thấy một cách dễ-dàng, người Tây-phương nói chung vẫn có phần nửa kinh-phục nửa sợ-hãi đối với những thứ gì có thể gọi là « thuốc » của Đông-phương, hai chữ Đông-phương ở đây bao-quát cả một khu-vực mênh-mông từ Thổ-nhĩ-Kỳ, Ba-Tư, đến Trung Hoa, Nhật-Bản.

Người Tây-phương, phần nhiều thuộc giới trí-thức, thường cho rằng người Đông-phương biết hưởng-thụ những lạc-thú của đời sống hơn họ. Chữ « nhàn » của một số dân-tộc Á-Đông được coi là một thứ triết-lý hết sức cao-cả về nhân-sinh. Những món ăn như tồ yến, trứng áp giò là những thứ tầm-bô rất tốt. Cũng như nhân-sâm làm tăng sức sinh-lý, thuốc phiện hay haschisch làm cho người đau-khổ nhẹ những nỗi sầu-đau quá nặng-nề. . . Người Tây-phương còn có tin-tưởng rằng

những dân-tộc ở phía Đông có những thứ thuốc độc ghê-gớm, cùng những khả-năng nửa khoa-học nửa huyền-hoặc về thôi-miên, về chài-bùa pháp-thuật v.v. (ví-dụ : đi chân không trên một cái hố đồ đầy than hồng).

Nhưng số người hiểu-biết về Đông-phương quá ít-ỏi. Những câu truyện họ kể lại, khi đi xa về, khó lòng thoát khỏi ý muốn khoe-khoang giả-dối. Họ lại không có bằng-chứng cụ-thể nào hết. Cho nên Tây-phương vừa phục lại vừa khinh Đông-phương chỉ là một vùng đất-dai với đời sống lạc-hậu đến nỗi dân-chúng còn « vì quá tin-tưởng mà gây được những hiện-tượng siêu-phàm ». Đó có-thể gọi là ý-kiến đúng-dắn nhất, mực thước nhất trong số người hoài-nghi.

Số người hoài-nghi càng ngày càng bớt dần. Bắt đầu tinh-ngộ từ năm 1905 khi thấy Nhật-Bản thắng Nga, người Tây-phương phải đợi đến thời-ky 1945 — 1955 mới tin hẳn rằng Đông-phương — đặc-biệt là Á-châu — là cội gốc của một nguồn sinh-lực vô cùng mãnh-liệt và của nhiều trào-lưu tư-tưởng cao-siêu nếu không hơn thì ít ra cũng không kém những trào-lưu tư-tưởng sâu-sắc nhất của Tây-phương. Sư học-hồi trước kia có một chiều, đến bây-giờ đã có hai chiều đi lại. Các nhà khảo-cổ, các nhà dịch-thuật đua nhau tìm đề-tài ở Đông-phương.

Thế rồi đến những khám-phá mới nhất về vi-ty-vật-lý và thiên-vật-lý-học (micro-physique và astro-physique) mở mắt cho các nhà bác-học thấy giá-trị lạ lùng của quan-niệm của Không-tử về sự cấu-tạo của càn-khôn : « *Thái-cực sinh lưỡng-nghi, lưỡng-nghi sinh tự-tượng, tự-tượng biến-hóa vô-cùng...* », nhờ triền-vọng mà các nhà bác-học có thể tìm thấy nay mai : *đam-duong có thể thống-nhất thành một khối nguyên-thủy*. Nhà bác-học cũng đồng-thời nhận thấy giá-trị của sự so-sánh : « *thân-thể con người là một tiều vũ-trụ* ». Bên cạnh những quan-niệm « cõi-hủ » của Đông-phương — bởi vì đã có từ ngoài 2000 năm nay rồi — những quan-niệm « tối-tàn » của Tây-phương càng ngày càng lộ thêm vẻ ấu-trĩ.

II. NÓI RIÊNG VỀ Y-HỌC ĐÔNG-PHƯƠNG

« *Thân-thể con người là một tiều vũ-trụ* » nhà triết-học có lẽ là người đầu-tiên có ý-nghĩ này ở Á-Đông. Con người Á-Đông làm bất-cứ một công-việc gì về văn-hóa đều trước hết phải được học-tập về triết-lý. Hàng nghìn năm nay rồi, người Á-Đông đương-nhiên coi công-việc «kinh-sử là cần-thiết để mở cửa vào bất-cứ một ngành hoạt-động nào thuộc phạm-vi chữ-nghĩa. Nói một cách giản-dị hơn, là muốn làm thầy thuốc, muốn làm chỉ-huy quân-sự hay muốn làm quan tòa xử án, người ta muốn được tôn-trọng tất phải thi đỗ về văn-học. Trong khi đó có-thể nói cơ-sở ưu-tiên của nền văn-học Á-Đông là cái quan-niệm triết-lý « *Thái-cực sinh lưỡng-nghi . . .* » nói trên.

Vi thế chúng-ta không lấy làm lạ, khi chúng-ta thấy tất-cả nền y-học Á-Đông được đặt trên căn-bản đó. Chỉ nói riêng một phương-pháp «chuẩn mạch» của một nhà chuyên-môn của nền y-học này cũng đã là một phu-sing-pháp suy-lu, biện-chứng theo đúng nguyên-tắc triết-học. Bỏ ra ngoài sự phân-biệt giữa bốn việc phải làm để tìm hiểu chứng-bệnh (1) chỉ một việc xem mạch cũng đã đòi-hỏi một y-sĩ phải chia mỗi cỗ tay — ở một chỗ đã được ấn-định — làm 3 điểm gọi là *quan*, *xích*, *thốn* (2) mạch có *phù*, *trung*, *trầm* (3) có *thực*, có *hư* (4), đã là những điểm cần đến sự phân-biệt rất tinh-nhị.

Nhưng tinh-nhị như thế chưa thấm vào đâu hết, nếu chúng-ta còn nói thêm về sự định-bệnh theo *âm-dương* (lưỡng-nghi), *âm-dương* sinh ra *Đông*, *Tây*, *Nam*, *Bắc*, *Trung* (giữa), mỗi vị-trí chỉ-huy một màu *xanh*, *đỏ*, *trắng*, *den*, *vàng*, mỗi màu tượng-trưng một mùa *Xuân*, *Hạ*, *Thu*, *Đông* và *Tứ-Quý* (màu vàng riêng chỉ mấy tháng 3, 6, 9, 12 âm-lịch), và cố-nhiên, điều-hành năm chất: *mộc*, *hỏa*, *kim*, *thủy*, *thổ*, mà trong đó can (gan) thuộc mộc, tám (tim) thuộc hỏa, phế (phổi) thuộc kim, thận thuộc thủy, và sau hết, tỳ thuộc thổ.

Tất-cả sự định-bệnh, chọn vị thuốc (chữa bệnh) phải tùy theo sự liên-hệ *thuận hay nghịch* và *hư hay thực* đối với thời-tiết, màu sắc, mà ấn-định vị đắng, cay, ngọt, mặn . . . , là thực-chất của vị thuốc. Người thầy thuốc không được phép chỉ biết có bệnh-nhân, mà còn phải đặt bệnh-nhân (với chứng-bệnh) vào giữa ngoại-cảnh và ngoại-vật.

III. NHỮNG NHƯỢC-ĐIỂM KHÔNG THỂ TRÁNH

Nhưng không phải lúc nào y-học Đông-phương cũng thành-công như vậy. Câu hỏi đầu-tiên mà người-ta có-thể đặt ra là bấy nhiêu khó khăn, có bao nhiêu thầy thuốc có thể hiểu được và áp-dụng được thật đúng? Sự thật là một nhà Nho-học uyên-bác — đậu đến bằng Tiến-sĩ chữ Hán — có lần đã nói với người viết những dòng này một câu chí-tình rằng: «*Học thi thể, nhưng đến khi thực-hành, người vào hàng khá cũng chỉ có thể áp-dụng được bốn, năm phần sở-học mà thôi*».

(1) Bốn việc phải làm này là: *vọng*, *vấn*, *vĩnh*, *thiết*. Ba danh-từ trên có nghĩa là *quan-sát* (*quan-hình*, *sát-sắc*), là *nghe tiếng động* (nói, thở, . . .) *vĩnh* (hỏi bệnh-nhân), chỉ riêng chữ «*thiết*» có nghĩa là xem mạch.

(2) Ghi-chú dành riêng cho các bạn đọc muốn hiểu rõ hơn: Ba điểm mạch *quan*, *xích*, *thốn*, ở cỗ tay phải chỉ vào phổi với ruột già, dạ dày với lá lách, mang (sống chết) với các thỉ-màng mỏng trong cơ-thở. Ba điểm này ở cỗ tay trái chỉ vào tim với ruột non, gan với mật, thận với bàng quang. Lẽ cố-nhiên khi học xem mạch phải được học thể nào là mạch ăn về tim hay về ruột hon v.v...

(3) *phù*, *trung*, *trầm* là nồi, vừa phải và chìm.

(4) Ví dụ người yếu mà nóng là nóng giả; khát nước, thèm nước mà ngâm nước vào miệng lại không muốn nuốt đi là nóng giả, v.v...

Sự nhận-dịnh chân-thành này đã làm cớ cho hầu hết những điều chê-trách khác. Sự học-hỏi đã cần đến mươi, mươi lăm năm mới thấu-triết được phần triết-lý, vậy phải học bao nhiêu năm mới có-thể đạt tới thực-hành? Và bao nhiêu thầy thuốc theo y-học Đông-phương đã có công-phu học được như vậy.

Trả lời những câu hỏi này là kết án tử-hình nền y-học Đông-phương. Vì, thật thế, trong năm, mươi năm nữa, nước Việt-Nam sẽ không còn một vị khoa-cử Hán-học nào. Đến lúc đó, ai là người dám xưng minh là người biết nghề chữa bệnh theo « triết-học và y-học » Đông-phương? Đến lúc đó, sẽ chỉ còn những người học lỏm hay học thuộc lòng được một số bài thuốc, rồi giả vờ chuẩn mạch mà sự thật chỉ xem chứng-bệnh bên ngoài mà cho uống thuốc theo bài có sẵn, không gia-giảm. Những người này cố-nhiên không bằng những người thợ trồng răng, dù sao cũng được học nhiều hơn — về nghề-nghiệp.

VI. NHƯNG CHÍNH CÁC NHÀ BÁC-HỌC TÂY-PHƯƠNG...

Chính các nhà bác-học Tây-phương, sau khi biết có kho-tàng y-học Đông-phương, đã khôn-nở bỏ mặc cho kho-tàng đó bị « bụi thời-gian » phủ-kín mọi dấu-vết. Chính các nhà bác-học Tây-phương đã sang tận Thượng-Hải, Hương-Cảng để nghiên-cứu vấn-de. Rồi đến các nhà bác-học Nhật-Bản, Trung-Hoa, sau khi du-học thành-tài ở Ba-Lê, Bá-Linh Luân-dôn v.v..., đã trở về họ lại sách vở của tổ-phụ.

Điều lạ-lùng nhất mà họ tìm thấy là hai nền y-học, với quan-niệm nguyên-thủy trái hẳn nhau, mà thật-sự chỉ đưa đến những đường-lối thực-hành trái ngược nhau ở bề ngoài, còn bên trong không những phù-hop nhau mà còn bỗ-khuyết lẫn cho nhau. Khoa vi-trùng-học mới nhận thấy vi-trùng có loại hợp màu đỏ, có loại ký màu vàng. Các bác-sĩ chữa bệnh lao phổi đã biết từ lâu gửi con bệnh đến những nơi khô ráo, ẩm áp (phế thuộc kim, hợp với màu trắng và mùa thu!). Một số bệnh-nhân ở thần-kinh-hệ bắt đầu được chữa-chạy trong những căn phòng sơn màu hợp với căn bệnh (hay hợp với ngũ-hành?).

Khám-phá quan-trọng nhất của các nhà bác-học Tây-phương là làm sống lại khoa châm-chích. Hoàn-toàn chi-phối hệ-thần-kinh, khoa châm-chích, ngay bây-giờ, đã có-thể nói là giúp cho nền y-học Tây-phương tiến vượt bậc. Bởi một lẽ khoa-học thực-nghiệm chỉ có-thể nhận thấy biến-chứng mà không đi sâu vào được sự sống của thần-kinh-hệ (dùng biện-pháp quang-tuyến không nhìn thấy; mỗi khi được mở tim đến giây thần-kinh là con bệnh đã chết — thì cố-nhiên thần-kinh cũng đã ngừng hoạt động). Y-học Đông-phương có-lẽ cũng không nhìn thấy thần-kinh-hệ. Nhưng nhờ sự suy-luận nào, hay nhờ kinh-nghiệm từ bao-giờ, mà biết rằng cầm cây kim nhỏ như sợi tóc « vào sâu một ngón tay cái, ở một điểm thuộc phía ngoài ống chân phải, ở dưới đầu xương bánh-chè

3 lần đốt thứ 2 ngón tay trái của bệnh-nhân », cầm kim như thế có-thể chữa được 85 phần trăm bệnh sưng khúc ruột thừa (ruột chưa thủng) trong thời-gian từ 6 tiếng (nhanh nhất) đến 2 ngày (chậm nhất).

Phép chữa bệnh sưng-khúc-ruột-thừa một cách rất đặc-biệt này đã được báo-cáo trước Viện Hán-lâm Giải-phẫu của Pháp bởi giáo-sư B. Azerad — một giáo-sư chuyên về giải-phẫu có tiếng tăm trên đất Pháp. Giáo-sư Azerad cùng hai bạn đồng-nghiệp, giáo-sư J. Lefebre và H. Le Brigand, cũng lại viết bài tường-thuật những điều mắt-thấy tai-nghe về một số thực-hiện của các thầy thuốc Á-Đông. Uy-tín của các tác-giả không cho phép chúng ta hoài-nghi những điều nhận-định về chuyên-môn của họ : *Hai nền y-học có thể phát-triển song-hành, ngoài cái lợi về xã-hội, cái lợi về kiến-thức cũng hết sức rõ-rệt.*

Sự bồi-khuyết lẫn cho nhau còn quan-trọng một cách rất đặc-biệt về sự tìm-kiếm được-liệu. Báo NEWSWEEK số 27 tháng 8 nhân nói về y-học Đông-phương, có nhắc lại rằng người Tàu ăn tuy-tạng lợn (có nhiều chất insulin) đỡ bệnh tiểu-đường, người Ấn-Độ biết từ ngàn xưa cây Serpentaria (có chất reserpine) chữa bệnh huyết-áp cao và cây Ephedria-Vulgaris (có chất éphédrine) chữa đỡ được bệnh suyễn. Đó là chưa kể đến các chất mới được dùng như mã-tiền, cam-thảo, phụ-tử, dương-quy v.v. Cuốn Dược-thư của người Tàu còn đề dành hàng ngàn vị thuốc cho công-cuộc nghiên-cứu của các nhà Bác-học.

V.— VĂN-ĐỀ Ở VIỆT-NAM.

Thật là một điều vô cùng đáng tiếc : một câu chuyện nhỏ, bị xé thành lớn, đã làm cho một vấn-đề rất lớn bị gạt ra ngoài lề quá sớm. Vấn-đề thảo-luận, mới đây ở Saigon, đã gây nên một sự hiếu-lầm lẫn nhau rất tai-hại. Tai-hại ở sự tức-giận gây ra cho cả đôi bên, trong một lãnh-vực có hệ-trọng đến sức khỏe và sinh-mạng của một số đông đồng-bào, đã khiến cho người ta quên vấn-đề khai-thác nền y-học Đông-phương cùng những nhà chuyên-môn trị-bệnh theo nền y-học đó.

Nội-dung không phải là vấn-đề danh-từ đã được đặt quá nặng bên này cũng như bên kia, vấn-đề thật là : Đông-y phải được xem như một di-sản quý-báu nhất cần phải được định-giá cho đúng và khai-thác, trau-dồi. Ở ngoài sự tranh-chấp, những ai quan-tâm đến nền y-học xứ-nhà đều thấy việc làm cần-thiết và cấp-bách hiện-tại là :

1.— *Quy-pháp (codifier) nền Đông-y và ổn-định những nguyên-tắc rõ-rệt hơn cho sự đối-xử với những người hành-nghề Đông-y.*

Điều này rất cần-thiết về phương diện xã-hội, để ổn-định tinh-thần và đời sống của 8 000 (tám nghìn) thầy thuốc đồng-y.

2.— *Phục-hưng khoa-mục nền y-học Đông-phương.*

Sự nhận-định chân-thành này đã làm cớ cho hầu hết những điều chè-trách khác. Sự học-hỏi đã cần đến mươi, mười lăm năm mới thấu-triết được phần triết-ly, vậy phải học bao nhiêu năm mới có-thể đạt tới thực-hành? Và bao nhiêu thày thuốc theo y-học Đông-phương đã có công-phu học được như vậy.

Trả lời những câu hỏi này là kết án tử-hình nền y-học Đông-phương. Vì, thật thế, trong năm, mươi năm nữa, nước Việt-Nam sẽ không còn một vị khoa-cử Hán-học nào. Đến lúc đó, ai là người dám xưng mình là người biết nghề chữa bệnh theo « triết-học và y-học » Đông-phương? Đến lúc đó, sẽ chỉ còn những người học lỏm hay học thuộc lòng được một số bài thuốc, rồi giả vờ chuẩn-mạch mà sự thật chỉ xem chừng-bệnh bên-ngoài mà cho uống thuốc theo bài có sẵn, không gia-giảm. Những người này cố-nhiên không bằng những người thợ tròng răng, dù sao cũng được học nhiều hơn — về nghề-nghiệp.

VI. NHỮNG CHÍNH CÁC NHÀ BÁC-HỌC TÂY-PHƯƠNG...

Chính các nhà bác-học Tây-phương, sau khi biết có kho-tàng y-học Đông-phương, đã không nỡ bỏ mặc cho kho-tàng đó bị « bụi thời-gian » phủ-kín mọi dấu-vết. Chính các nhà bác-học Tây-phương đã sang tận Thượng-Hải, Hương-Cảng để nghiên-cứu vấn-de. Rồi đến các nhà bác-học Nhật-Bản, Trung-Hoa, sau khi du-học thành-tài ở Ba-Lê, Bá-Linh Luân-dôn v.v..., đã trở về học lại sách vở của tổ-phụ.

Điều lạ-lùng nhất mà họ tìm thấy là hai nền y-học, với quan-niệm nguyên-thủy trái hẳn nhau, mà thật-sự chỉ đưa đến những đường-lối thực-hành trái ngược nhau ở bề ngoài, còn bên trong không những phù-hop nhau mà còn bồ-khuynh lấn cho nhau. Khoa vi-trùng-học mới nhận thấy vi-trùng có loại hợp màu đỏ, có loại ký màu vàng. Các bác-sĩ chữa bệnh lao phổi đã biết từ lâu gửi con bệnh đến những nơi khô ráo, ấm áp (phế thuộc kim, hợp với màu trắng và mùa thu!). Một số bệnh-nhàn ở thần-kinh-hệ bắt đầu được chữa-chạy trong những căn phòng sơn màu hợp với căn bệnh (hay hợp với ngũ-hành?).

Khám-phá quan-trọng nhất của các nhà bác-học Tây-phương là làm sống lại khoa châm-chích. Hoàn-toàn chi-phối hệ-thần-kinh, khoa châm-chích, ngay bây-giờ, đã có-thể nói là giúp cho nền y-học Tây-phương tiến vượt bực. Bởi một lẽ khoa-học thực-nghiệm chỉ có-thể nhận thấy biến-chứng mà không đi sâu vào được sự sống của thần-kinh-hệ (dùng biến-pháp quang-tuyến không nhìn thấy; mỗi khi được mở tim đến giây thần-kinh là con bệnh đã chết — thì cố-nhiên thần-kinh cũng đã ngừng hoạt-động). Y-học Đông-phương có-lẽ cũng không nhìn thấy thần-kinh-hệ. Nhưng nhờ sự suy-luận nào, hay nhờ kinh-nghiệm từ bao-giờ, mà biết rằng cầm cây kim nhỏ như sợi tóc « vào sâu một ngón tay cái, ở một điểm thuộc phía ngoài ống chân phải, ở dưới đầu xương bánh-chè

3 lần đốt thứ 2 ngón tay trỏ của bệnh-nhân», cầm kim như thế có-thể chữa được 85 phần trăm bệnh sưng khúc ruột thừa (ruột chưa thủng) trong thời-gian từ 6 tiếng (nhanh nhất) đến 2 ngày (chậm nhất).

Phép chữa bệnh sưng-khúc-ruột-thừa một cách rất đặc-biệt này đã được báo-cáo trước Viện *Hàn-lâm Giải-phẫu* của Pháp bởi giáo-sư B. Azerad — một giáo-sư chuyên về giải-phẫu có tiếng tăm trên đất Pháp. Giáo-sư Azerad cùng hai bạn đồng-nghiệp, giáo-sư J. Lefebre và H. Le Brigand, cũng lại viết bài tường-thuật những điều mắt-thấy tai-nghe về một số thực-hiện của các thầy thuốc Á-Đông. Uy-tín của các tác-giả không cho phép chúng ta hoài-nghi những điều nhận-định về chuyên-môn của họ : *Hai nền y-học có thể phát-triển song-hành, ngoài cái lợi về xã-hội, cái lợi về kiến-thức cũng hết sức rõ-rệt.*

Sự bô-khuyết lẩn cho nhau còn quan-trọng một cách rất đặc-biệt về sự tìm-kiếm được-liệu. Báo NEWSWEEK số 27 tháng 8 nhân nói về y-học Đông-phương, có nhắc lại rằng người Tàu ăn tuy-tạng lợn (có nhiều chất insulin) đỡ bệnh tiểu-đường, người Ấn-Độ biết từ ngàn xưa cây Serpentaria (có chất réserpine) chữa bệnh huyết-áp cao và cây Ephedria-Vulgaris (có chất éphédrine) đỡ được bệnh suyễn. Đó là chưa kể đến các chất mới được dùng như mã-tiền, cam-thảo, phụ-tử, dương-quy v.v. Cuốn Dược-thư của người Tàu còn để dành hàng ngàn vị thuốc cho công-cuộc nghiên-cứu của các nhà Bác-học.

V.— VĂN-ĐỀ Ở VIỆT-NAM.

Thật là một điều vô cùng đáng tiếc : một câu chuyện nhỏ, bị xé thành lớn, đã làm cho một vấn-đề rất lớn bị gạt ra ngoài lề quá sớm. Vấn-đề thảo-luận, mới đây ở Saigon, đã gây nên một sự hiếu-lầm lẩn nhau rất tai-hại. Tai-hại ở sự tức-giận gây ra cho cả đôi bên, trong một lãnh-vực có hệ-trọng đến sức khỏe và sinh-mạng của một số đông đồng-bào, đã khiến cho người ta quên vấn-đề khai-thác nền y-học Đông-phương cùng những nhà chuyên-môn trị-bệnh theo nền y-học đó.

Nội-dung không phải là vấn-đề danh-từ đã được đặt quá nặng bên này cũng như bên kia, vấn-đề *thật* là : Đông-y phải được xem như một di-sản quý-báu nhất cần phải được định-giá cho đúng và khai-thác, trau-dồi. Ở ngoài sự tranh-chấp, những ai quan-tâm đến nền y-học xứ-nhà đều thấy việc làm cần-thiết và cấp-bách hiện-tại là :

1.— *Quy-pháp (codifier) nền Đông-y và ấn-định những nguyên-tắc rõ-rệt hơn cho sự đối-xử với những người hành-nghề Đông-y.*

Điều này rất cần-thiết về phuong diện xã-hội, để ổn-định tinh-thần và đời sống của 8 000 (tám nghìn) thầy thuốc đồng-y.

2.— *Phục-hưng khoa-mục nền y-học Đông-phuong.*

VÀI TÂM-TRẠNG NGHỊCH-THƯỜNG

CỦA THANH-NIÊN TRƯỚC NHỮNG GIÁ-TRỊ XÃ-HỘI

DUƠNG NHẤT-NHÂN

Mở đầu.

Làm sao thẩm-định được thế nào là bình-thường, nội-dung cùng lãnh-vực của nó, ngõ hầu biện-biệt với cảnh-giới và bàn về sự nghịch-thường trong tâm-trạng, mà bản-chất là biến-chuyển không ngừng, của thanh-niên, cái đà sống đang triển-diễn ở mức độ dung-manh nhất?

Lại nữa, ngoài những «khuôn mẫu» lối-thời được dung-dưỡng bởi những phần-tử lạc-hậu hay ngoan-cố, hoặc còn tồn-tại nhờ iận sâu vào tiềm-thức và tập quán dưới áp-lực thời-gian; xã-hội liệu có thật đã tìm ra những tiêu-chuẩn ít bị hoài-nghi, phù-hợp với thời-đại — chứ không phải giai-đoạn — và khát-vọng mới để sắp xếp một bực thang giá-trị, khả-dĩ cho đa-số thanh-niên tuân-thuật?

Những vấn-nạn tiên-khởi đó có vẻ phù-hợp với lý-trí, nhưng nếu chỉ căn-cứ vào những suy-luận trừu-tượng thì không có lời giải-đáp thỏa-đáng trước những quan-niệm nhân-sinh, vốn thay đổi theo sự giáo-đục, hoàn-cảnh và thái-độ chủ-quan của mỗi người.

Ở đất đứng này, một tâm-trạng, hành-vi được coi là bình-thường nhưng nhìn từ biên-vực kia, dưới một lăng-kính khác, nó trở nên nghịch-thường và ngược lại. Giá-trị cũng vậy, không có một phân-mẫu chung để cân-phân đâu là hơn kém một cách tuyệt đối.

Thêm vào đó, sự huyễn-hoặc của ngữ-tự có thể gây những mắc-cảm luân-lý làm sai hướng nhận-định vì phẩm-tử « thường, nghịch-thường » trong nhiều trường-hợp khác nhau, hàm-ngụ sự tốt, xấu, nên hay không nên ; và hình-dung-tử « thang giá-trí » gọi ý-niệm cao, thấp, đáng hay không đáng mong ước.

Thực ra, không hẳn thế. Tốt xấu, cao thấp chỉ là những hư-số, những sự mệnh-danh chưa bao giờ thực có hẳng-cứu, tuy rằng nó có thực, xuất-phát như một đòn bẩy của tinh-chức, cố gán ép vào mỗi con-chế dù sao cũng khó tránh ít nhiều giả-tạo nhưng tiện-lợi cho một đa-số (hay thiểu số ?) nào đó.

Như vậy, thực-tế và giai-đoạn nạp-kết giá-trí rồi thời-gian làm giá-trí ấy chuyền-biến đi, tiếp đó lại phân-tán trên tấm gương xã-hội phản-hướng lên nhân-tâm. Ở đây thấp-thoảng những mảnh sáng chói-chang và cũng ở đây vẫn đục những đám sương mù dày đặc.

Thanh-niên, trước ngực của cuộc thế, lý-tưởng còn nguyên-vẹn, tinh-cảm tràn đầy trong cái tư-duy dang-dở, xao-xuyến với bản-thân và thiết-tha với đời sống liệu tim gặp được gì khi soi mình trước tấm gương phân-tán kia, những ước-mong của họ được làm sáng lên hay sẽ bị lu-mờ, tan lạc trong sương mù ?

Khởi đầu bằng một cảm-tưởng bỡ-ngỡ vì những giao-động tự-quí, vừa bắt gặp lý-tưởng — những hình-tượng tận-thiện, tận-mỹ — trong mỗi khoảnh-khắc của tâm-thức, vừa mơ-hồ cảm biết thực-tế không sao ứng-hợp với mỗi khoảnh-khắc ấy. Tuy họ chưa có kinh-nghiệm trực-tiếp về bản-thân và cuộc đời, nhưng sức mạnh và sự hăng say tuổi trẻ vẫn thúc đẩy ý-hướng vượt cái thường-tại mà áp-ủ những hoài-bão to lớn trong dự-phóng tương-lai. Vượt cái thường-tại là một cố-gắng nội-tâm rất trung-thực để tiến tới một cái gì cao đẹp hơn, và hoài-bão là một sinh-lực hồn-hậu của thanh-niên chứ không phải là kết-quả của tri-thức vốn bị các bậc đàn anh coi là non-nớt vần-vơ, mù-quáng. Đó là niềm tin-tưởng, mối cảm-xúc, sống động theo dòng tâm-linh chảy xiết, đối-lập với những phân-tách, suy-luận theo một chiều hướng cố định đã được vạch sẵn.

Thế, rồi, đáp lời mời gọi của giá-trí, một giá-trí tiên-niệm, tạo dựng trong một khuôn danh-lý hạn hẹp, đóng khung trong một quan-diểm thời-thượng, họ tham-dụ vào tập-thể, có cơ-hội và bắt-buộc phải thử-thách, so chiếu những điều minh tưởng và những điều có thực thì sự lũy-trưởng cách-bié mới rõ-ràng, thẩm-thía. Chưa và không « phản-tính » ngay được, khó cảm-thông với tha-nhân, — là những chó sói của người ? khó hòa-điệu với cộng-đồng, — cái cộng-đồng nghiệt-ngã ?, họ cô đơn với chính mình, ý-hướng dường như bị băng-hoại, hoài-vọng thành hoang-ảo, chợt hiện rồi vụt tan như bọt nổi và lý-tưởng phải chăng là huyễn-mộng.

Tình-trạng ấy để đưa đến sự « nghịch-thường » với những phản-ứng ngược hẳn lại những toan-tính của xã-hội nhưng có lẽ rất bình-thường về phương-diện tâm-lý.

VÀI TÂM-TRẠNG NGHỊCH-THƯỜNG CỦA THANH-NIÊN TRƯỚC NHỮNG GIÁ-TRỊ XÃ-HỘI

DUƠNG NHẤT-NHÂN

Mở đầu.

Làm sao thầm-định được thế nào là bình-thường, nội-dung cùng lãnh-vực của nó, ngõ hầu biện-biệt với cảnh-giới và bàn về sự nghịch-thường trong tâm-trạng, mà bản-chất là biến-chuyển không ngừng, của thanh-niên, cái đà sống đang triển-diễn ở mức độ dũng-mạnh nhất ?

Lại nữa, ngoài những «khuôn mẫu» lối-thời được dung-duồng bởi những phần-tử lạc-hậu hay ngoan-cố, hoặc còn tồn-tại nhờ lặn sâu vào tiềm-thức và tập quán dưới áp-lực thời-gian ; xã-hội liệu có thật đã tìm ra những tiêu-chuẩn ít bị hoài-nghi, phù-hợp với thời-đại — chứ không phải giai-đoạn — và khát-vọng mới để sắp xếp một bức thang giá-trị, khả-dĩ cho đa-số thanh-niên tuân-thuẬt ?

Những vấn-nạn tiên-khởi đó có vẻ phù-hợp với lý-trí, nhưng nếu chỉ căn-cứ vào những suy-luận trừu-tượng thì không có lời giải-dáp thỏa-đáng trước những quan-niệm nhân-sinh, vốn thay đổi theo sự giáo-dục, hoàn-cảnh và thái-độ chủ-quan của mỗi người.

Ở đất đứng này, một tâm-trạng, hành-vi được coi là bình-thường nhưng nhìn từ biên-vực kia, dưới một lăng-kính khác, nó trở nên nghịch-thường và ngược lại. Giá-trị cũng vậy, không có một phân-mẫu chung để cân-phân đâu là hơn kém một cách tuyệt đối.

Thêm vào đó, sự huyễn-hoặc của ngữ-tự có thể gây những mặc-cảm luân-lý làm sai hướng nhận-định vì phẩm-tử « thường, nghịch-thường » trong nhiều trường-hợp khác nhau, hàm-nghụ sự tốt, xấu, nên hay không nên ; và hình-dung-tử « thang giá trị » gọi ý-niệm cao, thấp, đáng hay không đáng mong ước.

Thực ra, không hẳn thế. Tốt xấu, cao thấp chỉ là những hư-số, những sự mệnh-danh chưa bao giờ thực có hăng-cửu, tuy rằng nó có thực, xuất-phát như một đời hỏi của tồ-chức, cố gán ép vào mỗi co-chế dù sao cũng khó tránh ít nhiều giả-tạo nhưng tiện-lợi cho một đa-số (hay thiểu số ?) nào đó.

Như vậy, thực-tế và giai-đoạn nạp-kết giá-trị rồi thời-gian làm giá-trị ấy chuyền-biến đi, tiếp đó lại phản-tán trên tấm gương xã-hội phản-hưởng lên nhân-tâm. Ở đây thấp-thoáng những mảnh sáng chói-chang và cũng ở đây vẫn đục những đám sương mù dày đặc.

Thanh-niên, trước ngực của cuộc thế, lý-tưởng còn nguyên-vẹn, tinh-cảm tràn đầy trong cái tư-duy dang-dở, xao-xuyến với bản-thân và thiết-tha với đời sống liệu tim gặp được gì khi soi mình trước tấm gương phản-tán kia, những ước-mong của họ được làm sáng lên hay sẽ bị lu-mờ, tan lạc trong sương mù ?

Khởi đầu bằng một cảm-tưởng bỡ-ngỡ vì những giao-động tự-quí, vừa bắt gặp lý-tưởng — những hình-tượng tận-thiện, tận-mỹ — trong mỗi khoảng-khắc của tâm-thức, vừa mơ-hồ cảm biết thực-tế không sao ứng-hợp với mỗi khoảng-khắc ấy. Tuy họ chưa có kinh-nghiệm trực-tiếp về bản-thân và cuộc đời, nhưng sức mạnh và sự hăng say tuổi trẻ vẫn thúc đẩy ý-hướng vượt cái thường-tại mà ấp-ủ những hoài-bão to lớn trong dự-phóng tương-lai. Vượt cái thường-tại là một cõi-gắng nội-tâm rất trung-thực để tiến tới một cái gì cao đẹp hơn, và hoài-bão là một sinh-lực hồn-hậu của thanh-niên chứ không phải là kết-quả của tri-thức vốn bị các bậc đàn anh coi là non-nớt vần-vơ, mù-quáng. Đó là niềm tin-tưởng, mối cảm-xúc, sống động theo dòng tâm-linh chảy xiết, đối-lập với những phản-tách, suy-luận theo một chiều hướng cố định đã được vạch sẵn.

Thế, rồi, đáp lời mời gọi của giá-trị, một giá-trị tiên-niệm, tạo dựng trong một khuôn danh-lý han hẹp, đóng khung trong một quan-diểm thời-thượng, họ tham-dự vào tập-thể, có cơ-hội và bắt-buộc phải thử-thách, so chiếu những điều minh tưởng và những điều có thực thì sự lũy-trưởng cách-biệt mới rõ-ràng, thấm-thía. Chưa và không « phản-tính » ngay được, khó cảm-thông với tha-nhân, — là những chó sói của người ? khó hòa-điệu với cộng-đồng, — cái cộng-đồng nghiệt-ngã ?, họ cô đơn với chính mình, ý-hướng dường như bị băng-hoại, hoài-vọng thành hoang-ảo, chợt hiện rồi vụt tan như bọt nổi và lý-tưởng phải chẳng là huyễn-mộng.

Tình-trạng ấy để đưa đến sự « nghịch-thường » với những phản-ứng ngược hẳn lại những toan-tính của xã-hội nhưng có lẽ rất bình-thường về phương-diện tâm-lý.

Người nói đã khô cổ, người nghe cũng đã nhảm tai và âm-thanh cũng đã tan vào hơi gió, không đủ gây một niềm xao-xuyến như tác-dụng của tiếng còi phòng-thủ thụ-dộng thuở nào chiến-tranh ! Hôm nay phải khơi lại vấn-de, kẻ viết không tránh khỏi ngại-ngùng. Đặt vấn-de để khảo-sát một cách tǐ-mỉ và khoa-học như khi nghiên-cứu bắt-cứ một hiện-tượng xã-hội nào thì xin nhận là chưa đủ phương-tiện và chưa có hoàn-cảnh, mà chỉ đem những kinh-nghiệm, những nhận-xét riêng tư ra trình-bày một cách vu-vơ thi lại e không khỏi mang tiếng là ăn mót nói mồ.

Sau nữa, vấn-de tự nó đã mang đủ tính-chất « động chạm » mà sự thật thì lại hay mất lòng !

Song trong nghĩ, tuổi trẻ không có quyền suy hơn tinh-thiệt nên cũng dành lấy hết can đảm mà xin góp một lời.

* *

Còn nhớ, trước đây ít lâu, trong một bài bình-luận về vấn-de thanh-niên, dài phát-thanhs Sài-gòn đã truyền đi nhận-xét đại-khai như sau : « Nền giáo-dục ngày nay đã tạo ra lớp thanh-niên khinh người trước và ngò-vịc người sau ».

Chưa vội phê-bình nhận-xét này, chúng ta hãy trở về với những tiếng nói đè-cập tới vấn-de thanh-niên, sinh-viên từ ít lâu nay. Ta thấy dù người nói thuộc thành-phần nào, dù tiếng nói thẳng-thắn hay có dụng-ý nào, và dù là thái-độ vô-tư hay có tinh-cách moi-móc, đồ vầy trách-nhiệm thì hầu hết đã đồng-ý ở một điểm : sự hoang-mang, mất tin-tưởng của thanh-niên hôm nay.

Đem so-sánh hai sự-kiện vừa ghi nhận ta thấy rằng cái trước chỉ là hậu-quả tất-nhiên của cái sau. Nhưng không phải chỉ có thế.

Sự mất tin-tưởng còn đưa tới nhiều hậu-quả vô cùng phức-tạp mà những người lạc-quan nhất cũng không khỏi có đôi chút xao-xuyến khi nghĩ tới. Không dối người, không dối mình, ta phải thẳng-thắn mà nhận rằng nhận-xét đã nêu ở trên không phải là thiếu xác-đáng.

Nhưng, đối với người trước và người sau đã như vậy còn đối với người đồng lứa thì sao ? Ta có thể ghi thêm : coi rẻ !

Bất-cứ ai cũng có thể hiểu rằng thanh-niên là tuổi hăng-hái, nồng-nhiệt, say-mê lý-tưởng, khát-khao một thán-tượng, thèm muốn sự cảm-thông. Vậy mà phải có thái-độ trên thi ta có thể tưởng-tượng là họ đã trải qua một tâm-trạng bi-thảm, đến mực nào ?

Với nguyên-vẹn tấm-lòng trong sạch, với cái nhìn tràn-trề hy-vọng về cuộc đời, người thanh-niên bắt đầu ra ngoài khung cảnh gia-dinh và học đường để rơi vào thực-tế, nhất là thử thực-tế phũ-phàng, thi xúc-động nhất-định phải vô cùng mạnh-mẽ !

Va-chạm với cuộc sống, đối đầu với bao nhiêu vấn-đề thực-tại với tham-vọng lắp biển và trời, người thanh niên thấy bừng lên trong huyết-quản một niềm công-phẫn, một nỗi đau xót, và với bàn tay sạch sẽ của mình, họ muốn san bằng mọi bất-công, tiêu-diệt khổ-ái, muốn đưa đồng-loại tới thiên-đường ! Nhưng, chỉ lớn tài sơ ! Người thanh-niên thấy rằng mình lúng-túng, không tìm được lối thoát. Họ tự cảm thấy bất-lực trước thực-tai mà họ cho là bất-hoàn-hảo.

Họ muốn có một chỗ để cầu-cứu. Và đã rất tự-nhiên, họ quay về nhìn huynh-trưởng của mình. Song họ đã thấy ai?

Chúng ta hãy đề ý đến người thanh-niên Việt-Nam hôm nay. Luân-lý đã dạy họ biết bao nhiêu nguyên-tắc căn-bản vô cùng đẹp-dẽ: tự-do, bình-đẳng v.v... Mà họ vô cùng say-mê. Khoa-học đã dạy họ những hiểu biết mà tư-tưởng vốn vô cùng phong-phú của tuổi trẻ cũng chưa hề đạt tới. Họ tin-tưởng và sung-sướng trước những tiến-bộ của nhân-loại.

Nhưng khi rời vào thực-tế, họ ngô-ngàng trước những sự thực trần truồng. Trước giai-đoạn này họ cũng đã từng nghe nói tới thực-tế phũ-phàng nhưng chưa bao giờ họ nghĩ rằng nó có thể phũ-phàng đến như vậy. Trước hoàn-cảnh, họ thấy cần phải hành-động và tất nhiên là theo chiều hướng lý-tưởng mà họ cho là đẹp đẽ nhất. Nhưng thực-tế đã đập vào mặt họ phũ-phàng đến mức có lúc họ tự hỏi : phải chăng muốn sống thì phải rũ bỏ lý-tưởng ? Họ bắt đầu nghi- ngờ những điều đã học được. « Uy vũ bất-năng-khuất » là cái gì mới được chứ ? Họ bắt đầu khinh bỉ, nhìn khi tiết của cõi nhân như một thái-độ « quân-tử tầu » khờ-khạo.

Trở về với cái thực tại gần gũi nhất là nếp sinh-hoạt thường nhật, người thanh-niên không khỏi đau lòng khi thấy giữa thời-đại hỏa-tiễn, vội-tinh mà anh em mình vẫn è cổ kéo cày thay trâu và tất cả nguyêng vọng của kiếp người dường như vẫn chưa vượt qua lời cầu khẩn:

« Lạy trời mưa xuống

Lấy dày bát cơm »

Rồi trước kinh-nghiệm lịch-sử họ cũng không khỏi bài ngùi xót xa thấy máu của cha, anh đỗ xuống đã nhiều mà kết-quả thi vô cùng chua chát.

Nhìn ra nước ngoài, những tấm gương Nhật-Bản, Đức-Quốc buộc họ phải bắn khoăn.

Chỉ mới động-chạm một vài vấn-dề nhỏ bé như vậy thôi họ đã thấy bày ra trước mắt mình cả một trời công việc phải làm. Với tấm lòng nhiệt-thành, họ không ngại mang tiếng là điếc không sợ súng, họ cũng loay-hoay cởi nút. Nhưng rồi dù với lòng tự tin mãnh-liệt họ cũng cảm thấy chết đuối trong vấn đề. Họ thấy cần được dịu dắt. Họ trông đợi ở đàn anh.

Đó mới chỉ là một trường-hợp. Còn những trường-hợp khác người thanh-niên thấy bối rối trước sắc màu cuồng-loạn của thời-đại, bơ vơ giữa rùng-rợn của cuộc đời, họ cũng thành-khẩn mong mỏi có một ánh đuốc soi đường. Và tất nhiên họ cũng hướng về phía trước.

Nhưng nghe ngóng hoài công. Tất cả vẫn lặng thinh ! Nóng ruột, họ đón đáo tim tới đê rồi ngã ngửa ! Họ chẳng thấy được gì hơn hay có thấy thì lại là những điều làm tăng thêm bối rối hoặc càng thêm bơ vơ. Chúng ta hãy để ý tới cái khung cảnh gần gũi nhất là gia-đinh. Ta thấy rằng đã là huynh-trưởng ai chẳng thương yêu con em. Song chính vì vậy mà hầu như người ta chỉ sợ con em mình phải chịu thiệt-thòi. Với kinh-nghiệm thực-tế, người ta thấy cần phải hướng dẫn con em theo chiều hướng lợi-lộc nhất. Ai chẳng muốn con em mình sung-sướng, an nhàn ?

Nền giáo-dục gia-dinh vì vậy đã nặng tinh-chất ich-kỷ. Chúng ta không phủ-nhận là vẫn có những gia-dinh có một nền giáo-dục rất sáng-suốt, song phải nhận rằng những trường-hợp này khá-hiếm.

Giáo-dục con em như vậy các vị huynh-trưởng đã quên mất một điều quan-trọng là cái tâm-trạng đặc-biệt của thanh-niên. Đang ở trong thời kỳ mà lý-tưởng còn nguyên vẹn, người thanh-niên rất dễ khinh-thường lợi-lộc, thù ghét lòng ich-kỷ. Bởi vậy họ không thè thông cảm với các vị huynh-trưởng vốn đã va chạm nhiều và thực-tế hơn. Do đó họ cũng dễ nghi ngờ lòng khâm-phục xưa rày của mình đối với các huynh-trưởng.

Có thè chỉ vì tự ái họ đã đặt câu hỏi : Tại sao mọi người chỉ thích mình sống theo lề lối tầm thường ? Tại sao ai cũng chỉ muốn mình trở thành một loài lợn béo ? Tâm hồn các huynh-trưởng của mình cũng chỉ « cao đẹp » có ngàn áy thô sao ? Biết bao nhiêu câu hỏi tương tự đã nảy ra trong trí ? không ai đáp lại thắc mắc của họ mà nhiều khi còn tỏ một thái-độ nghiệt-ngã rất thiếu hiểu biết. Niềm cảm thông dường như đứt đoạn !

Ngoài xã-hội họ cũng không tìm được nguồn an-ủi nào hơn. Trước những « mức thang giá trị » của thời-đại họ thấy mình lạc lõng hay hơn nữa bị dè bỉu. Họ phản ứng lại bằng cách khinh rẻ mọi giá trị. Từ đó nảy sinh một mặc cảm tự tôn.

Sau hết còn một chỗ mà họ tin-tưởng nhất và chắc có thè bám víu được. Đó là các bậc thày. Nhưng nhiều khi cũng chỉ là một đám bợ ! Mỗi năm một tuổi, trí óc người thanh-niên mỗi ngày một đói hỏi được thỏa mãn hơn. Nhưng họ đã chỉ được đáp lại bằng những hiểu biết dũng dẽ dạy họ từ thuở còn học sơ-dâng ! Những điều đó đã được nhai đi nhai lại đến phát ngấy và dường như đã chết cứng như một xác ướp giữa cuộc đời luôn luôn đổi mới.

Một đôi lúc họ thắc-mắc và muốn tìm hiểu về những vấn-dề chính của dân-tộc mình. Họ cảm thấy chua chát khi thấy người ta chỉ khư khư ôm lấy bốn ngàn năm văn-hiến với bộ mặt tị mẫn đòn-độn để vô tình biến thành một thứ đười ươi giữ ống. Trong khi nhìn vào cái tối mờ của bốn, năm ngàn năm đó chỉ thấy một vài đốm lửa lấp-loè của những khách phương xa. Tuy họ vẫn phải mừng rỡ chạy theo các đốm lửa đó nhưng cũng không né được một niềm tủi hổ, một chút bực-bội với chính mình, với anh em mình, với cha chú mình. Họ cảm thấy cứ như thế này thì mãi mãi mình vẫn chỉ là một kẻ chạy theo, chạy đến đỗ dom-dom mắt cũng vẫn leo-đeo theo sau thiên hạ. Tự ái bị xúc phạm. Họ lại đi tìm nguyên-cớ để mà quy trách.

Chẳng phải họ không biết rằng sức người có hạn; chẳng phải họ không nghĩ tới những khó-khăn, tủi nhục của cha, anh. Song thực-tế trước mắt đã buộc họ phải nghĩ rằng huynh-trưởng của mình chưa đủ cố-gắng.

Không thỏa mãn ở phương-diện này, người thanh-niên sẽ nhìn sang một phương-diện khác để mong tìm thấy một điểm nào có thể làm dịu lòng khao khát tôn-kính của họ: một nhân cách đẹp-de chẳng hạn.

Không đếm xỉa đến những kẻ vẫn luôn luôn tự vỗ ngực là sĩ-phu, là trí-thức mà đốt đuốc bảy ngày cũng không tìm thấy một chút nho phong, sĩ khí; người thanh-niên có một lúc cũng thấy ngỡ-ngàng trước thái-độ của các bực thày.

Đành rằng các bực thày cũng chỉ là những con người với tất cả cái cao cả và thấp hèn của nó. Nhưng người thanh-niên không thể chấp nhận ở những người này một thái-độ quá tầm-thường hay ấu trĩ không kém họ.

Có một lúc người thanh-niên đã phải ngậm ngùi cùng với Tân-Đà :

. . . .
« Nước bốn ngàn năm vẫn trẻ con » !

Có người sẽ cho những ý-kiến trên đây là quá khich v.v... Đó là quyền của mỗi người.

Người viết chỉ xin một ân huệ là được miễn nói lên các thí-dụ cụ-thể vì chỉ nghĩ tới cũng đã đủ đau lòng! Cũng xin xác-định là không bao giờ kẻ viết có ý vơ đưa cả năm vì với lòng tin-tưởng của tuổi trẻ vào những cái cao đẹp của cuộc đời, chúng tôi nghĩ rằng trong các vị huynh-trưởng của mình không thiếu gì những người đáng tôn-thờ mà lớp thanh-niên hôm nay đã không có diêm-phúc được gặp. Nếu quả thực như lòng tin-tưởng của chúng tôi thì người thanh-niên cũng không khỏi bàng-khuâng, thắc-mắc trước thái-độ khiêm nhường đến mức không để ai biết tới sự hiện-diện của mình ấy.

Tuy rằng trên đây mới chỉ nêu lên một vài nhận-xét rất hời hợt, một vài khía-cạnh vô cùng đơn-giản song cũng xin ngừng lại để trọn lòng tôn-kính người trước.

Như trên đã trình-bày, giữa lớp thanh-niên hôm nay và lớp người đi trước, nhịp cầu cảm thông đã mong manh lại càng thèm nứt rạn.

Người thanh-niên trong lúc không biết bám víu vào đâu thì nhớ tới lời dạy người xưa : « hãy đốt đuốc lấy mà đi ». Họ dành trờ về mầm mống một mình.

Yếu đuối và cô độc, họ thấy cần bạn đường. Song nhìn sang những kẻ đồng hành, tất cả đều lầm lũi, khép kín ! Người thanh-niên vẫn luôn luôn trở về với bạn bè mình. Song có nhiều lúc họ cảm thấy chua chát vì bạn bè thì nhiều và đủ loại mà hình như vẫn vô cùng cô độc. Nhiều khi chính lớp người này cứ thấy mỗi ngày một xa nhau hơn. Cũng có những trường-hợp họ bất chợt gặp nhau. Đó là những lúc sung-sướng nhất. Điều đó đủ tỏ người thanh-niên khao khát được thông cảm đến thế nào.

Chúng ta tự hỏi, cùng một hoàn-cảnh, cùng một thế-hệ, cùng chung một niềm đau đón lẽ ra những người thanh-niên phải dễ cảm-thông với nhau lắm chứ ? Xin thừa : điều đó rất hợp lý-luận song thực-tế phức tạp vô cùng.

Điều làm cho lớp người này đau đớn hơn nữa là khi ý-thức về tình-trạng thực-tế của chính mình.

Đám thanh-niên tuy đông đảo và phức tạp song đại khái có thể chia làm ba loại, theo hoàn-cảnh sinh sống của họ.

Một loại nhờ hoàn-cảnh gia-đinh khá giả, có một đời sống vật-chất khá sung-túc. Những người thuộc loại này có những phương-tiện dễ-dàng để kiến-tạo tri-thức. Họ có đủ thì giờ để học hỏi, có hoàn-cảnh thuận-tiện để làm việc. Nói chung, có đủ phương-tiện để hoàn-bí kiến-thức.

Đó là nói về hoàn-cảnh để thành-công. Nhưng còn chính loại người này ra sao ? Trong thực-tế người ta thấy có thể có những trường-hợp sau này :

Người thanh-niên trong hoàn-cảnh vừa nói đã biết lợi-dụng điểm thuận-tiện ấy để kiến-tạo đời sống của mình. Có những người đã ý-thức được trách-nhiệm của mình, cố-gắng học-hỏi mong sau này có thể phụng-sự dân-tộc

Song số này hiếm hoi quá vì xin thú-thực là chính kẻ viết không dám chắc là mình đã gặp được ai chưa hay chỉ là tưởng tượng ra để cho nó đẹp. Nếu quả vậy thi xin thành thực trông đợi lòng đại lượng của người đọc vì người viết yêu đời quá nên muốn rằng cái gì cũng đẹp. Nhưng muốn là một chuyện, người viết cũng không thể dối người đọc mình. Vậy xin nói tiếp những điều trông thấy.

Một số người khác, khá đông, thì lại vì hoàn-cảnh, sống quá ngăn cách với tập-thể là cái đoàn-thể đã sản-sinh ra cha mẹ họ. Có thể họ

cũng có nghe nói tới dân-tộc họ nghèo khổ. Song cái biết nếu có thi cũng mơ hồ, không để lại trong lòng một ấn-tượng nào.

Nếu có lần nào đi tắm biển hay đi nghỉ mát Dalat chẳng hạn mà họ phải qua những ruộng đồng với những nông-dân khom lưng cuốc đất dưới nắng hay thấy những ghe chài mong manh với những người đen như củ súng gục đầu và lười thì những cảnh đó cũng chỉ là một đề-tài để họ ghi vào ống kính làm kỷ-niệm hoặc để gửi cho mấy cô, mấy cậu bạn người Mỹ, người Pháp v.v... để khoe cảnh đẹp quê hương! Hoặc nếu có một niềm xúc-động thì cũng chỉ là cái loại *long trắc ăn rất trích-thương* như khi trông thấy kẻ ăn mày đi qua cửa xin ăn. Và niềm xúc-động ấy quả thực có bùng lên thì cũng như lớp bụi cuốn theo bánh xe hơi của họ rồi chụp xuống nón người phu làm đường!

Trinh bày như vậy để có thể hiểu rằng ngoài công việc ăn chơi cho đúng thời trang, ngoài công việc sống cho kịp đà các nước tân tiến bằng cách tổ-chức những hội (club) để phổ biến nền văn-hóa « tiến bộ » nhất của nhân-loại là rock, là twist... là những cuốn tiểu thuyết « hiện sinh » mà họ chỉ cần biết tới những động tác và không hiểu hay không cần hiểu tới ý nghĩa bên trong. Họ cũng có đi học. Đi học để được tiếng là tri-thức. Đi học để tiếp nối cái hy-vọng mà người ta gọi là « ăn trên ngõi chổc ». Bởi vậy người ta không lấy làm lạ khi thấy những trường hợp chỉ cần học để lấy bằng. Cốt sao đỗ được cử-nhan, tiến-sĩ là đủ! Mùa mai hơn nữa là chính một trong những nghề cần có thực tài, cần có học-bành kỹ-lưỡng vì nguy hiểm ngay đến mạng sống người khác là nghề thuốc người ta cũng thấy những trường-hợp, mong rằng rất ít, chỉ cốt sao đỗ được bằng bác sĩ y khoa cho có vẻ sang trọng!

Lối sống ngăn cách đó nếu cần một chứng cứ thì chỉ xin mời đến sân mấy trường Đại-học.

Vốn chủ-trương yêu hết mọi tinh-hoa, và cũng không muốn nhắc tới một chuyện quá cũ là *cái linh-thần nô-lệ ngấm trong máu của một thiểu số người Việt-Nam* từ bao giờ đến nay song cũng phải nhắc tới một sự thực tuy mang nhiều tính cách di truyền song cũng mang nhiều tính chất mới mẻ.

Xin hãy bớt chút tò mò lắng nghe những thanh-niên thiếu nữ gặp nhau tay bắt mặt mừng đang chuyện trò hót-hở. Người ta tự hỏi : Đại học Việt Nam có nhiều sinh-viên Trung-Hoa, Thái Lan, Campodge du-học thế sao ? Thưa không ! Tuy cũng da vàng mũi tẹt nhưng không phải ! Những người này đều mang chút « máu Indonésien » trong người cả đấy ! — Nghĩa là... ? — Vâng, chính là người Việt chúng tôi, song vì tiếng Việt « thô sơ hủ-hậu » nên người ta phải nhờ ngôn ngữ khác để trò chuyện vậy thôi !

Để khỏi bị ngộ nhận là kè chuyện cổ tích, xin xác định : chúng tôi đang sống ở Việt Nam Cộng Hòa năm 1962. Một thí dụ nhỏ đó cũng

dã cho ta thấy ở đây vỏ sò mặc cảm. Và người ta sẽ không lấy làm lạ khi thấy nhịp cầu thông cảm giữa mọi người thật là khó bắc. Người ta cũng không còn khó hiểu khi thấy những người có thể gọi là trí thức chỉ là một bọn người bị « lấp óc » suốt đời chỉ biết tư tưởng nhở mợn. Những gì họ học được quả thực chỉ là một món thức ăn không tiêu, nhiều khi chỉ làm đau bụng!

Ngoài ra người ta cũng cảm thấy tiếc rẻ khi nghĩ tới những thanh-niên có đủ hoàn cảnh như trên đây mà *lãng phí tuổi hoa trong những trò du hi đù loại*. Đối với họ, khoái lạc là cùng đích của đời sống hay đúng hơn chẳng bao giờ họ cần thắc mắc về cuộc sống. Nhưng hãy xin để loại người này ở đây đã để sang một loại khác, kéo cứ đi lan man mãi chẳng bao giờ dừng lại được.

Một loại khác thì lại ở một hoàn-cảnh trái ngược không mấy thuận-tiện cho việc học hỏi. Những người này mất quá nhiều thời giờ và sức lực để muru-sinh.

Chúng tôi có được nghe nói tới tài liệu của một hội-nghị giáo-đục quốc-tế cho biết mức sinh-hoạt của học-sinh, sinh-viên Việt-Nam tương đối là cao so với một vài nước ở Đông-Nam-Á. Không có được tài-liệu về các nước ngoài nên không được rõ, nhưng có thể chắc rằng loại người mà chúng tôi muốn đề-cập tới đây sống khá chật-vật. Người ta có thể nhìn thấy nghị-lực của những thanh-niên này khi đi vào các xóm « lao-động » tìm tới những căn nhà nhỏ như bao diêm, chen chúc nhau, mái tôn gay-gắt dưới nắng Sàigòn hay mái tranh ẩm thấp, bùn ngập ngựa tới cửa vào vụ mưa.

Chủ-địch của bài này không phải là tim hiểu cẩn kẽ nếp sinh-hoạt của các thanh-niên học-sinh, sinh-viên nên chỉ xin nêu lên một vài nét diễn hình như vậy để có một ý-niệm. Chúng ta thấy rằng loại thanh-niên này có được cái « may mắn » là sống trong một hoàn-cảnh như vậy nên rất dễ cảm-thông với tập-thể. Đã có một lúc họ thấy chua-chát khi nghĩ về thân phận mình. Họ đã đối đầu với những vấn-dề tầm thường nhưng lại gay gắt nhất: cơm áo! Kinh-nghiệm đã dạy họ nhìn và hiểu được phần nào dân-tộc mình và từ đó nảy sinh những hoài-bão. Nhưng, như đã nói, họ thiếu mọi phương-tiện. Thực-tế, gay gắt nhiều khi đã bắt họ không có quyền chọn lựa. Đôi lần họ đã phải đau đớn mà khước từ nhiều thứ, kể cả những thứ mà họ mê-say nhất.

Chúng tôi phải nhận rằng có những cá-nhân đầy nghị-lực, khắc-phục được hoàn-cảnh đê thực hiện lý-trưởng. Những người này quả đáng để ta hy-vọng. Nhưng sự thành-công không chắc chắn lắm vì kiệt sức nứa đường, có khi họ gục ngã, có khi họ phải bỏ cuộc.

Ngoài ra còn đa số, thì vì cái kinh-nghiêm thực-tế chua chát nên chỉ mong mỏi làm sao thoát được tình-trạng hiện tại. Và họ đã nghĩ tới mảnh bằng làm phương-tiện giải quyết. Cái học tự nó đã mất ý-nghĩa đi rồi! Khi có được rồi thì lại phải cố-gắng thi vào một

trường chuyên môn nào, kiếm một việc nào để có một địa vị chắc chắn. Chỉ nhầm có thể, khi đạt được họ coi là đã đủ. Rùng mình khi nghĩ lại hoàn-cảnh vừa trải qua, họ hưởng-thụ cho bỗ lú « phong trào » !

Tất nhiên là nếu còn hơi sức để nghĩ tới chuyện tiền-thủ thì có lẽ cũng chỉ là sự thèm tiến về địa-vị, về lợi-lộc... Nhiều người ban đầu cũng có hoài-bảo này nọ song bây giờ hoàn cảnh cho phép lười biếng nên cũng dễ nghĩ rằng hơi đâu mà hành hạ thân xác mình cho khổ.

Rồi những kẻ thành-công thì trở nên một lớp người hành tiến. Còn những kẻ không may mắn mà thất bại mãi thì mất dần lòng tự tin hoặc ngụp lặn trong niềm bất mãn.

Ở loại người này cũng không phải là thiếu mặc cảm. Cũng cùng hoàn-cảnh này có người thấy một mặc cảm tự ti đối với bạn bè song có khi lại là một mặc cảm tự tôn. Người thanh-niên này cảm thấy là mình đã từng trải, đã nếm nhiều cay đắng nên dễ coi những kẻ không có hoàn-cảnh giống mình là trẻ con.

Ở tình-trạng như vậy sự thông-cảm cũng khó có thể thiết-lập được giữa lớp thanh-niên.

Đã nhìn sơ-lược hai đầu, bây giờ chúng ta trở về đoạn giữa. Đây là những người có một hoàn cảnh trung bình, không quá khó-khăn cũng không quá dễ-dãi.

Dù không có ý chủ-trương Trung-dung hay như gần đây, người ta đã quan-niệm về một giai-cấp trung-lưu song phải nhận rằng những người này được cái may là ở trong một hoàn-cảnh dễ cảm-thông với đa số và tương-đối có điều-kiện để tiến bộ.

Tuy nhiên trường-hợp này cũng không phải là đơn-giản. Có những người đã một vài lần chạm trán với những vấn đề thực-tế khiến họ ý thức được trách-nhiệm của mình, ý-thức được sự thiếu sót của mình. Không bị thực-tế chà-sát quá đáng, họ còn đủ sức-lực để hoạt động, cũng không quá cách xa thực-tế để đến nỗi mơ màng như sống ở cung trăng. Khi đã ý-thức, với một phương-tiện tuy không quá dễ dãi để có thể sa-ngã song cũng tạm đủ để làm việc hay hơi khó khăn một chút để có thể nảy nở sáng-kiến và thúc đẩy cố-gắng, người thanh-niên đã có đủ may mắn để làm được những việc đáng kề. Tuy nhiên trường hợp vừa kể cũng mang nhiều-tính-cách lý-tưởng. Trong thực-tế người ta thấy rằng cái trường-hợp « trung-dung » này cũng không làm người ta lạc-quan bao nhiêu.

Người ta nhận thấy rằng về nhân số thì thành phần này rất đáng kể trong tập thể học-sinh, sinh-viên. Ở trong một hoàn cảnh trung bình, người ta được tiếp xúc với những tiện nghi, những lạc thú vv., nói chung, họ được nếm những « thực-phẩm » vô cùng cảm dỗ nhưng không được thỏa-mãn — Những thèm thuồng cứ chòng chốt mãi và họ luôn luôn ở trong một trạng thái « ấm-ức » lúc nào cũng hướng về sự đòi hỏi

được thỏa mãn. Vì không đủ điều kiện, họ phải dồn cả năng-lực vào cuộc tìm kiếm không đáng khích lệ đó.

Người ta thấy vô số thanh-niên chỉ cố-gắng xoay-sở để có đủ tiền nghi « cho bắng anh bắng em » trong các cuộc chơi vui hơn là trau giồi trí thức và nhân cách.

Với những nhu-cầu rất cảm-dỗ, với một bức thang giá trị của thời đại, với sự yếu đuối của chính con người, người ta sẽ không lạ lùng khi thấy đa số những thanh-niên này không coi sự học là *kiến tạo bản thân để phục-vụ sau này*, mà chỉ là để làm phương tiện thỏa mãn những đòi hỏi riêng tư. Mảnh bằng trong tay là đủ vì nó thỏa mãn được những đòi hỏi vật chất và đồng thời mang lại vô số địa-vị và một chút huy danh ! Chúng ta thấy nhan-nhản những trường-hợp « đầu tư » này ; thiết-tưởng xin miễn kẽ ra thêm nhảm tai người nghe. Chỉ xin nhắc một điều là hiện tượng này phô cập đến độ có người đã mêm danh cho nó là « cái học nhà lầu xe hơi » tuy nhiên lời diễn tả này cũng chưa nói được hết sự thực.

Trừ những người hanh diện vì nhà lầu xe hơi, coi đó như kết quả cụ thể của sự « hành » sau khi đã « tri » ta cũng còn thấy những người tỏ ra hanh-diện với cái kinh nghiệm ăn chơi, với cái nếp sống hợp thời trang của mình.

Họ tự cho là tất cả những thứ đó cộng thêm một chút động chạm với thực tế chứng tỏ họ đã sống nhiều và điều này đáng được kéo lên cao trên « bức thang giá trị » ! Và cứ thế, họ coi những người thuộc loại thứ nhất là trẻ con, chẳng hiểu gì đời và điều này mới là đặc biệt : những người thuộc loại thứ hai dưới mắt họ trở thành một thứ « *giai cấp bần cõi* » !

Chúng ta vừa phân tích vài loại thanh niên dựa theo hoàn cảnh sinh hoạt của mỗi người. Khi sắp đặt như trên chúng tôi không hề nghĩ rằng kinh tế là căn bản của mọi hoạt động mà chỉ cho rằng nó đã ảnh hưởng phần nào tới cá nhân. Hơn nữa lối sắp đặt ấy cũng chỉ là để tiện việc trình bày mà thôi.

Nhin chung ta thấy rằng sau khi nhịp cầu thông cảm giữa lớp thanh niên và những người đi trước đã rạn nứt, họ trở về với nhau, song càng bi thảm hơn vì tất cả chỉ là một đám đông rời rạc như corm người nếu không nói là màu thuẫn nhau. Nếu có một sự quay quần chẳng nữa thì là sự kết hợp từng đám chống đối nhau sặc mùi bè phái.

Với những mặc cảm bao trùm lớp không khí, với chất nô lệ ngấm trong máu, lớp thanh niên chúng tôi vốn chỉ biết có một đóng mở rất dễ trở thành một thứ ếch ngồi đáy giếng. Những kẻ ngồi ở đáy giếng Tây thì chỉ thấy vòm trời là ngọn tháp Eiffel. Kẻ ngồi đáy giếng Mỳ thì chỉ thấy những nhà đang vươn lên mà gai da trời. Kẻ ngồi đáy giếng Tàu thì chỉ thấy mây trắng phát phơ như chòm râu Khổng-Tử. Còn kẻ ngồi đáy giếng Ta thì chùa Một Cột che kín mău trời xanh.

Từ đó đi tới chỗ mỗi kẻ nhìn kẻ khác bằng con mắt rě rùng. Một nịnh thức của sự tự tôn. Rồi sau khi đã tự nâng mình lên chót vót, người thanh-niên chợt có cảm-tưởng rằng mình quan-trọng đẽ rồi mỗi kẻ biến thành một thứ lãnh tụ trong sự trưởng tượng của chính mình.

Một tình trạng như vậy không thể dung dưỡng một công việc chung. Không thể có một cuộc đồng lao cộng-tác đẽ thực-hiện được cái gì.

Có người đã than rằng thanh-niên ngày nay thờ ơ với công việc chung và đã giải-thich rằng vì họ chỉ nhìn tới cái lợi riêng tư. Cũng có người đã trả lời rằng «chim bị đạn thi ngắn làn cây cong», tại họ bị lừa, bị lợi dụng mãi rồi! Trả lời như vậy không phải là vô căn-cứ song chúng ta có thể nói rằng ngoài những chán nản khác, cái đầu óc lãnh tụ cũng là một duyên có quan-trọng.

Cũng cần đẽ ý một điều là sự tự tôn kẽ trên nếu có thỏa mãn được tự ái của họ thì rất hời hợt, giả tạo. Còn trong thâm tâm nhiều lúc họ cảm thấy một niềm chua chát sâu xa. Họ cũng cảm thấy đau đớn vì cõi độc và cũng buồn vì tự biết rằng thái-độ của mình không tốt đẹp gì mà rồi không làm sao hơn được.

Tuy nhiên, với kinh-nghiệm bản thân, một số người cũng đã ý thức được trách nhiệm của mình khi nhìn thấy lớp đàn em ngày thơ. Nhất là khi thấy những khuôn mặt sáng sủa ấy đang nhìn mình mà bắt chước.

Người thanh niên cảm thấy lúng túng trước lòng tin cậy đó. Họ càng bứt rứt hơn khi thấy những xấu xa lại dễ được bắt chước hơn. Nhưng thân mình cũng còn lo chưa xong thì biết làm sao?

Người thanh niên bị rơi vào một tâm trạng bi-thảm. Nhưng cũng chính tình trạng này đã thúc đẩy họ nỗ-lực.

Người ta thấy phải tự lực giải quyết các vấn-đề của chính mình. Muốn vậy người ta đã thấy phải trở về thành thật tìm hiểu mình. Và không phải chỉ nói suông, chúng ta đã thấy những dấu hiệu của sự cố-gắng này từ ít lâu nay.

Tuy rằng công việc mới khởi đầu và không phải khống gấp nhiều khó khăn và tuy kết quả chưa có gì nhưng chúng ta cũng có quyền tin tưởng. Vì dù đường thiên lý có xa xôi và vắng vẻ nhưng vẫn còn những người âm thầm mà hàng hái bước đi.

Với niềm tin tưởng ấy người viết mong mỏi rằng vấn đề cần được khảo sát một cách kỹ lưỡng và khoa học đẽ khôi có những phương pháp giải quyết vu vơ chỉ thêm mất thì giờ, phi sức lực và làm tăng thêm rối reu.

vấn đề của chúng ta

PHÒNG-VÂN « ANH CHỦ-TỊCH TỔNG
HỘI SINH-VIÊN VIỆT-NAM QUỐC-GIA »

Với mục đích tìm hiểu và cống hiến bạn đọc một vài vấn đề liên quan đến Tổng-hội Sinh-viên Việt-nam Quốc-gia, cũng như toàn-thể giới Sinh-viên, chúng tôi đã tìm gặp anh Đoàn-hữu-Khánh, Chủ-tịch Tổng-hội Sinh-viên Việt-nam Quốc-gia tại nhà riêng, một buổi tối giữa mưa nhung trời lại trong sáng tuy không trăng nhung rất nhiều sao.

Cuộc hội kiến khá bất ngờ đối với anh Khánh vì chúng tôi không báo trước, nhưng với tất cả sự niềm-nở mặc-dù có đôi chút dè dặt anh cho biết sẵn lòng trả lời các câu hỏi của chúng tôi, trong phạm vi có thể được.

Và chúng tôi bắt đầu.

HỎI : Thưa anh, mời đây anh có hướng-dẫn phái đoàn Sinh-viên Việt-nam đi dự hội-nhị Sinh-viên Quốc-tế tại Gia-nã-dại. Anh có thể ch biết thành-phần phái-doàn và thời-gian nhóm-hop ?

ĐÁP : Phái-doàn Việt-nam gồm có tôi và anh Nguyễn-đức-Giang Chủ-tịch Hiệp Hội Sinh-viên Huế. Hội-nghị nhóm họp từ 27 tháng 6 đến 10 tháng 7 năm 1962 tại Quebec.

HỎI : Xin anh vui lòng cho biết các chi tiết về hội nghị nói trên

ĐÁP : Hội-nghị được mệnh danh chính-thức là « HỘI-NGHỊ SINH-VIÊN QUỐC-TẾ » (Conférence Internationale des Etudiants vietnamiens C.I.E. International Student Conference viết tắt I.S.C.) Nhiều ngư

dịch là « ĐẠI-HỘI SINH-VIÊN QUỐC-TẾ » nhưng theo tôi chữ « ĐẠI-HỘI » nên dành riêng để dịch chữ Festival thì đúng hơn. Tổ chức này là một tổ chức khác với Union International des Etudiants (Liên-hiệp Sinh-viên Quốc-tế) là một tổ-chức một chiều có tính-cách chính-trị do Liên-sô chỉ-huy, đặt trụ-sở tại Prague (Tiệp-khắc) Liên-hiệp Sinh-viên Quốc-tế có một ban chấp-hành Trung-ương ra mọi chi thị buộc hội-viên phải tuân theo.

Nhận thấy tính-cách chính-trị này, hai mươi Tông-hội sinh-viên của các nước Âu-châu năm 1952 đã họp tại Stockholm để tổ chức « HỘI-NGHỊ SINH-VIÊN QUỐC-TẾ ». Trái với tổ-chức trên, Hội-nghị không có ban chấp-hành Trung-ương, tôn trọng chủ-quyền của các Tông-hội quốc-gia hội-viên, chỉ có mục-dịch liên kết sinh viên khắp nơi trên thế giới để tìm hiểu và hợp tác. Tới nay hội nghị đã có 82 Tông hội quốc-gia hội-viên rải rác trên khắp các lục địa.

HỎI Trong các quốc gia hội-viên này, có quốc gia nào thuộc khối Cộng sản hay không ?

ĐÁP : Có, Nam tư.

HỎI : Thưa anh, để tài chính trong cuộc hội nghị vừa rồi là gì ?

ĐÁP : Để tài chính để thảo luận là « Hợp tác trong hòa bình »

HỎI : Cuộc thảo luận tại hội nghị có đưa đến những kết quả và quyết định gì hay không ?

ĐÁP : Mục-dịch của hội nghị là thảo luận một cách rộng rãi chứ không nhất thiết phải đi đến một kết luận chắc chắn nào. Tuy nhiên nó cũng nhắm vào công cuộc phát triển sự hợp tác trong hòa bình.

Ngoài ra hội nghị cũng quyết định tổ chức những cuộc hội thảo có tính cách địa phương ví dụ như Hội nghị đã chấp thuận bảo trợ một cuộc hội thảo sẽ mở ở Việt Nam do tôi đề nghị. Tuy nhiên tới nay cũng chưa có quyết định gì về phương thức tổ chức và đề tài thảo luận.

Một hội thảo khác là « Hội thảo địa phương các tông hội Á Châú » (Séminaire régional de corporation des Asies) cũng chưa quyết định sẽ họp ở đâu.

Một cuộc hội thảo để thảo luận về vấn đề cải cách và dân chủ hóa nền Đại học sẽ họp vào cuối năm 1963 và cũng chưa ấn định địa điểm.

Hội nghị cũng thảo luận để quyết định về một số dự án ví dụ như dự án lập phòng báo chí Á Châú đặt tại Nam Dương, Việt Nam sẽ góp một phần vào công cuộc này bằng cách cung cấp tài liệu; dự án giúp đỡ Sinh viên tỵ nạn tại Hồng Kông...

HỎI : Ngoài các công tác thường xuyên, phái đoàn Việt Nam còn có hoạt động nào đặc biệt ở hội nghị hay không ?

ĐÁP : Một công tác đặc biệt và quan trọng của phái đoàn Việt-Nam là lấy lại uy tín mà Tổng hội đã mất trước năm 1960. Kết quả thu lượm được quá cả sự mong mỏi của chúng tôi. Bản báo cáo của Ủy ban điều tra về Việt Nam rất chính xác, có ảnh hưởng lớn tới hội nghị. Tất cả các hội viên đều bỏ phiếu chấp nhận Việt Nam là Tổng hội có quy chế đặc biệt của Tổng hội Quốc tế trừ ba phái đoàn: Nam Tư, Cộng hòa Á-Rập thống nhất và Tây Án (Indes Occidentales). Tôi cần nói thêm rằng ba phái đoàn này đều có chân trong Liên Hiệp Sinh viên Quốc tế và chịu ảnh hưởng của quyết định do Ban chấp hành tổ chức này ban hành.

HỎI : Trong dịp tham dự hội nghị, anh có dịp tiếp xúc với Sinh viên Việt Nam du học ở Gia Nã Đại hay không?

ĐÁP : Có, tôi có gặp rất nhiều sinh viên Việt Nam ở Viện Đại học Laval, có chừng 30 sinh viên Việt Nam theo học viện này và như vậy có thể coi là số sinh viên ngoại quốc đông nhất tại đây.

HỎI : Theo anh nhận xét, các sinh viên này có theo rỗi và am hiểu tình hình nước nhà hay không?

ĐÁP : Theo tôi thì các sinh viên ở đây một phần vì mới sang chừng một, hai năm nay, một phần vì xuất ngoại với học bổng nên rất am hiểu tình hình nước nhà và có tinh thần khá cao, khác với các sinh viên Việt Nam ở Pháp, Hoa Kỳ... Tôi cần nói thêm là họ học rất xuất sắc, có lẽ vì tại Viện này đa số các môn dạy bằng tiếng Pháp.

HỎI : Anh vừa nói các sinh viên của chúng ta ở Gia Nã Đại khác với sinh viên ở Pháp. Anh có thể cho biết khác như thế nào và lý do của tình trạng này?

ĐÁP : Các sinh viên Việt Nam ở Pháp gồm nhiều thành phần và rất phức tạp. Có người được học bổng, có người tự túc, lại có người sang đã lâu, chịu ảnh hưởng của đối phương qua các hoạt động của Việt cộng ở Pháp, mà lại không được sự lưu tâm của chúng ta. Vì vậy tôi thiết tưởng một số lớn đã không có được một tinh thần quốc gia cần thiết.

HỎI : Trong phạm vi của Tổng hội, các anh đã có biện pháp gì để cải tiến tình trạng này hay không?

ĐÁP : Như tôi đã nói, vấn đề này quá rộng lớn và phức tạp nên Tổng hội chưa thể đề ra một biện pháp tích cực. Tuy nhiên, Tổng hội sinh viên Việt Nam quốc gia tại Pháp vẫn thường xuyên liên lạc cá nhân với các sinh viên. Tôi tưởng muốn giải quyết vấn đề này cần phải có sự cộng tác của Tòa Đại sứ, của Bộ Quốc gia Giáo dục và của Tổng hội sinh viên Pháp nữa.

HỎI : Sau khi đã cùng anh đi du lịch, xin anh cho phép được quay trở lại các vấn đề tại nước nhà. Anh vui lòng cho biết đích xác con số hội viên của Tổng hội hiện nay.

ĐÁP : Con số chính thức là 3029. Con số này thay đổi luôn vì mỗi năm hội viên phải đổi thẻ mới, vì thế có thể có sự tăng giảm luôn.

HỎI : Con số này có bao gồm các sinh viên tại hai viện Đại học Huế và Đà Lạt hay không? Tổng hội có phải là đại diện chính thức sinh viên hai viện này về mọi phương diện hay không?

ĐÁP : Về phương diện công pháp, đối với quốc gia và quốc tế, Tổng hội đại diện cho toàn thể sinh viên Việt Nam. Các sinh viên Huế và Đà Lạt vẫn tham gia Tổng hội với tư cách cá nhân.

HỎI : Theo chỗ chúng tôi biết, tổng số sinh viên hiện nay gồm trên 20.000 người, so với 3000 hội viên, tỷ số tham gia có là quá ít hay không?

ĐÁP : Tỷ số này quả thật là quá ít.

HỎI : Xin anh cho biết lý do của tình trạng này.

ĐÁP : Có nhiều lý do. Trước hết là Tổng hội chưa có những hoạt động lớn lao những đại công tác để hấp dẫn sinh viên, Tổng hội thiếu phương tiện và những cơ sở tối thiểu như Câu lạc bộ Sinh viên, tờ báo riêng của Sinh viên...

Sau nữa là vì tâm trạng hiện nay của sinh viên họ có một phần nào chán nản vì chịu ảnh hưởng nặng nề của chính trị, kinh tế, xã hội...

HỎI : Thưa anh, anh có thể phân tích sâu sa hơn nữa, nhất là về điểm thứ hai.

ĐÁP : Thưa vâng. Trước hết, từ sau thế chiến thứ nhất, Việt Nam khác các quốc gia khác là luôn luôn ở trong tình trạng chiến tranh. Mà chiến tranh chỉ có nghĩa là phá hoại kể cả về tinh thần.

Về chính trị đã có những sự thay đổi liên tiếp, nó làm đảo lộn tư tưởng của sinh viên và thanh niên.

Về phương diện kinh tế, số sinh viên đã tăng lên nhiều, đời sống cũng khó khăn thêm nên từng lớp sinh viên không còn được trọng dãi như hồi tiền chiến.

HỎI : Theo anh thi vì có sự thay đổi liên tiếp về phương diện chính trị nên sinh viên hoang mang. Nhưng từ 8 năm nay, chế độ của chúng ta đã vững chắc, tại sao còn có tình trạng này?

ĐÁP : Tôi công nhận từ nhiều năm nay thế chế chính trị đã bền vững. Nhưng cũng vì thế mà nảy sinh ra, một lý do khác đáng kể hơn, đó là sự thiếu thông cảm về phía các người lãnh đạo. Thành thật mà nói thì những người lãnh đạo đã chưa có những sự cảm thông về tư tưởng, chưa thấu hiểu nguyện vọng của anh em sinh viên, vì vậy đã xảy ra nhiều sự va chạm. Anh em sinh viên là những người sống nhiều bằng lý tưởng, và thực tế đã làm anh em sinh viên chán nản.

HỎI : Anh vừa nói rằng hiện nay đời sống anh em sinh viên khó khăn. Anh có đồng ý với một số người rằng đời sống ấy hết sức khó khăn hay không ?

ĐÁP : Nói rằng hết sức khó khăn thì tôi không đồng ý. Kể ra từng lớp sinh viên còn có nhiều đặc quyền hơn các giai cấp khác, mặc dù đã phải chịu đựng nhiều đến sinh kế.

HỎI . Anh đã nhận định về các trở ngại trong công cuộc đoàn kết và thúc đẩy các hoạt động của anh em sinh viên. Như vậy anh — và Tổng hội — đã có những dự định gì để vượt các trở ngại đó hay không ?

ĐÁP : Tất nhiên là có. Trước hết người lãnh đạo cần phải chú trọng đến những quyền lợi thiết thực của các anh em sinh viên. Phải thành lập các câu lạc bộ, quán ăn, phòng đọc sách, xuất bản báo chí... ở nước ngoài nơi nào người ta cũng đã phát triển vấn đề này.

Điểm thứ hai là sự giác ngộ của người lãnh đạo. Người lãnh đạo phải nối lại sự thông cảm với anh em sinh viên. Phải tìm hiểu nguyện vọng, tâm trạng, khuyến khích và nâng đỡ họ hơn là nghi ngờ họ, mặc dù nghi ngờ là một thứ bệnh thời đại.

Sau cùng, cần phải chấn chỉnh lại Tổng hội. Đây là điểm quan trọng hơn cả vì hai điểm trên chỉ có tính cách lý thuyết.

HỎI : Theo anh, sự chấn chỉnh cần đặt trên căn bản nào ? Xin anh cho biết về những khuyết điểm cần phải chấn chỉnh ?

ĐÁP : Theo tôi, sự chấn chỉnh cần phải đặt trên căn bản hoàn toàn mới vì tới nay mặc dù Tổng hội đã hoạt động lại được một phần nào, đã lấy lại được uy tín về mặt quốc tế nhưng tất cả chỉ có tính cách vá vio hiền nhiên là cho có được một bộ mặt hoàn toàn mới.

Về khuyết điểm của Tổng hội thì phải thành thực nhận rằng Tổng hội chưa phải là một tổ chức có cơ sở, có nền tảng, vì thế mà số hộ viên ít.

Điều lệ của Tổng hội là điều lệ soạn thảo từ năm 1955, lúc đó tổng số sinh viên chỉ có khoảng 2000 người, chắc chắn điều lệ đó không còn thích hợp với sự phát triển mạnh hiện nay, đã thu hẹp phạm vi hoạt động của Tổng hội nhất là về vấn đề hệ thống tổ chức, nó đã không cho phép Tổng hội đặt nền tảng ở các ban chấp hành phân khoa, không trù liệu sự thành lập các Viện đại học mới.

HỎI : Như vậy chương trình cải tổ của anh đã được hoạt động ra sao ?

ĐÁP : Theo chương trình của chúng tôi thì sẽ có một đại hội được tổ chức để thảo luận và biểu quyết điều lệ mới.

Theo dự thảo điều lệ mới thì tất cả các sinh viên đại học sẽ đương nhiên là hội viên của Tổng hội. Quy chế này không phải là mới, đ

được áp dụng nhiều trên thế giới như ở Hoa-kỳ, Ai-cập, Úc-đại-lợi, Hương-cảng.

Một điểm khác của bản dự thảo là chú trọng đến nền tảng của tổng hội túc là các phân khoa. Sẽ tổ chức các ban chấp hành Phân khoa, các ban chấp hành này sẽ bầu lên các ban chấp hành viện, rồi miền và sau cùng là ban chấp hành Trung ương. Nói tóm lại Tổng hội sẽ được tổ chức theo hệ thống dọc và ban chấp hành Trung ương sẽ được bầu cử bằng phương pháp gián tiếp.

Nhưng có điều tôi cần phải nhấn mạnh, đó là dù Tổng hội được tổ chức lại trên căn bản nào, điều cần là ban chấp hành phải được tự mình định một hướng đi cho Tổng hội, hướng đi này phải phù hợp với nguyện vọng và quyền lợi sinh viên.

HỎI : Thưa anh, đại hội sắp tới bao giờ sẽ nhóm họp và theo anh đại hội có thể thành công trong việc biểu quyết điều lệ mới hay không?

ĐÁP : Nếu có thể đại hội sẽ nhóm họp vào đầu tháng II này và hoàn thành công tác vào cuối tháng. Qua sự thăm dò từ hàng năm nay của chúng tôi thì dư luận sinh-viên tỏ ra rất sốt sắng ủng-hộ đại-hội và dự-thảo điều-lệ mới nên tôi tin rằng sẽ thành công.

HỎI : Riêng anh, anh có tin rằng trong một tương lai rất gần, sinh-viên Việt-nam sẽ cải tiến hoạt-động và đạt được thành quả lớn lao hay không?

ĐÁP : Riêng tôi, tôi rất tin-tưởng ở khả-năng, thiện chí của sinh-viên Việt-nam. Tôi hy-vọng rằng việc cải tổ tổng-hội sẽ mở đầu một giai-đoạn mới mà trong đó sinh viên cần hoạt-động hăng hái hơn các giai cấp khác để lãnh đạo, hướng dẫn cuộc tranh đấu chống Cộng. Đường lối này phù hợp với vai trò của sinh viên mọi nơi trên thế giới vì ở đâu sinh-viên cũng thực-sự là những người lãnh đạo các trào lưu tiến hóa, thù ghét sự độc-đáo và tinh thần thủ cựu.

Nhận thấy đã tạm đủ, chúng tôi cảm ơn anh đã cho biết nhiều điều hữu ích. Kể ghi chép bài này cũng định viết thêm một vài câu kết luận nhưng lại thôi, thôi vì... dành thôi, vì không muốn tự dung đem thân làm một thứ nước Đằng cho thiên hạ... ghét!

TỰ-DO LINH-HỒN

DOAN QUOC-SY

I

Sáng chủ nhật, trời sà xuống thấp hoài và mưa rơi rào rào... Trận mưa sáng này tiếp tụ trận mưa đêm hôm qua. Những trận mưa trái mùa! Ít khi tháng giêng Âm lịch mà miền Nam có mưa lớn như vậy. Nhưng mưa chỉ trái mùa theo quan niệm thủ cựu của người, trái lại với cây cổ thì những giọt mưa rả rích vào giữa mùa nắng này mới quý làm sao. Vào lúc mưa thưa hạt hay tạm dứt, cây phượng ngoài sân rủ cánh xuống là-dà như vừa thưởng thức dư vị trận mưa qua vừa thảm thoái chờ đợi trận mưa tới. Không biết là lần thứ mấy trời lại âm u thấp xuống. Và mưa rơi. Thanh vẫn ngồi nguyên chỗ cũ nhưng đưa mắt nhìn quanh gian nhà và dừng mắt lại nơi treo áo mưa.

— Phải đến thăm Tú vào đúng lúc mưa này — Thanh nghĩ — chỉ còn một tuần nữa tới ngày cưới!

Vẫn từ chỗ ngồi nhìn qua cánh cửa hé mở, Thanh thoáng thấy dáng cô nữ y tá lướt qua đường, khuôn mặt trái soan, nước da rám hồng, đôi môi màu đậm đà hơn. Thanh thấy cô ngược nhìn trời đón những hạt mưa lất phất, vó cớ nhoèn miệng cười, hàm răng trắng đều, rồi khuất. Từ ngày Thanh sắp lấy vợ, cô không « xung phong » giúp Thanh việc bếp núc như xưa nữa; hơn thế mỗi khi qua cửa cô cũng chẳng buồn đưa mắt nhìn vào nhà. Cửa nhà Thanh hôm nay tuy hé mở, nhưng với cô cánh cửa đó đã vĩnh viễn đóng. Thanh giữ lấy hình dáng cuối cùng của cô trong trí nhớ — (lúc cô ngửa mặt nhìn trời đón những hạt mưa lất phất) — để tiếp tục nghĩ thăm: « Minh chỉ phải cúi xuống một chút và hai khuôn mặt giáp nhau theo một giác độ nào đó là đôi môi mình gắn với đôi môi ấy như đêm hôm nào lần đầu tiên hôn Tú ».

Thanh chưa kịp đứng dậy khoác áo thì mưa đã tạnh. Mưa tạnh hẳn chặng vì trời hết âm u và sáng dần... Chợt một tia nắng vàng lọt khỏi kẽ mây chiếu xuống, phút chốc vạn vật chan hòa trong nắng vàng như một nụ cười bát ngát. Cả nắng cả mưa đều hữu lý ! Nhưng giờ đây nắng, việc khoác áo mưa ra đi trở thành vô lý và cả việc đến thăm Tú cũng không còn động cơ quyến rũ. Sự vắng lặng của căn nhà lúc này thật hợp với lòng ước muôn của Thanh.

* * *

Thời còn cuộc kháng chiến ở miền Bắc, Thanh theo cha mẹ từ hậu phương vào thành năm 1948—năm mười tam tuối—nhưng vì luôn luôn được nghe cha — Khóa — giảng về đạo Phật nên Thanh đã ráo đọc sách Phật từ hai năm về trước. Thanh thuộc các mâu chuyện đạo, các dụ trong Kinh Phật, và thuộc lòng những điểm chính đời đức Thế Tôn để kể lại cho người khác nghe. Thanh kể thuộc lòng :

— « *Gần 3.000 năm về trước, thái tử Tất-Đạt-Đà sau khi dạo khắp bốn cửa thành mục kích những thảm cảnh già, đau, ốm, chết, ngài bỏ cung điện quốc thành đến rừng khổ hạnh nơi Núi Tuyết quyết chí tu hành những mong tìm đường giải thoát cho chúng sinh. Mỗi ngày chỉ ăn một hột vừng, thân thè gầy ốm xiêu dô mà Đạo chẳng tìm ra, ngài thấy rằng tu khổ hạnh đầy đau xác thân không phải là con đường tìm ra Đạo. Một lần xuống sông Ni Liêng-Thuyền tắm gọi gặp người đang sờ, ngài uống. Sóc khoẻ hồi phục ngài lần di đến cội Bồ-dề mát mẻ ngồi xuống phát thệ rằng nếu không thành đạo sẽ không dời khỏi chỗ đó.* »

Câu chuyện về tiêu sứ đức Phật Thích Ca trên Thanh nói được một năm, sang năm thứ hai Thanh thuộc thêm chi tiết đoạn cuối :

« *Đêm đó ngài át được tất cả các ma quái. Quỷ vương — Mara chúa tể của ái tình và tử thần — đã vận dụng hết sức lực mà cũng không làm loạn tâm Bồ-tát. Canh hai ngài chứng quả Túc-Mệnh-Minh thấu suốt được quá khứ; canh ba ngài chứng quả Thiện-Nhẫn-Minh thấu lẽ sanh trụ, dị, diệt của vạn pháp; canh tư ngài chứng quả Lậu-Tận-Minh biết rõ nguồn gốc đau khổ của chúng sinh là vô minh. Vì chúng sinh ngài không nhập Niết-Bàn lịch mịch mà còn ở lại 49 năm truyền đạo gieo hạt từ bi bác ái làm cầu nối giữa Mè và Ngò, giữa phù hoa của thế sự với an lạc của chân tâm.* »

Thoạt đầu, cậu học trò Thanh kể sự tích của đức Phật cho bè bạn nghe như con vẹt nhưng rồi lâu dần có một cái gì siêu hình của đạo Phật thẩm vào tâm hồn cậu như hương sen thẩm vào cánh trà, như một hạt giống nảy mầm rồi bén rễ vào đất mầu. Tinh tinh Thanh từ nhỏ vẫn trầm mặc, càng lớn Thanh càng ra suy nghĩ. Vô tinh thái độ ưa ngó vào trong đó đã hợp với thái độ nhà Phật đặt con người đối diện với chính mình để vừa nhìn vào điểm nguồn cội ở chính mình vừa vì thế mà quán thấu cả vũ trụ vô biên.

Ngày đó Khóa nhập cảng phim ảnh Kodak, được hăng sảng xuất biểu những bức hình đẹp để quảng cáo. Khóa chọn treo lên tường hình một thiếu nữ mặc áo « voan » ngồi trong phòng trang điểm, đùi và ngực có đôi chút hờ-hênh. Đi học về thấy thế Thanh lên tiếng thống trách bối me :

— Cậu mợ treo bức hình đó người ta cười cho ! Không đứng đắn ! Khi Thanh đã lên gác Khóa đưa mắt nhìn vợ mỉm cười nói :

— Cái thằng nó lại « bảo hoàng hơn vua », muốn vượt cả bố nó về phương diện diệt dục trong đạo Phật !

Rút cục Khóa phải nhượng bộ mà cắt bức hình đó đi, treo thay vào bức hình khác chụp lũ cá vàng đương bơi trong bể kính.

Thanh tiếp tục đọc những sách khảo luận về đạo Phật, những kinh Phật, những nguyệt san truyền bá Phật giáo. Bước vào rừng Thiền như chim trich lạc vào khu rừng già nhưng Thanh quyết tâm gỡ mối bằng cách ghi chép những nét chính. Chân lý vốn đơn giản nhưng khi đã chuyền minh thì thiên sinh vạn biệt, ghi chép chính là để giữ vững những giurđong mỗi hoặc lần theo một số khía cạnh thiên sinh vạn biệt đó mà tiến tới chân lý. Thành thử nếu vui vui nhận xét kỹ ta thấy có sự tiến triển từ Khóa (đời cha) đến Thanh (đời con); đạo Phật tràn bờ và hồn mang ở Khóa thi bắt đầu được gỡ mối cố sắp xếp cho thành hệ thống ở Thanh.

Đọc những ghi chú của mình, nói về những ghi chú của mình, suy nghĩ về những ghi chú của mình, Thanh lắng lòng lại và muốn thể hiện chưa không trong trí mình. Ngày lên trung học đệ nhị cấp cũng là ngày Thanh bắt đầu vào ngành hội họa. Ngày đó tại Hà Nội có hai giáo sư hội họa dạy lớp riêng: họa sĩ C. và họa sĩ N. Thanh đã theo học họa sĩ C. chẳng phải họa sĩ này đã trang trí cho đêm kịch kỷ niệm ngày Phật đản tại nhà Hát lớn mà vì họa sĩ C. giữ được phong độ bất khuất của người nghệ sĩ trong khi N. mở phòng triển lãm dành khoảng trọng vọng nhất tại giữa phòng để treo bức hình lớn nhất của viên thủ tướng. Sau đó N. còn đi cầu cạnh viên viên thủ tướng cử đại diện đến khai mạc. N. biết làm như vậy sẽ được giới chính quyền xu nịnh đương thời mua nhiều tranh. Quả thực N. đã không nhầm. Nhưng cũng vào hôm khai mạc một nhà văn quen biết cùng thế hệ với N. dừng lại khá lâu trước bức họa chân dung viên thủ-tướng. N. don đả tiến lại, nhà văn vẫn ra chiều ngầm nghĩa bức chân dung gật gù nói rất ngọt : « Cả phòng hội họa có bức này toa vẽ đạt hơn cả ! »

Thanh theo học hội họa được ba năm thi hiệp định Genève.

Cũng là năm Khóa cam chịu khánh tận, di cư vào Nam với hai bàn tay trắng. Chân ướt chân ráo tới Saigon, Khóa đã cùng vợ đi Nha Trang giúp một người bạn thầu khoán. Thanh ở lại Saigon, thuê túp lều tranh gần đường Chí Hòa, một mặt giúp việc trinh bày và minh họa cho tờ Văn Hóa của Khiết một mặt tự trau dồi nghệ thuật bằng những tác phẩm vẽ bột màu hoặc sơn dầu.

Khám phá ra Thanh là họa sĩ, Khiết — Ông chủ báo Văn Hóa — mừng như tìm được một đồng chí trung kiên trên con đường cách mạng. Khiết gọi Thanh là « họa sĩ nhà ».

Khóa, Khiết xấp xỉ tuổi nhau vẫn cùng với các anh em trẻ tuổi khác trong gia đình Văn Hóa xưng hô với nhau « anh anh, tôi tôi » hoặc « cậu cậu, tôi tôi ». Ngay khi có thêm « nhóc Thanh » (lời của Lãng) gia nhập gia đình Văn Hóa cách xưng hô của toàn thể vẫn thống nhất « anh anh, tôi tôi ». Duy một lần nhân Khóa ở Nha Trang về Saigon it bữa mua đồ, Khóa có cùng anh em họp mặt tại tòa báo. Dương trong câu chuyện thân mật « anh anh, tôi tôi » với mọi người, bỗng Khóa vỗ túi quần rồi quay lại nói với Thanh : « Hết thuốc lá rồi, mày đi mua cho tao một bao Cotab ! » Lúc đó mọi người mới chợt nhớ ra rằng Thanh là con Khóa.

Lãng nói :

— Nếu vậy lẽ ra nhóc Thanh phải gọi chúng mình là chú và xưng cháu !

Mọi người cười ồ. Sau đây cách xưng hô tiếp tục thống nhất « anh anh, tôi tôi » trong thế thượng hạ bằng đẳng; phụ tử đồng bàn ?

II

Hà-Nội yên tĩnh với mặt hồ gươm phẳng in bóng tháp rùa, với chùa Trấn Vũ uy nghi, với hồ Tây rộng càng rộng mênh mông mỗi buổi chiều mặt trời ngả bóng về phía Ba Vì xa. Cảnh đồng trung châu miền Bắc yên tĩnh với những lũy tre làng, với những cánh đồng bát ngát, với tiếng chuông thu không. Ở cảnh trí miền Bắc như vậy Thanh mới có thể lắng lòng lại và suy nghiệm về lý chân không của nhà Phật. Vào trong Nam ở giữa Saigon với ánh nắng chói chang với nhà cao, đường lớn, phố bụi, xe cộ đủ loại đi lại như mắc cửi, đạo tâm của Thanh gặp dịp cọ sát với thực tế và Thanh được dịp thể hiện cá tính.

Đi vào không khí chan hòa ánh nắng miền Nam, thuê nhà một mình ở Chí-Hòa, thoát tiên là sự thức giấc của tinh trai. Năm 1954 — năm vào Nam — Thanh đã hai mươi bốn. Sự « thức giấc » như vậy xem ra là muộn.

Căn nhà tranh Thanh thuê lụp sụp nhưng rất thơ mộng ở chỗ trước căn nhà có một khoảng sân nhỏ giải cuội, giữa sân có cây phượng vĩ khá cao vào mùa nắng tháng giêng, tháng hai, tháng ba dương lịch hoa nở đỏ ối và những lá nhỏ rụng xuống màu vàng óng. Bên trong căn nhà ngồn ngang giá vẽ, palette, ống bút, sơn, hộp màu, khung, tranh cũ, tranh mới, tranh vẽ dở. Trên tường ván ghim những bản vẽ phác lớn nhỏ đủ các cỡ. Bàn làm việc bằng gỗ tạp, trên mặt bàn có tấm kính lớn đeo chỗ mẻ vỡ, dưới tấm kính cũng ngồn ngang những croquis nhỏ. Thủ đồ sộ nhất và cũng trang trọng nhất trong căn nhà

là cái giường gỗ lớn, thp, trên có nệm và phủ một tấm nhung đỏ thẫm màu tiết dê. Thủ khăn giải giường nhung này là di ảnh thời gia đình Khóa còn phong lưu ở Hà Nội. Phải nhìn cái giường gỗ thấp, rộng thênh thang đã rất hợp thời trang đó lại còn phủ một lẵn nhung vương giả mới thấy hết cái khôi hài của căn nhà tranh lụp sụp làm bối cảnh cho nó.

Một hôm bộ ba Tân, Kha, Lãng bắt chót xuống đường Chi Hòa tìm tới thăm Thanh. Tân đã trổ mắt hết nhìn cái giường lại quay nhìn Thanh mấy lần rồi mới phát biếu một câu :

— Thế này thì trên thế gian này *tout est possible !*

Kha không dấu được thèm muốn, nắm lăn lên giường quay mặt vào tường tường có thể lập tức làm một giấc ngon lành, trong khi đó Lãng vỗ vai Thanh khẽ nháy mắt hỏi :

— Cậu đã ngủ với người đàn bà nào trên giường này chưa ?

Nghe cái điệu Thanh cười hèn hêch, Lãng biết là... « thằng bé chưa dám » càng lắc đầu ngao ngán hơn :

— Rõ hoài ! Rõ hoài !

Ngay sát nhà Thanh là căn nhà hai tầng đồ sộ nhưng không có lấy một mẫu sân và đề trang trí cho cái khố gạch, gỗ, sắt khô khan ấy một ít mẫu xanh thiên nhiên, chủ nhà cho treo lủng lẳng trước tiền đình mấy giò phong lan. Thành thử căn nhà tranh nhỏ xíu của Thanh với sân rải cuội với cây phượng, với hoa phượng, với lá phượng, với bóng phượng đồ xuống ngả ngớn đã như một nụ cười xinh xắn đơn giản nhưng bất tuyệt của thiên nhiên.

Các trẻ em quanh xóm (rất nhiều) khoái « chú Thanh » (chúng gọi thế) vô cùng vì chú Thanh hiền, hay vẽ chúng nó, vì khi chú Thanh đi vắng chỉ khóa cửa trong nhà, chúng vẫn có thể tự tiện vào sân chơi dưới bóng phượng.

Mỗi khi Thanh đi vắng khóa cửa lại người ta đọc thấy hàng chữ viết bằng sơn trắng lớn thoát trong tường là hàng khẩu hiệu : « Thư từ, sách báo xin ném vào trong nhà ! ».

Mấy cô gái quanh xóm: cô chủ hiệu may, nữ y tá, nữ thư ký cũng ra chiều mến Thanh. Những khi giữa tháng tiền gần hết không thể đi ăn hiệu được, các cô xung phong thời cơm, làm thức ăn giúp Thanh. Các cô cũng có chú ý đến cái giường « thất bảo » của Thanh, trong thành tâm chắc các cô nghĩ rằng mình đương giúp đỡ một hoàng tử trả hình. Giúp đỡ Thanh như vậy các cô vừa thỏa được lòng vị tha vừa thỏa được lòng vị kỷ một cách trong sạch: gần đàn ông mà vẫn giữ tròn danh tiết (Thanh hiền lắm ! Thanh có biết nói điều cho sự hiện diện của các cô thêm duyên nhưng không bao giờ Thanh đi xa hơn. Nó theo danh từ nhà Phật, có nhân mà chưa gặp duyên chăng ?)

Trên đường Chí Hòa có một khu cư xá công chức thiết lập từ hồi Pháp thuộc, đó là những căn biệt thự xinh xắn và biệt thự nào cũng cổ triệt để lợi dụng khoảng sân trống để trồng cây, những cây đều đã lớn. Chính giữa khu cư xá là một ngôi chùa cổ, sáng chủ nhật nào các em đồng nam, đồng nữ của gia đình Phật tử khu này cũng đến họp bạn và theo học Phật pháp dưới sự hướng dẫn của mấy anh chị đoàn trưởng. Một buổi sáng chủ nhật «chú Thanh» đã theo mấy cháu Phật tử đến chùa được ban huynh trưởng hết sức quý mến giới thiệu với hai vị cố vấn giáo lý và cố vấn gia đình cùng các bác gia trưởng nam và nữ, các bác bảo trợ trưởng và phó.

Thanh vẽ *Caricature* hai chị trưởng của gia đình Phật giáo và cũng là hai chị em ruột: Sâm và Tình. Khi ra về Sâm, Tình có vào thăm túp lều tranh của Thanh và cùng cười rất nhiều về chỗ ở đó. Mỗi cảm tình của hai nàng biếu lộ với Thanh khá rõ rệt vì thứ vui tính hiền lành và cẩn nhà ngộ nghĩnh của Thanh cũng có, vì Thanh đã vẽ *Caricature* cho hai nàng cũng có. Tuy là hý họa nhưng Thanh vẫn làm nổi bật những nét đẹp của hai nàng. Sâm — cô chị — hơi đẫy người, nước da trắng, màu trắng mịn như mờ đồng (nói theo cách ca ngợi trong kinh Thi), đôi mắt tròn, thật tròn, từ thật xa nhìn lại càng thấy rõ đôi mắt nhung đỏ mở lớn với một chút ngạc ngác đáng yêu trên khuôn mặt đôn hậu. Vẻ khêu gợi ở thân hình hơi đẫy của Sâm có màu thuần với đôi mắt và khuôn mặt thơ ngây của nàng. Nét hý họa của Thanh đã khéo ghi được một cách thông minh cái lý thú của hai vẻ mâu thuẫn đó. Nhìn gần thì trên mép Sâm xanh phớt một hàng lông tơ. Điểm đó làm nhan sắc của nàng đuối đi đôi chút.

Tình có nét mặt rất thanh tú, nhìn thẳng khuôn mặt trái soan đó đã đẹp, nhìn nghiêng những nét thanh tú càng nổi bật nhất là khi nàng chỉ mỉm cười. Vừng trán hơi thấp một cách âu yếm, mờ tóc đen dày của nàng rủ xoã xuống vai và đóng khung lấy khuôn mặt đẹp đó. Thanh nghĩ đến một trái đào chín nặng từ một cành non nằm nồng nịu trên một mớ bòng bong mươi mà. Thân hình Tình không đẫy như Sâm, thon và chắc hẳn khi đi, đôi cẳng cao của Tình hơi đẩy cho thân hình đó về phía trước như sẵn sàng muốn ngã vào đôi cánh tay người yêu. Thanh chỉ không bằng lòng có nụ cười của nàng, nụ cười hơi đầm với hai chiếc răng cửa phẳng... quá phẳng. Nụ cười kém duyên đó đã làm bất lợi lây cho giọng nói của nàng mà Thanh nghe như giọng một người đầy lưỡi.

Lần đầu tiên Thanh đã phân tích quá soi mói hai vẻ đẹp đó. Nắng miền Nam đã thấm vào hồn Thanh? Vả chăng Thanh đã hai mươi bốn tuổi rồi còn gì: Thanh có đến nhà thăm hai nàng, và chủ nhật nào cũng đến chùa họp vui, chỉ tránh giờ lê.



Tại sao Thanh tránh giờ lê?

Ngày đầu dự khóa lễ chánh thức, thoát tiếng niệm Phật của các em đồng nam đồng nữ Thanh nghe thấy ngộ nghĩnh như những nét vẽ bằng âm thanh một dây đồi lên xuống rất đều. Rồi Thanh cũng theo mọi người khi đứng thẳng đọc, khi quỳ đọc, khi xà rồi đọc tiếp, khi cùng đứng chờ vị đại-đức chủ lễ cầm hương lên lư rồi mới đọc tiếp (cuốn sách nhỏ «Nghi-thức tụng niệm» Thanh cầm trên tay), Thanh thấy các em đồng nam, đồng nữ đã thuộc lầu các bài niệm, giọng các em đều đều làm chàng thảng thốt khỏi sự tự đặt vấn đề.

Đọc sách Phật, nghiên cứu đạo Phật lâu nhưng mãi tới hôm đó Thanh mới trực tiếp chứng kiến cuộc hành lễ. Đạo Phật ở nước nhà đã bắt đầu chú trọng đến hình thức, điều đó không phải là dở nhưng rời liệu có sa vào khuyết điểm vì quá chú trọng vào hình thức mà lời tụng niệm sẽ thành máy móc, hoặc làm dần người đi? Thanh sợ nhất sự tụng niệm làm dần người đi, đó là một sự ám sát linh hồn không thể dung thứ được.

**

— Anh Thanh đi chứ? — Tiếng Sâm nói kèm theo tiếng cười của Tinh.

— Mời các chị vào đây, tôi sửa soạn xong rồi.

Nói là sửa soạn xong rồi nhưng Thanh còn phải đi giày nữa. Khi Sâm, Tinh bước vào Thanh đứng dậy nhường giường cho hai nàng ngồi. Tinh rén ngồi xuống chăm chú nhìn Thanh lòng bít tất vào chân, Sâm thì cúi nhìn nệm giường tay vân vê mép nhung. Chiều thứ bảy đó, hai nàng đã đúng hẹn đến rủ Thanh để cả ba cùng tới nhà Tú xem Tú dượt cho mấy em Phật-tử vũ khúc *Quay to* mà các em sẽ trình diễn vào dịp kỷ niệm ngày đúc Phật thành đạo tuần tới.

Tú là cô gái Nam, quê ở Trà-Vinh cùng học với Sâm, Tinh ở trường Gia Long.

Thoạt Tú e lệ khi thấy có thêm Thanh là người đàn ông lạ. Nàng mời Thanh ngồi giọng lí nhí. Nàng lấy phấn đánh dấu vị trí của từng em; có sáu em chia thành ba cặp. Khi bắt đầu dượt cho các em nàng hoàn toàn quên hết người xung quanh. Nàng khen em này, sửa lại bước đi cho em nọ, nàng vỗ mạnh tay làm nhịp, đôi mắt chằm chú theo rồi... Vũ khúc *Quay to* các em vừa ca vừa múa đã gần thuộc hết, chỉ còn bờ ngực đôi chút ở phần điệp khúc.

Điệp khúc, Tú hát :

Nhẹ bàn tay

Nhẹ bàn tay

Mừng duyên thăm

Mã hồng say

Gió lay cành trúc

Gió giục vừng đông

Hương từ quyến với hương đồng

Guồng quay quay tít nỗi lòng vui vui.

Các em nghe chị nè — « *Nhẹ bàn tay* » — Ngồi xuống luòn. Nghe chữ « *Mừng* » quay sang bên phải — Trật rồi cưng ! Bữa hôm em đi trật bị rầy hoài nhớ không ?

« *Mừng duyên thảm* » — (Thanh lắng nghe giọng Tú cao vút) — Đôi chân này — Đó được rồi đó.

« *Má hồng say* » . . . — Nay cưng dòm chị đây . . .

Thanh ngừng nhìn thẳng về phía Tú tưởng như lời nàng vừa nói là nói với Thanh. Hai tai nàng đeo vòng khuyên lớn, lông mày có tó đậm đôi chút.

Gió lay cành trúc . . . thì cưng đi lên nghe không, hai tay cầm đũa vẫn vậy, em bên tay mặt vẫn vô mà chính giữa . . .

Gió giục vừng đông . . . Chỗ này phải giơ tay lên như đỡ bình trên vai vậy.

Hương từ quyến với hương đồng . . . *Quyến với hương đồng . . .*

Thanh lắng nghe Tú nhắc lại, tiếng vang nhẹ nhàng như lời kêu gọi thiết tha của chính nàng thốt ra để tự kiểm soát tình duyên.

Guồng quay quay tít . . . Hồng được, xay mặt lại đi *thục* lùi nghe. Bây giờ cưng trở lại chỗ cũ đặng đi *thục* lùi, nghe.

Hương từ quyến với hương đồng . . . *Guồng quay quay tít . . .* em nghe câu thứ nhất qua câu thứ nhì thì bước trở lên !

. . . *Nỗi lòng vui vui . . .* Em bước xéo lên một bước, từ đó coi được rồi đó.

Giọng nói hồn hậu miền Nam của Tú khi vừa cất lên đã bám chặt lấy hồn Thanh rồi thảm dần . . . thảm dần . . . xuống chiều sâu, giọng nói càng về sau càng quyến rũ nghe vui vui, đầm ấm, thân mật, dịu dàng.

— Em bước xéo lên một bước, từ đó coi được rồi đó. Coi chừng chun em nè, chun dứt không trúng thành ra coi lộn sộn. Một hai ba... ba hơi dứt lại. Trật rồi cưng ! Đứng bước dài quá nghe cưng, bước vừa vừa thôi, dứt lại chút xíu nữa nghe cưng. Khi nghe chị hát lại « *Nỗi lòng vui vui . . .* » tay trái em phải qua bên này, tay mặt để vô bên hông này.

Thôi các em nghỉ nghe. May lần trước về nhà chắc rượt dữ lắm hả ? Lần này cũng vậy nghe, mai rượt một buổi chút nữa là rồi đó.

Về hoạt động ở Tú ngừng khi buổi tập dứt, về e dè phút đầu không còn vì thế nét thùy mị của Tú càng thêm trong sáng. Thanh không ngừng kín đáo theo dõi cùi chỉ của Tú khi trở lại tiếp chuyện Sâm, Tình và Thanh. Khi thi Tú đặt tay lên ngực chớp chớp mắt, khi thi Tú đeo một ngón tay trỏ lên má rồi ngược nhìn người đối thoại cười mỉm, vành môi như thề vành trăng thương tuần mộng ánh sáng hy vọng.

— Chiều mai anh Thanh có đến xem rượt lại nữa không? — Tình hỏi Thanh khi ba người đã ra ngoài đường.

— Có chứ — Thanh đáp.

— Mai đến lượt anh phải đến đón chúng tôi ở chùa — Sâm nói.

Tình cười thay cho lời đáp ưng ý.

Tình tiếp:

— Tú tốt đấy chứ chị Sâm? Chị Tú theo công giáo đấy anh Thanh à

Thanh đưa ngón tay trỏ lên miệng như để giữ câu hỏi chự buột ra: « Chị Tú là người công giáo à? »

— Chị Tú — vẫn lời Tình — thích vũ và yêu trẻ lắm.

Chia tay cùng Sâm, Tình rời, Thanh dừng lại ở đầu ngõ xó trước cửa nhà ông y tá trưởng bệnh viện Bình dân. Ông này đương t chối không nhận tiền của cụ Đông Y cùng xóm — cụ bị áp lực máu ca được ông tiêm giúp. Bên đồi già cũng nhiệt tình, bên từ chối cùn cương quyết một cách thân ái.

— Ông không nhận tôi không bằng lòng chút nào!

— Cụ ơi, sao cụ lắn thân thế, tình hàng xóm với nhau, đây chính là bồn phận của tôi.

Cũng có thể — Thanh nghĩ — bên đồi già đã biết chắc rằng bì kia nhất định chẳng chịu lấy nào và bên được giả cũng cần được g thật sự để cương quyết từ chối mà biểu lộ lòng thân ái của min rút cục khi đồi bên chia tay cả hai cùng không mất gì mà cũng đưa rất nhiều ở chổ cùng cảm thấy tâm hồn nói rộng.

Tú ơi, Tú là người công giáo mà Thanh thì không, chúng ta li có thể kẻ nọ rót cho người kia mà cùng nhau chén tạc chén thù rực yêu đương rất vào ly tâm hồn?

— Kia làm sao anh lại mua chiếc mũ mới? — anh công nhân hỏi anh công nhân 2 (cả hai anh cùng ở trong cuối hẻm).

— Ủi chao, đáng là bao — anh công nhận 2 đáp :

— Nhưng mà cái cũ của anh là tôi mượn.

— Thi anh cứ giữ mà dùng !

— Cha chả là tức — anh công nhận 1 nói bằng giọng hài hước thông minh — thù này biết bao giờ ta giả được dây ?

Rồi anh công nhận 1 kéo công nhận 2 ra đường lớn :

— Thi hãy ra đây kiểm một chai « la de » lai rai dăm ba sợi chứ !

Tú ơi, em là người công giáo anh thi không, chúng ta có thể yêu nhau trong tình yêu cởi mở của hai anh công nhận và thay vào chai « la de » kia sẽ là thứ rượu nồng đêm hợp cần ?

Tú đã nhập thể vào hiện hữu của Thanh ?

(Còn một kỷ)

DOÃN-QUỐC-SỸ

tiễn bạn

Bốn phương mây bạc chẳng người săn

Chén tiễn-đưa càng đắng giọt châm

Đất trích đã dành se ngọn thở

Non doi chưa thấy gác cung dâu

Thì say điên đảo năm hòn núi

Mà thả phiêu diêu một mảnh bầu

Ai có như ta lòng ngộ đạo

Ất không mê bến lúc tìm nhau

CÚ RÚC ĐÊM KHUYA

DƯƠNG-KIỀN

Khi còn đi học, Nam vẫn dùng ba chữ « Xóm nhà lá » để chỉ bọn học sinh « hẫu lốn » thường ngồi túm tụm ở cuối lớp, đùa nghịch như phá. Đến nay, Nam mới cảm thấy hết cái ý nghĩa của ba chữ ấy từ ngày gia nhập « Xóm Chùa » với những mái nhà lỗn nhồn thấp lè tè, con đường độc đạo vừa vặn hai người thích cảnh nhau, sâu hun hút.

Nam thuê một căn phòng trên cái gác lửng của bà Ba Lá. Nói là phòng, thực ra chỉ là một « khoảng » gác được ngăn bởi 2 tấm « rideau », hai « khoảng » hai bên còn có hai... gia đình khác. Vì chỉ là có đến ba « gia đình » chen chúc trên một sàn gác rộng không đầy ba thước, dài độ sáu thước, không có cửa sổ, như cái nón úp chụp lên lũ người lú nhúc ở dưới.

Nam không để ý đến hàng xóm của chàng, chàng đi suốt ngày, tối về lăn quay ra ngủ. Hòm nào oi giờ không ngủ được, Nam nằm đập muỗi đèn đét, nghe tiếng « la-dô » chói ráy từ từ phía vọng lại, phía trước, phía sau, bên tả, bên hữu. Mới đầu, Nam không thể chịu nổi cái thứ âm thanh hỗn loạn ấy ; nhưng về sau, bị hành hạ mãi Nam cũng quen dần.

Nhưng có một điều kỳ lạ ám ảnh Nam mãi là tiếng cú rúc. Ngay đêm đầu, cái tiếng rúc ò-è, ọt-ẹt, rầu rĩ ấy phát ra làm Nam tỉnh giấc. Tiếng rúc không xa lắm như ngay bên cạnh tai nhưng Nam chịu không đoán được là thứ tiếng gì. Đêm sau, đêm sau nữa cũng vậy. Nam để ý tìm, thì ra tiếng cú, con cú của lão hàng xóm ở cùng căn gác với Nam, lão Năm Hồ.

Lão Năm Hồ ngủ ngày o-o, lẩn với tiếng cú rúc rầu rĩ làm Nam vừa rợn người, vừa khó chịu. Nam không hiểu sao lão lại nuôi con cù hôi rinh trên căn gác bì-rị, không khi đê thở cho người cũng chưa đủ. Và Nam bắt đầu ác cảm với lão nếu không có một buổi kia...

Buổi tối hôm ấy, không hiểu Nam ăn gì mà bụng sôi lên sùng sục, đau quặn từ dưới đau lên làm Nam ba chân bốn cẳng chạy ra cầu tiêu công cộng độc nhất của khu xóm. Nam vừa bước lên chiếc cầu khỉ cheo leo thì có tiếng chân huỳnh huỳnh của Lão Năm Hồ chạy đằng sau, rồi một cánh tay xô bắn Nam sang một bên khiến chàng suýt chui xuống bãi sinh ở phía dưới. Lão Năm chạy như chạy giặc, tông cửa vào nhà cầu.

Vừa đau vừa tức, Nam định xông đại vào, muốn ra sao thì ra. Nhưng Nam cố nén, ôm bụng ngồi xuống trán cơn đau, trời không nóng mà mồ-hôi Nam cũng toát ra đầm người. Nam lại càng thấy ghét lão Năm Hồ hơn!

Nhưng cũng may, chưa đầy năm phút lão Năm Hồ đã tươi cười đi ra, vỗ vai Nam thân mật:

— Thầy Ba, xin lỗi thầy Ba nghen! Nó làm quá xá mà, hông có chịu nổi! Thầy «làm» lẹ lẹ rồi ra quán làm vài ly cho ấm bụng, nghen thầy Ba !

Nam không thèm trả lời, bước vội vào trong. Sau khi nhẹ hẳn người, Nam thấy sự tức tối cũng nhẹ hẳn đi, nhất là khi bước ra Nam thấy lão Năm vẫn đứng ngay cửa, hin hin cái mũi chờ Nam.

Nam thấy buồn cười nhiều hơn tức. Nhất là ngắm kỹ lão Năm, Nam thấy có một vẻ khôi hài đặc biệt. Cái mũi to sần sùi và đỏ như trái doi trên cái miệng nhăn nhúm, chiếc trán hói nhẵn bóng tương phản với hai hàng lông mày rậm, những sợi cuối dài vênh ra phía sau. Cảm lão chỉ lơ thơ có vài sợi râu nhưng thật dài và trắng như cước.

Lão cầm tay kéo Nam đi. Và hôm ấy những ly để cay sè, những con khô mực dai nhách làm Nam say khướt.

Lão Năm không có nghề ngõng gì nhất định. Nói là lão thát nghiệp không đúng hẳn, lão làm phu đòn đát mà. Nhưng thỉnh thoảng lão mới đi một đám còn ngoài ra lão sống nhờ số tiền trợ cấp vì lão là cựu chiến binh, lão đi lính cho Pháp từ hồi «cát-tó, đít-duýt».

Đối với Nam, lão Năm quả là một mẫu người kỳ lạ. Thuở nhỏ, theo lão kể, lão theo học «đạo thách hiền» đến hết Tam tự kinh. Rồi lão bỏ nhà đi buôn, suối ngược Nam Bắc bao nhiêu năm. Vào cái tuổi bồng bột nhất, lão si mê một cô đào thương thượng thặng thuở ấy, cô N.Y.

— Hắn ca, chao ôi, mũi oi là mũi !

Nhưng đa sắc, đa tài thi lại đa tình. N.Y. gá nghĩa với lão chưa đầy nửa năm hương lửa thì đã rũ áo ra đi, theo tiếng gọi của cuộc đời gió bụi. Lão thất tình, đau khổ, giận lèn cả cuộc đời đem bạc, lão đầu linh sang Pháp. Năm bầy phen chết hụt, ba bốn lần chìm nổi, vinh nhục đã nhiều, bây giờ «lão hồ» về già thu nanh vuốt nơi xóm Chùa hồn đòn này.

Ngày ngày, lão thủng thẳng ra chiếc quán lụp xụp ở đầu ngõ. Chiếc quán của anh chủ quán hiền lành có cái tên chùng với tên tướng cướp khét tiếng : Bởi Liễu. Lão ngồi trầm ngâm trước ly cà-phê túi, mơ màng nhớ lại thuở nào. Thẳng Sừng, thẳng ôn con giúp việc cho anh Bởi Liễu thỉnh thoảng rồi việc lại hát vang lên trêu lão :

— Ông Năm oi, bao giờ thì ông có bồ ? . . .

Lão «Hà» một tiếng, không ra cười cũng không ra nạt thẳng bé, đê hở bộ răng vàng khè, khấp khièng.

Thường thì lão đánh cờ tướng. Nam phải nhận là lão đánh thật cao, nhưng cũng thật lạ. Sĩ, tượng lão thí hết, lão chỉ hay đánh tốt mà đánh thật hay. Những lúc lừa được tốt vô cung up hiếp đối phương, lão đắc chí xoa cái đầu nhẵn bóng, cười hà hà :

— Sĩ, tượng chỉ quanh quần rúc bên nách ông tướng là đồ bỗ, đời này cũng thế. Đứng có khinh thẳng tốt, nó chậm mà chắc, nhưng phải tay có họng mới sài nổi nó. Đời này cũng thế.

Thường thì lão hiền như đất, nhưng khi men rượu đã ngấm, lão khà khịa tuốt. Lão chưa sô sát với ai bao giờ, nhưng lão thường đe thiên hạ :

— Nay, ông . . . sợ thẳng nào đâu. Tây-den rách mặt ông còn dám đánh nhau tay đôi tay ba với chúng. Bây giờ ông làm nghề chôn người. Những đứa lúc sống là ông nọ, bà kia ; lúc chết cũng một tay ông chôn. Đứa nào rồi cũng vô hòm tuốt, vô hòm tuốt. Ông sợ gì thẳng nào !

Ai cũng chỉ cười. Khoái nhất là thẳng Sừng, nó cười ăng ặc, nhảy lên chồm chồm, hát vang cả tiệm :

— Ông Năm oi, bao giờ thì ông xuống mồ ? . . .

Nam dần dần thấy cảm tình với lão Năm Hổ thật sự mặc dù chàng vẫn ghét cái mùi hôi rình và tiếng rúc não nuột của con cù. Nam định bụng khi nào có dịp sẽ hỏi xem tại sao lão lại nuôi cù trong nhà.

Một hôm đi qua quán Bởi Liễu, Nam nghe thấy tiếng lão Năm ôm ồm :

— Loạn, thế này thi loạn ! Hai ba thứ giặc thi loạn rồi còn gì nữa.

Nam liếc nhìn vào thì thấy lão Năm đang chăm chú đọc tờ báo: Nam mỉm cười định đi thẳng thì lão Năm đã ngẩng lên vẫy chàng.

— Thầy Ba, vào nhậu lai rai cái đã.

Nam bước vào. Từ ngày gặp lão Năm, Nam thỉnh thoảng vẫn đi «nhậu lai rai» với lão. Nam quen dần cái không khí của một quán nước bình dân, với tiếng đàn «phùng phùng» trong chiếc «la dô» cũ rich vọng ra, tiếng húp cà-phê súp soap từ những chiếc đĩa...

— Nè, sao lại có những ba thứ giặc, hở thầy Ba ?

— Ô, thì ngoài giặc Cộng sản, nước mình còn bị nạn chàm tiến và chia rẽ. Những thứ này cũng như giặc vậy mà !

Lão Năm gật gù cái đầu ra vẻ hiểu. Anh Bời Liêu góp thêm một câu khôi hài :

— Còn giặc Bời Liêu thì sao ?

— Cướp chứ đâu phải giặc. Ô, mà cướp với giặc khác nhau thế nào nhỉ ?

— Cũng thế.

— Cũng thế thế nào được ! Có ai nói cướp chàm tiến với cướp chia rẽ bao giờ đâu ?

Lão Năm Hổ và anh Bời Liêu tiếp tục tranh luận về giặc và cướp. Nam ngồi gật gù nhảm ly để với đậu phộng. Bỗng chàng nhăn mặt nhồ toẹt xuống đất.

— Gi thế ?

— Lạc thối.

— Ô, tránh sao được. Đời cũng thế mà !

Tửu lượng của Nam độ này đã khá hơn trước nhiều. Tuy chàng chưa uống được cả «xị» như lão Năm nhưng cũng làm được vài ba ly. Cái say lâng lâng dễ chịu, Nam thấy mọi vật đều mờ ảo và nhẹ nhàng, sáu câu vọng cổ từ trong «la-dô» vang ra nghe cũng mùi mẫn.

Một con đế nhảy bám lên cổ áo lão Năm, lão chộp lấy lầm bầm :

— Đè cho cú.

Nhân tiện Nam hỏi :

— Nay, bác Năm này, sao bác lại nuôi cú. Hồi chết được, mà nó rúc nghe rợn cả người !

Lão Năm cười phun phè phè cả nước bọt :

— Ấy, thà hôi như cú mà ai cũng ngửi thấy còn hơn hôi mà lại làm ra vẻ thơm tho. Sống ở đời đôi khi cũng muốn rúc lên vài tiếng cho đỡ hận. Không rúc được thì nhờ cú rúc, có sao ! Với lại, chuột sợ cú, nuôi cú đỡ chuột !

— Cú thì hơn gì chuột, thà chuột còn hơn.

— Ấy đắng náo cũng phải chịu một trong hai cái, tôi chịu nổi cú, thầy chịu được chuột, có sao !

Lão lại cười hì hì, hàm răng vàng khè, khớp khẽnh.

Bọn người ngồi trong quán vỗ tay đom đốp tán thưởng một câu hát mùi trong « la-dô ».

* * *

Mấy hôm liền Nam ít thấy lão Năm ra khỏi nhà. Chàng tưởng lão ốm đau nên vén màn phân chia hai « nhà » sang hỏi thăm.

— Thế nào, bác Năm, sao ít đi nhậu vậy ?

— À, tôi đang soạn một « tài liệu », quan trọng lắm !

Nam ngạc nhiên :

— Tài liệu gì vậy ?

— « Thái Bình Thập Sách ». Mười bí quyết làm sao cho quốc thái dân an. Phải biết, quan trọng lắm.

Nam định cười, chàng cho là lão khôi hài. Nhưng Nam hầm kiptiếng cười. Giọng lão trang nghiêm khiến chàng tin rằng lão nói thật. Thành ra tiếng cười chỉ mới khò khè trong cuống họng.

— Xong nhớ cho xem nghe, bác Năm ?

— Được, rồi thầy xem, phải biết, quan trọng lắm ! Ba thứ chừ ba mươi thứ giặc chúng nó cũng chết hết !

Từ hôm ấy Nam có cái thú theo rỗi lão Năm viết « Thái Bình Thập Sách ». Chàng cũng thấy thỉnh thoảng có một người con gái còn trẻ, khá đẹp, khi mặc đầm, khi mặc ta nhưng lúc nào cũng chải chuốt, đến thăm lão Năm. Không biết hai người nói chuyện gì với nhau nhưng cuộc gặp gỡ lần nào cũng ngắn ngủi cả.

Nam dò hỏi người trong xóm. Nhiều người nói rằng đấy là con gái lão Năm. Thuở tòng quân sang Pháp lão có lấy một người vợ đầm để được một đứa con gái. Vợ lão chết trong trận thế chiến thứ hai. Con gái theo lão về Việt Nam. Nghe đâu hiện giờ đang bán hàng ở một Snack-Bar trên Saigon. Nam cho rằng có lý vì chàng thấy một vẻ đẹp lai hai giọng máu ở người thiếu nữ ấy.

Lão Năm đã thật sự trở nên một nhân vật hoang đường trong cuộc sống thường nhật của Nam.

Băng đi ít lâu Nam bận không hay gặp lão Năm, cũng chẳng biết « Thái Bình Thập Sách » với chương trình kinh bang tế thế của lão đi đến đâu ?

Đùng một cái cù xóm đồn ầm lên, người nọ truyền miệng người kia, chuyện « con gái lão Năm ». Thị ra con gái lão Năm không chồng mà chửa, đứa con đẻ ra còn lai hơn cả mẹ nó. Rồi chẳng hiểu vì lý do gì thúc đẩy, nàng nhẫn tâm bóp mũi con đến chết, đem vất đi. Nhưng nàng bị bắt.

Mới đầu Nam không tin, nhưng rồi báo đăng hẳn hoi. Nam thấy thương lão Năm, thương người con gái gian truân kia, thương mà không ghét.

Lão Năm ở lỳ trong nhà, quán Bời Liễu vắng hẳn bóng lão. Thỉnh thoảng lão gói một bọc lớn, ra đi lẩn lút, vội vã. Chắc hẳn lão đem đồ tiếp tế cho con gái.

Rồi một đêm, lão ra đi từ chang vang tối rồi không thấy lão về. Thị ra lão đi uống say lúi cò bợ ở đâu, mãi nửa đêm lão mồ mảm về đến chilée cầu khỉ chênh vênh ở đầu ngõ thì hụt chân ngã xuống chiếc lạch. Nước không sâu, nhưng chắc là say quá, lão chết ngập trong bùn. Mãi sáng hôm sau người ta mới biết.

« Chuyện lão Năm » thành câu chuyện thời sự của xóm.

Lão đã chết, chết hẳn rồi. Thế mà thằng Sừng, thằng ôn con ở quán Bời Liễu vẫn nghêu ngao hát :

— Ông Năm ơi, bây giờ thì ông xuống mồ ! Tang tang tang, tint tinh tinh...

Con cú của lão Năm đã bị đem vứt đi.

Bây giờ thì chẳng biết nó rúc ở nơi nào, tiếng rúc não lòng chè lão Năm hả bót nỗi hận...

DUƠNG-KIỀN

thu ca

Trời đã vào thu chưa

— Cúc réo hồn hoa chìm giêng cộc.

Heo may dịch đảo cõi lòng đất,
lá chuyền mình tung ngượç nắng mưa.
Lửa loạn vừa quẩn bùng thoảng chớp,
thu kia liền rợn khắp sông hồ.

* *

Thiên nhân còn thuận nghịch lời huyền-cơ ?

* *

Người đã gặp thu chưa

Trời đã vào thu chưa

Thuyền neo sa-mạc trúc to ngâm-ngùi

Biển nâu khép mắt,

Cát hồng nứt môi.

Trăng sao sắp mặt,

Giao-trì bắc sôi.

Lệ thu or

Cân não thu hời

Thâm cung sênh động

âm hồi ảo hoang

Giữa Đời thu, bão vỡ nhân-gian ; thác-loạn Trời

thu xoáy hồn-mang ; nức-nở Người thu bờ rũ-rượi.

Nhi thu gục cúi giàu tim vàng.

* *

Núi sừng chờ sông tiếp gió vang
Thôn-thức vọng hòn chênh giá sách

Giác Đập ây không dung hồn cự-phách
Minh-Công nào mờ lẩn bóng Dương-Chu

Ngàn xưa bừng cháy Thi Thư
Ngàn sau ngưng-đọng Xuân Thu chập-chờn

Tri-kỷ lây ai mà tâm-sự
đôi ánh riêng mình mà véo-von
Máu đỏ róm từng trang khuyết-sử
tay trắng đồn nâng cưa Thái-sơn
Tứ thiêng nhịp bước nồi cõi-lữ
Chỉ cả vùng say lũ tuổi son.

*
* *

Mắt biếc hiện hình sóng vỗ đại-dương
Biển, cát khôi-nguyên
trắng gió bồng siêu-thường
Giao-trì thơm nức gieo thuyền ngọc
Sông núi đàn ca dội viễn-phương.

Thiên địa nào hoang-đường
Nhân quỷ nào xót thương
Hoa thu lở ngọn tim cuồng khiêu-đăng

— Vượt thời khắc, nhảy đời in Đâu, Suất
ngắt-ngưởng cười chơi vui lắm chăng.

HÌNH ẢNH

truyện

NGUYỄN ĐÌNH-TOÀN

Bữa cơm tan trong bầu không khí vui vẻ. Bà Phúc-Thành đứng dậy đi xuống nhà dưới với nụ cười trên môi. Ở cổ bà những hạt kim-cương sáng chói. Ông Phúc-Thành ngồi ngả hẵn lưng vào chiếc ghế bành rộng, ông bập môi mấy cái rồi như áng chừng lửa đã tắt ông cầm cái pipe xuống tay, nghiêng đầu ngắm nghĩa, chồm dậy, với cái bật lửa trên bàn, bật lên châm, hút mấy hơi liền, thở khói ra nhẹ nhàng, rồi lại ngả người xuống thành ghế ông nói :

— Rồi cũng mòn mỏi đi cả. Lòng say mê nghệ-thuật, say mê cách-mạng, phiêu-lưu, đến một cái tuổi nào đó rồi nó cũng hết đi.

Ông cười lớn tiếng, ngó nghiêng chúng tôi. Tôi nhìn hai hàng râu mép bắt đầu bạc, cứng, được sủa sang kỹ càng của ông, và nhớ đến chuỗi hột soàn sáng chói của bà. Tôi nghĩ thầm : « Cả hai người đều còn khoẻ mạnh ».

Rút tiếng cười ông ngừng đầu lên, rút cái ống điếu ra khỏi miệng nắm chặt trong tay, rồi tiếp :

— Tôi cũng đã từng vẽ tranh, ở tù vì cách-mạng, làm thơ cho con gái. Nhưng tất cả những cái đó chỉ là một thứ « gay » thừa của tuổi sung-sức, rồi cũng thành mây khói hết. Nhưng cuối cùng cũng phải nói rằng tôi vẫn tin tưởng ở cách-mạng. Công việc đó nó dính liền với thân phận của một nước. Thân phận nước mình nó như thế...

Nói đến đây mặt ông có vẻ buồn rầu. Ông lại nắm xuống thành ghế. Đưa cái ống điếu lên môi, vừa hút vừa nói, cái ống điếu nẩy lên, nẩy xuống, theo tiếng nói của ông, và giọng nói thì bị hàm răng cắn cái ống điếu giữ lại nghe bẹp và mềm nhũn,

— Rồi cũng mòn mỏi đi cả. Cũng nay mà tôi kịp «tỉnh lại» mà lo lấy cái cơ nghiệp cho mình, chứ nếu không thi rồi cũng không biết trôi giạt đi đến đâu.

Lệ ngồi yên lặng khoắng nhẹ ly cà-phê. Bên ngoài khung cửa sổ mở rộng, gió thổi mạnh hơn, những tấm màn cửa bay tới tấp. Tiếng sóng biển reo ngoài khe đá. Tôi biết Lệ đang cố kìm hầm ý thích chạy ra ngoài bãi. Kìm hầm đẽ lát nữa chạy ra sẽ được nhiều thích thú hơn.

Nàng nói :

— Bây giờ chú giàu có rồi. Chú còn gì ân hận nữa đâu ?

Ông Phúc Thành nháu chau, ông mỉm cười đại lượng :

— Chú không có gì hối tiếc thật... ngoài sự chú không làm được gì hơn là những việc riêng cho chú. Bây giờ, thì chú già rồi. Người ta thường bằng vào tuổi già để nghỉ ngơi. Nước mình thi lại nhiều người già hơn người trẻ. Nên có gian-chuân cũng là đáng kiếp.

Lệ cười bảo :

— Chú có vẻ một người yêu nước cay đắng.

Ông Phúc Thành mở to mắt nhìn Lệ. Ông có vẻ không tin Lệ vừa nói ra câu ấy. Lệ thản nhiên cúi xuống mức từng thia cà-phê lên uống, rồi ngoặc mắt nhìn ông cười. Bao nhiêu vẻ xác láo trong câu nói như được cái cười ngày thơ ấy xóa lấp đi. Một phút sau ông Phúc Thành có vẻ thất vọng. Ông nhìn vào chút tàn thuốc trong ống điếu và hỏi tôi :

— Cậu nghĩ thế nào về đám thanh niên ngày nay ?

Tôi nhìn ông. Ông có vẻ thành thật khi hỏi câu đó. Tôi nói :

— Tôi ở cái tuổi không thể trả lời ông câu đó được.

Ông nhìn lại tôi. Và như chợt nhớ ra tôi thuộc cái đám người mà ông đang muốn biết đó, nên ông lại cúi xuống nhìn cái ống điếu và bảo :

— Thanh niên ngày nay có thông minh thật. Song không biết có làm nên trò trống gì không ? Khi còn trẻ người ta thích nhạo báng, đến khi già sẽ chịu đắng cay.

Rồi ông quay sang phía Lệ :

— Chú nói như thế không có ý trách cháu đâu. Vì chú tin cháu cũng không có ác tâm định nhạo báng chú. Vả chăng cháu cũng như bá cháu, thuộc vào cái thế hệ, phải làm quen với tất cả những gì lớp tuổi sau mình người ta mang đến. Đó cũng là lý do đó khi cháu cảm thấy mất cả sự bình yên.

Lần đầu tiên tôi để ý đến những giảng ca trong tư-tưởng của ông Phúc-Thành. Chắp nối những mẩu chuyện giữa tôi và ông từ ngày tôi và

làm thư ký cho hãng Ông, tôi không biết gì hơn Ông là một nhà kinh doanh có tài. Có lẽ Lê nói đúng. Ông Phúc Thành là một người yêu nước cay đắng. Sự cay đắng gây ra bởi tuổi già nua, lòng hối tiếc những mộng tưởng khi còn trẻ không thực hiện được, hoặc là mặc cảm phạm tội vì đã lẩn trốn trách nhiệm, cũng có thể là cho đến tận bây giờ chính Ông không hiểu rõ những điều Ông định làm xưa kia, nên sinh ra tâm trạng tự ti, băn khoăn.

Tôi nói :

— Trở lại câu hỏi của Ông ban này. Tôi lấy tiếng nói của mình trong đám đông mà nhận rằng giữa hai thế hệ các cụ và chúng tôi có một sự cách biệt khó thông cảm. Riêng có nhân tôi không biết phải, cư xử thế nào cho phải.

Giọng Ông Phúc Thành, trở nên rắn rỏi :

— Tôi cho rằng các cậu có vẻ phiêu lưu. Hầu hết những thanh niên ngày nay có học, tôi gặp, tôi đều nhận thấy họ luận lý theo một chiều hướng sách vở nào đó. Họ lại biết quá nhiều nên phải chịu luôn sự vật vã. Tương lai ở trong niềm tin chứ không phải sự kiểm tìm.

— Tôi nhận rằng trong số thanh niên ngày nay không thiếu những kẻ đọc sách như vẹt học nói. Nhưng cũng không thiếu những người muốn tìm hiểu thực sự.

Nếu phải nói đến niềm tin, phải thú-thật, chúng tôi mất trước nhất đối với thế hệ trước mình. Tôi cũng tin thanh-niên ngày nay họ không còn thể tin ở những điều người ta bày đặt ra cho nữa. Họ tự tìm kiếm lấy.

Ông Phúc-Thành ngồi hẳn dậy, Ông rút pipe đậm tàn vào cái gạt tàn và nói, giọng Ông bớt nghiêm-trang :

— Tôi cho rằng không thể quy tội tất cả cho thế hệ trước mình được. Hoàn cảnh ngoại thuở của nước mình trong tuổi chúng tôi, không cho phép làm được cái gì hết. Phải hiểu sâu sa đến cả phương pháp giáo-dục của người Pháp khi ấy nữa.

Ông Phúc-Thành ngừng lại, ngạc ngác, hình như Ông ngạc-nhiên vì chính tiếng nói của mình. Ông nhìn thẳng vào tôi. Trong cái nhìn của Ông có ý-nghĩa một sự chịu-thua phẫn-uất, xa-xôi, như một người ráng sức phản đấu với tuổi già, vẫn thấy mình khoẻ mạnh, nhưng cùng một lúc cứ thấy tóc bạc dần đi. Sự so sánh này có lẽ nảy sinh khi tôi nhìn kỹ Ông. Tôi nhìn thấy những vết nhăn dưới hai quầng mắt Ông. Ông có nước da màu mật ong, bóng ở chỗ hai gò má.

Tôi nói :

— Chúng tôi nhận đủ cái kỷ-niệm đó trong chồng sách của Tự-Lực Văn-Đoàn. Có lẽ chúng tôi phiêu-lưu thật nhưng chúng tôi không học được gì trong đó.

Ông Phúc-Thành cười lớn. Tôi không hiểu lý-do nào khiến ông có thể cười lớn đến thế. Tiếng cười của ông khiến tôi cảm thấy mình lố bịch. Cả những điều ông và tôi nói với nhau, và cả ông nữa, đều trở thành lố-bịch.

Bà Phúc-Thành ở dưới bếp lên. Bà nhìn mọi người âu-yếm. Bà cười mỉm. Bao giờ bà cũng chỉ cười mỉm như thế. Tôi có nghe những người làm trong nhà nói rằng bà sợ cười lớn sẽ bị nhăn da mặt, chóng già. Tôi ngủ bà lấy khăn buộc trán, phòng khi trong những giấc mơ, gặp điều sợ hãi, trán sẽ tránh được nhăn nhó. Bà hỏi tôi :

— Cà-Phê mới của người bạn ở Đà-Lạt mới gửi về biếu. Uống được không ông ?

Bà nói và định cười nhưng lại im im lại. Trong nụ cười của bà như bị giằng lại một cách tội nghiệp.

Tôi đáp :

— Dạ, thưa bà ngon lắm.

Tôi thấy mình ngu hết sức. Tôi quên tiếng cười của ông Phúc-Thành. Ông cười rút, ngừng lại, quay sang hỏi Lê :

— Cháu nghĩ thế nào về câu chuyện của ông Thái ?

Ông khum tay nắm chặt cái đầu pipe nhìn Lê. Lần đầu tiên tôi để ý đến những ngón tay ông. Ông có bàn tay thô, ngón m López, ngắn nhỏ lại dần phía đầu và bẹt ở móng.

Tôi nghĩ thầm : « Bàn tay ấy chắc gây ra nhiều cảm giác lạ ở những thứ ông ta sờ đến ».

Ý nghĩ ấy giải tỏa trạng thái cục cằn trong thâm tâm tôi, gây ra bởi tiếng cười của ông khi nãy và sự tự cảm thấy lố bịch của mình.

Bà Phúc Thành đi lên trên gác.

Lê nói :

— Cháu không hiểu gì hết. Chúng cháu lớn lên giữa những chuyện mình không hiểu gì hết đó và phải đi tìm nơi lành mặt. Rồi bày ra những trò chơi không cần đến sự hiểu biết.

Lê định nói gì nữa nhưng bà Phúc Thành hiện ra ở đầu cầu thang trên gác, gọi ông lên trả lời điện thoại. Nàng rún vai làm thinh. Ông Phúc Thành đứng dậy xin lỗi chúng tôi, hẹn khi khác sẽ nói chuyện tiếp và lên gác.

Lệ rủ tôi ra ngoài bãi biển hóng gió.

* *

Trời như muốn nói cơn mưa. Gió biển thổi hơi mạnh. Sóng reo ào ào. Tôi thích nghe sóng biển và sự vắng vẻ của bãi biển. Ở đây người ta có thể hưởng đầy đủ sự cô đơn của mình.

Lệ mặc đồ đầm xanh màu trắng. Tóc nàng dài và gió thời làm rối tung bay tới tấp. Nàng cầm tay tôi như cầm một con ốc biển. Tôi thấy tâm hồn tôi giống như những hốc đá tối tăm, trơ trọi, rắn sắc kia. Lệ đi đôi giày màu hồng giống hai cái kén. Trời vẫn mây đen và buồn ở đằng sau những tầng mây đó.

Lệ nói :

— Anh làm cho chú tôi được bao lâu ?

Tôi đáp :

— Ngày mai nữa thì được một năm và 3 tuần lễ. Tôi được mời dùng cơm vì có cô đến chơi. Cho có người nói chuyện.

— Cám ơn. Chú tôi khá nhưng tôi không phải là con nhà giàu. Ba tôi là công chức.

— Tôi ân hận đã nói chuyện lúc nãy trước mặt cô. Ông Phúc Thành là một ông chủ tốt. Ít khi nào tôi có dịp nói chuyện với ông.

Chúng tôi ngồi xuống bên một tảng đá, trên cát. Gió vẫn giữ tốc độ cũ. Sóng reo không ngừng.

Lệ nói :

— Tôi cho sự lố bịch thường có sẵn trong những chuyện chúng ta không hiểu hết. Tôi không hiểu hết một điều gì nên thường bắt được mình rõ ràng lố bịch. Lúc nãy tôi nói đến những trò chơi không cần đến sự hiểu biết. Thí dụ : nhảy Twist.

Tôi hỏi :

— Cô thích nhảy Twist ?

Nàng nhảy thẳng vào mặt tôi. Lệ có nét mặt trẻ thơ và vẻ già nua trong cái nhìn và giọng nói :

— Anh cứ nhảy thử một lần rồi sẽ biết, anh không thích nhưng vẫn có thể nhảy lần thứ hai, hay lần thứ một trăm. Rồi bảo là thích cũng được.

Lệ cười hồn nhiên. Rồi nàng lần ngồi cao lên tảng đá. Tôi ngửi thấy mùi thơm vải áo và tóc nàng.

Lệ nói :

— Tôi 17 tuổi và tôi đã phải nghe, phải đọc, đọc vì tò mò hàng trăm thứ lý luận. Tôi không hiểu gì về những thứ lý luận đó. Mới đầu tôi xấu hổ vì sự ngu dốt của mình và tôi đau khổ. Bây giờ có thể tôi còn xấu hổ vì sự ngu dốt đó nhưng không còn đau khổ nữa. Tôi thản nhiên hay đúng hơn có lẽ đã làm quen với sự thản nhiên nên tôi thản nhiên.

Gió làm tóc cắt nát mặt nàng. Trông Lệ đẹp và buồn như đám mây lúc cơn mưa.

Tôi bảo :

— Cô nói rõ hơn về những suy nghĩ của cô.

Lê tiếp :

— Tôi không bao giờ được suy nghĩ hết. Anh không tin? Thực ra tôi chỉ loay-hoay với những mặc cảm của mình. Tôi có biết gì đâu mà suy-nghĩ?

Tôi thấy Lê lạ. Tôi ăn với nàng ba bữa cơm chiều và bây giờ cô bé ấy đang nói với tôi về những điều cô không hiểu được.

— Tôi có nhiều bạn giai, thích nhạc Jazz và chắc anh ngạc-nhiên tôi thuộc khá nhiều ca-dao và thơ. Tôi không biết các cụ xưa sống ra sao, nên tôi không biết sống thế nào là mới. Tôi được nghe không thiếu những cuộc tranh luận về các vấn đề quan trọng tương-tự như chuyện chú tôi và anh nói khi nãy, chuyện càng quan-trọng bao nhiêu, kết-thúc càng kỳ-cục bấy nhiêu. Sự kỳ-cục có khi ở ngay trên mặt người nói chuyện. Tôi trông thấy họ như soi gương thấy minh. Tuy tôi vẫn phục-họ biết nhiều điều mà tôi không biết. Tất cả những vấn-dề họ mang bàn luận cuối cùng cũng không ai giải-quyết được hết. Điều này chứng tỏ có lẽ họ cũng không hiểu rõ gì hết. Tôi có thể tin được những người đó không?

Lê nghiêng đầu xuống nhìn tôi. Tôi muốn làm cơn gió vặt nàng như con trăn. Mắt Lê thành hai quầng tối. Khuôn mặt trái soan gầy và trắng xanh. Tôi làm quen dần với nàng trong ý nghĩ.

Đột nhiên Lê quay ra phía bắc nói lớn :

— Trời gió, thích nhỉ. Tôi sợ khoảng tối tăm ngoài kia. Tưởng tượng một mình tôi bảy giờ ở ngoài đó...

Nàng đứng dậy giang tay khiêu vũ với âm thanh của gió và sóng biển.

Lê với tay bảo tôi :

— Đứng dậy, đứng dậy anh...

Nàng cười hồn nhiên, sung sướng.

Chúng tôi đi chậm về phía hang núi đằng kia. Cát lọt vào giày

Lê tiếp :

— Có người thích nghe chuyện. Có người thích nói. Tôi chưa bao giờ được nói vì tôi thích nghe. Hôm nay tôi nói với anh để không phải nói một mình.

Tôi hỏi :

— Cô ước vọng gì ?

Lê đáp :

— Nhiều thứ lắm. Nhưng có lẽ vì ước vọng không phải là một thứ có hình thù rõ rệt nên tôi cũng không biết rõ mình ước gì. Điều có thì chắc chắn là có. Các bạn tôi chúng cho tôi là ranh mãnh và thông minh. Tôi biết cách làm cho chúng phải làm vừa ý tôi. Nhưng thực ra tôi chỉ là cái lá muôn bay để đuổi bắt cái bóng minh ở đằng trước.

Chúng tôi đến bên một chiếc thuyền gỗ nhỏ, hư, cặm trên cát. Màu gỗ khô trắng. Trời vẫn gió đều. Mây đen bay từng lũ.

Lê bảo :

— Minh ngồi đây một lát đã.

Nàng buông tay tôi và ngó xuống hai bàn tay mình. Nàng tiếp :

— Người ta coi chúng tôi như những đứa trẻ con. Thực ra chúng tôi không phải người lớn, nhưng cũng không còn là trẻ con nữa. Chúng tôi là một thứ người đặc biệt. Biết sự sống, biết cái chết ở quanh mình. Và chỉ hiểu được cái nghĩa bi đát của nó. Vẻ thiêng liêng cao cả thì không. Anh vừa nói đến sự phiền trách những người lớp trước. Chúng tôi phiền trách ai ? Các anh và chúng tôi thuộc cùng một thế hệ, hơn kém nhau khoảng một chục năm, cũng không hiểu được nhau. Nói chi thế hệ trước ? Chúng tôi muốn bước ra khỏi cái vòng dai chằng chịt của các người đó, và vì chưa làm được gì, chúng tôi chơi.

Người ta nhìn ngắm chúng tôi như những hiện tượng kỳ cục. Chắc anh thấy khó chịu vì tôi nói như người lớn ? Chúng tôi như vậy, không có ngôn ngữ riêng để nói với nhau, phải dùng ngôn ngữ của người lớn, hành động như người lớn, và chỉ có tầm hiểu biết của một đứa trẻ. Làm đúng, nói đúng những việc của người lớn làm, người lớn nói, nhưng không hiểu. Anh cũng biết là người ta không thể làm mãi những việc mình không hiểu. Nên chúng tôi phải cố mà hiểu lấy. Và cuối cùng, điều chúng tôi hiểu được, là biết thêm càng lúc càng nhiều những điều mình không hiểu gì hết. Người ta giảng nghĩa sự không hiểu của chúng tôi là đợt sóng mới, là sa-đọa, là bệnh hoạn, là bắt chước. là sự kinh tởm, là đáng thương hại nhưng cũng đáng trừng trị, là do chiến tranh gây ra.

Hai mắt nàng sáng long-lanh. Nét mặt rắn, kiêu hãnh, lạnh lùng. Nàng chậm rãi :

— Tôi không cả quyết được gì hết. Và anh không thể tưởng tượng được rằng tôi muốn trở thành nhà văn trong khi tôi không cả quyết được gì hết, không tin gì hết, trong khi tinh-thần tôi bại hoại tưởng không còn thể làm nổi một việc gì hết.

Môi nàng run. Lê hơi mím miệng lại. Nàng có vẻ một người đang cố thẳng mình. Mắt nàng có quầng. Lê đẹp vì hai quầng mắt đó.

Tôi hỏi :

— Cô muốn viết về gì ?

Nàng nhìn tôi. Tôi có cảm tưởng nàng nhìn thấy cả cái mạn thuyền
khô nứt sau tôi. Lệ giơ tay vuốt mặt.

Nàng nói :

— Tôi muốn viết tất cả. Viết về những điều chúng tôi không
hiểu được. Viết về những mơ ước bị nhạo báng. Viết về tuổi thơ tội
nghiệp của chúng tôi.

— Một nhà văn có thể nổi tiếng vì chính những vấn đề mình
không hiểu được đó, tôi nói.

Giọng Lê bình yên :

— Tôi không ước vọng được khen. Tôi muốn làm một công việc
chống đối, đối với những quyền lực áp bức. Áp bức dưới nhiều hình
thức. Tôi muốn đặt những câu hỏi và đòi được trả lời, đại diện cho
thế hệ tôi.

— Thí dụ ?

— Thí dụ ? Thí-dụ như từ nãy đến giờ tôi nói và anh vẫn nghe.
Anh nghe và tôi biết anh vẫn cho tôi là trẻ con. Nhưng tách riêng
những lời tôi nói, anh sẽ cho rằng những lời đó không phải lời trẻ
con, không phải lời của đứa con gái 17 tuổi. Vậy giữa tôi và lời nói
của tôi, giữa tôi và tuổi thơ của mình, có một mâu thuẫn. Vậy tự
chúng tôi-làm mất tuổi thơ của mình hay bị người ta tước đoạt ? Ai
là kẻ tước đoạt ?

Lý do nãy sinh ra sự mâu thuẫn kia ? Đây này, tôi cho anh biết
một chuyện riêng này. Tôi có đứa bạn nó cùng học một lớp với tôi
và bằng tuổi tôi. Nó có nhiều bạn trai và không yêu ai hết. Nó đi với
ba người đàn ông bằng tuổi chú tôi và ít hơn chút ít. Nó nói với tôi
là nó yêu họ. Trong ba người đó thì hai người có bằng chứng để
khinh miệt nó. Người thứ ba đã chống đối sự ham muốn của mình
một cách cực khốc, và nói là ông ta thương nó như con, đồng thời
ông cũng khinh miệt nó như một con đĩ. Bị bỏ rơi nó ốm đau và khóc
lóc. Trải qua ba mối tình người lớn biết nó còn có thể yêu được một
đứa trẻ bằng tuổi mình không ? Nó có đáng được tha thứ không ?
Người chồng sau này có tha thứ được cho nó không ? và sau hết nó
làm cách nào để tự tha thứ cho mình ?

Lê nói như ném cát vào mặt tôi.

Tôi là một đứa con trai nồng nỗi và cục cằn. Nên phản ứng đầu
tiên của tôi khi nghe Lê nói là tôi có cảm tưởng đứng cạnh một
con nhím.

Tôi nói :

— Trường hợp đó riêng lẻ. Cô ấy đáng gánh lấy cái hậu quả «không ra gì» do việc làm cô ấy gây ra.

Lệ nhìn tôi mỉm cười. Cái cười kiêu hãnh, vồ liêm. Nàng nói :

— Hãy cứ tạm cho đó là trường hợp riêng lẻ. Trường hợp độc nhất. Vậy cái cá nhân đó đáng kể là một người trong đời sống này không? Những người đàn ông kia là người được kính trọng, như tất cả những người bình thường khác trong xã-hội. Vậy mà cái thứ các người đó trải qua đã trở thành một thứ đáng khinh bỉ. Nếu người ta cho rằng đứa con gái đó là một thứ đồ bẩn, không cần cứu vớt, người ta không có quyền khinh nó vì nó không liên hệ gì đến đời sống của các người hết. Ngược lại, nếu người ta còn khinh bỉ nó, thì sự khinh bỉ đó có nghĩa là người ta còn phải nhận nó là một phần tử giống mình. Thì trường hợp của nó phải được cứu xét và không bằng lòng khinh bỉ. Cứ cho rằng nó không có quyền đòi hỏi người ta phải cứu xét vì phần lỗi hoàn toàn về nó, thì người ta vẫn phải phán xét để cứu vãn cái giá trị về phía mình. Vì nó biết rõ hơn ai hết hành động của cái người ở bên phía đối tượng đã làm với nó. Cái giá trị kia sẽ thê thảm nếu đến lúc nó công nhận hay phải công nhận sự khinh bỉ người ta dành cho nó.

Tôi không còn muốn nghe tiếng Lệ nữa. Sóng vẫn đỗ ào ào trên cát. Mây mỗi lúc dày hơn. Tôi không muốn ý nghĩ mình còn phải bận bịu vì đứa con gái nữa. Gió ập tới từng hơi lạnh. Lũ lá cây phát reo, tối tấp, cong minh dãy dưa muôn bốc khỏi cành. Tôi đ𝐞 ý đến tiếng gió reo, đến những tiếng động phúc-tạp chung quanh, tiếng gió đậm vào kẽ đá dội trở lại, và những tiếng động tôi tưởng tượng ra. Sự trống trải dày hơn cả gió. Tôi quên hết mọi sự. Và tôi nhớ lại đứa con gái, bên cạnh. Cái bóng nó rõ dần. Lệ ngồi đấy. Tâm hồn tôi trở lại bình thường. Tôi vừa cắt đứt được một mẩu đĩ vắng.

Giọng Lệ lẩn trong gió, những rất rõ :

— Tôi biết anh vừa nghĩ gì về tôi.

Nàng cười dịu dàng :

— Tôi cho anh biế̂t: thêm điều này cho dày đủ ý nghĩ riêng của anh về tôi : Đứa con gái tôi vừa nói với anh đó là tôi.

Tôi cố giữ cho sự khó chịu khỏi xâm lấn vào mình. Tôi nói :

— Cô cho tôi biết điều đó làm gì?

Lệ nhìn xuống thấp, nói đứt đoạn :

— Nếu tôi thuộc về anh, của anh, anh sẽ nghĩ khác. Người ta xét việc theo lòng vị kỷ. Tôi nhắc lại... tôi nói với anh đẽ̂ khôi phái nói một mình. Không, không phải thế. Tôi không thể nói nỗi một mình. Có lẽ

tôi cần có một điểm tựa nào đó ở ngoài mình. Có lẽ... tôi muốn là thẳng những nếp cảm nghĩ của mình. Tôi có cảm tưởng là một hạt bóng tối và đang loang tan vào đêm. Tôi sợ hãi sự mất tích đó.

Tôi ngó vào mặt Lê. Khuôn mặt ấy cũng như trăm ngàn khuôn mặt khác nào có liên hệ gì đến tôi? Nó chỉ ở đây một lúc nào đó trong tầm nhìn của tôi. Rồi rất có thể sẽ không bao giờ tôi còn trông thấy nữa. Hay dù hoài hoài tôi sẽ còn trông thấy nó thì mọi sự vẫn xảy ra y như đã xảy ra. Tôi làm gì được? Tôi thấy thương hại tội nghiệp cả tôi, cả Lê, cả sự bất lực của chúng tôi. Đời sống như một đám cát bị gió cuốn làm bụi mù trong giây lát, rồi tất cả lại rơi xuống sự bình lặng, trơ trọi.

Tôi bảo Lê:

— Tôi hiểu được điều người ta không thể nói mãi một mình. Nhưng thực ra thì ngôn ngữ là một thứ có sẵn, và nó bao hàm những ý nghĩa đã có sẵn. Vì thế mình cũng không có trách nhiệm gì về những lời mình nói hết. Không có trách nhiệm nên mình cũng không có gì để nói với nhau hết. Chúng mình bị vây bọc và ánh hưởng bởi một số dãy đặc những thứ mình không có trách nhiệm gì hết đó. Và chỉ còn một cách là tự thương lấy mình, đừng hành hạ mình.

Lệ hỏi tôi ngày thơ :

— Vậy, anh cũng không hơn gì tôi sao?

— Nếu tôi ngu hơn cô thì tôi khá hơn. Nếu tôi khôn hơn, tôi còn tệ hơn nữa.

Lệ cười thỏa thích và chảy nước mắt. Tôi đoán Lệ vui thích và nàng cũng bắt đầu thương hại tôi như tôi đã thương hại nàng.

Lệ nói :

— Chắc tôi không còn kiếm đâu ra một cái gương tốt hơn anh nữa.

Tôi cũng cười (?) bảo nàng :

— Sự ấy không lợi và cũng không có hại gì cho cô hết.

— Vậy anh sống làm gì? Lệ hỏi.

— Tôi sống để yêu và để tìm ý nghĩa cho cái chết, tôi đáp.

Giọng Lệ khó chịu :

— Vậy, anh có người yêu chưa?

— Tôi mới 26 tuổi, tôi còn nhiều thì giờ để chờ.

Gió lạnh hơn. Máy bay nhanh từng đòn. Trời bắt đầu sa xuống. Những hạt cát đồ vào tay rào rào. Bụi sóng tung trắng xóa. Bụi nước hắt vào tận chỗ chúng tôi ngồi.

Tôi nói :

— Trời sắp mưa.

Lệ vẫn miên man với ý nghĩ. Nàng hỏi tôi :

— Các anh có cho là các anh có trách nhiệm với chúng tôi, với các em mình không ?

Tôi bắt đầu chán và không còn muốn nói chuyện với Lệ nữa. Nhưng giọng Lệ bỗng khoắn. Và tôi phải trả lời.

Tôi đáp :

— Nếu có quyền từ chối, thì tôi không nhận.

— Nghĩa là ... có ?

— Hãy cứ cho là có.

— Vậy, chúng tôi có thể tìm gì ở các anh ? Giọng Lệ đứng đắn

Tôi đáp trong khi vẫn để ý đến tiếng sóng bên ngoài và gió mát lùa qua cánh tay và trên tóc :

— Tôi trả lời riêng cho cá nhân mình. Người ta không thể từ chối cái trách nhiệm đó vì nó là một sự kiện tự nhiên, mỗi thế hệ, mỗi lứa tuổi, phải nhận lấy đối với lứa tuổi sau mình. Và điều đó nhiều khi tạo cho tôi có mặc cảm phạm tội. Tôi là một kẻ viễn vông, tra suy nghĩ như một cái cây tự mọc lá, chứ không vì trách nhiệm. Cho nên phải tự đặt mình trước trách nhiệm thực sự, thú thật, tôi cảm thấy bối rối. Tôi chỉ có thể trả lời thế này : nếu cần phải chiến đấu, phải chết, như một người lính khi trách nhiệm đòi hỏi, tôi không từ chối. Hoặc nếu người ta chỉ cho tôi biết, tôi nên làm cái gì đó, tôi có thể làm được hơn thế, tôi sẽ làm cái việc đó.

Giọng Lệ áy náy và có vẻ chua sót :

— Theo anh vừa nói... thì hình như ý anh cho rằng thường minh là những kẻ không biết rõ khả năng của mình ?

— Riêng về phần tôi, và cho đến lúc này, thì đúng.

— Chúng mình đều tội nghiệp như nhau sao ?

Gió ào tôi từng cơn lớn, rơi mát. Tóc Lệ bay đuỗi về một phía bên phải. Vai trái nàng nhô cao, thuôn, nhô. Trời bắt đầu có hạt nước. Tôi có cảm tưởng Lệ danh lại như tảng đá.

Tôi hỏi nàng :

— Tôi hỏi cô điều này... Cô còn thể yêu ai được nữa không ?

Lệ từ từ ngẩng lên nhìn tôi, yên lặng một giây, rồi nàng cười, vui thích. Tôi nhầm lẫn cảm tưởng cho nàng danh lại, một trạng thái

trái ngược hẳn với tiếng cười kia. Hàm răng Lê trắng xanh trong bóng tối phủ lấp mặt nàng. Mưa đồ xuống.

Lê nói :

— Ngày giờ anh ngây thơ hơn tôi.

Nàng định nói gì nữa nhưng đứng dậy chạy đi. Tôi cười và cũng đứng dậy chạy theo. Mưa đồ xuống rất nhanh. Một phút sau là có cả một trận mưa lớn khắp vùng. Lê nắm tay tôi chạy về phía hốc núi. Mưa xối xả trên tóc và quần áo hai đứa. Lê chạy và ngừa mặt hắt về đằng trước. Nàng giang cánh tay còn lại ra hứng nước, bàn tay kia Lê bóp mạnh tay tôi. Nàng cười vui sướng. Sáu chớp ở trên cao. Ánh sáng chớp làm cho da mặt Lê xanh nhợt. Chúng tôi chạy tới hốc núi. Lê đứng xậy lưng ngả vào thành đá. Nàng thở gấp và cười rũ rượi. Chúng tôi đều uất đầm. Nước mưa chảy từng giòng trong tóc Lê. Lê không cười nữa, nàng ngừng lại nhìn tôi. Một tia chớp xẹt lên. Và tôi lại nhìn thấy vẻ nhợt nhạt của Lê. Tôi thấy Lê đẹp hết sức.

— Lê nói với tôi :

— Nếu tôi là người yêu của anh, anh có thể kê đầu tôi lên gối, tôi sẽ ngủ như trẻ thơ và sẽ nằm mơ thấy tiên nếu anh muốn.

Một tia chớp khác bật lên. Lê ngừa cao mặt, nhắm mắt. Tôi giơ tay vớt những giọt nước trên mặt nàng.

Lê nói :

— Không, đứa con gái tôi nói với anh khi nãy không phải là tôi đâu...

Mặt Lê xanh nhợt.

NGUYỄN ĐÌNH-TOÀN

người cầm bút và những thiên đường lỡ

NGUYỄN HẢI-GIAO

Những biến cố lớn của lịch sử đã làm giao động cả xã hội của chúng ta, sự giao động ấy không phải chỉ có bề mặt mà còn xâm chiếm cả bề sâu, từ tận cùng sự suy tưởng của mỗi cá nhân riêng lẻ. Chúng ta tin, và tin đúng — ít nhất là trên nguyên tắc — những người cầm bút, những người tự đảm nhận sứ mệnh văn hóa sẽ là nhân chứng của thời đại, ghi lại bằng nét đậm trong những tác phẩm nỗi niềm bão khoăn ray rứt cũng như hoài bão của thế hệ mình. Không thể, tác phẩm chỉ là tác phẩm chết, và người cầm bút chỉ là những phù thủy đọc những bài phù chú tối tăm và vô ích.

Trào lưu văn học của chúng ta từ khi khai sáng nền văn chương Quốc ngữ đã trải qua ba thế hệ rõ rệt. Thế hệ trước 1930, thế hệ của những nhà văn tiên phong đã mở một con đường khá rộng rãi và khoáng đạt cho thế hệ 1930 — 1945, thế hệ của Tự-lực Văn-Đoàn. Và từ 1945 tới nay là thế hệ của chúng ta, thế hệ chưa được mệnh danh.

Chưa được mệnh danh vì nó quá phồn tạp — phồn tạp chứ không phải phong phú — và vì sự lạc lõng trong ý thức của người cầm bút. Xã hội chúng ta đang ở trong một thế quân bình giả tạo đã đột nhiên chịu đựng những biến chuyển khốc liệt, sự tranh chấp giữa các lực lượng đối lập không chỉ giới hạn trong phạm vi chính trị, nó xâm lấn vào mặt lãnh vực và lôi kéo từ trong tiềm thức đang an hưởng sự bình yên giả tạo kia những phản ứng quá độ.

Chính sự quá độ đã làm chói lòa cái nhìn của người cầm bút và người trong tâm khảm của họ đã thú nhận một sự bất lực.

Bất lực nhưng tự hào (phải chăng tự hào là bản chất cổ hủu của người cầm bút vốn vẫn tự đặt mình vào hàng ngũ trí thức!) người cầm bút đã có những thái độ cựu kỳ mâu thuẫn và cũng cựu kỳ phi lý.

Đáng lẽ, do cái tất nhiên của bản thể văn hóa; tác giả, và tác phẩm, phải làm sôi trào cái tâm linh của riêng mình cũng như của thế hệ mình. Tâm linh ấy là sự tập hợp những khắc khoải, những băn khoăn, tất cả những gì làm nên chất liệu cho «đà sống» của cá nhân và của tập thể. Nhưng trái lại, thế hệ văn học của chúng ta đang rơi vào một sự trống rỗng vô biên, người cầm bút chỉ làm công việc ném những viên đá nhỏ vào khoảng trống, và tất nhiên những tiếng vang đã mất hút trong sự sâu thẳm vô cùng ấy.

Sự thất bại của người cầm bút đã thể hiện qua tâm trạng muốn tạo lập nên một thứ thiên đường, *nhưng sự thật chỉ là những thiên đường lở.*

Là những thiên đường lở, vì nó tự cô lập với thực trạng xã-hội, nó lùi ra xa và giữ một thái-độ khách-quan vô lý. Vô lý vì không thể nào quan-niệm được một thái-độ bất động trong khi mọi thực thể xã-hội đều bị chi phối khắt khe bởi định luật tiến hóa. Khoa học và những tiến bộ của văn minh vật chất đã xô đẩy con người tới ngã ba của lịch sử nhân loại. Nó không cho phép mỗi cá nhân đang tồn-tại — và muốn tồn-tại — mãi mãi hoài tưởng những kỷ niệm vàng son và muốn tạo lập một thứ địa đàng trên những chông gai đang làm róm rách bàn chân của đoàn người lữ hành về phía tương lai.

Trường-hợp vừa kể là trường-hợp Nhất-Linh.

Nhất-Linh đã có một ngôi thứ thật cao, có thể là cao nhất, trong thế hệ 1930-1945. Trong thế hệ ấy Nhất-Linh đã là một chiến-sĩ quả cảm và không thiếu tài năng để hướng dẫn cả một trào lưu quan-trọng. Chiếc bệ ngọc của Nhất-Linh xứng đáng với sự đóng góp lớn lao của ông. Nhưng đáng lẽ sự đóng góp ấy phải chấm dứt hợp-lý cùng với sự chấm dứt của thế hệ Tự-lực Văn-Đoàn. Và thiên đường rực rỡ ấy sẽ vĩnh-viễn để lại di tích trong lịch sử Văn-học cùng với sự cảm-phục của người sau.

Nhưng Nhất-linh đã muốn tạo lập lại thiên đường của ông trong thế hệ hiện tại, khi mà tâm-trạng xã-hội đã vượt quá xa thế hệ ông. Và tất nhiên thiên đường ấy chỉ là một thứ thiên đường lở.

Điều đáng nói không phải là trường-hợp cá biệt của Nhất-Linh, nhưng điều đáng nói là có cả một khuynh-hướng tập hợp bên cạnh trường-hợp ấy. Giải Thưởng Văn-Chương Toàn-Quốc đã xác nhận sự kiện này. Nhật Tiển, Doãn-Quốc-Sĩ, Linh-Bảo đã được lựa chọn để tiêu biểu cho thế hệ Văn-chương hiện tại. Nhật-Tiến, cũng như Doãn-Quốc-Sĩ và Linh-Bảo là những văn tài, nhưng những các tác phẩm của

các tác giả dù xuất hiện hôm nay, hay hai mươi năm trước cùng với Nữ chưởng Xuân, Gánh Hoàng Hoa .. cũng không hề làm thay đổi giá trị nội tại của các văn phẩm ấy.

Đó chính là điểm đáng ghi nhận.

Chúng ta không thể tìm thấy hình ảnh của chúng ta, thân phận chua xót và sự day dứt không ngừng của các yếu tố ngoại lai đang tác động vào nhịp sống của mọi cá nhân đang hiện diện. Ý hướng tranh đấu của thế hệ Tự-Lực Văn-Đoàn không phải là ý hướng tranh đấu của thế hệ hôm nay. Các vẻ đẹp mỹ miều, óng ả và thơ mộng của một hình thức văn chương bóng bẩy không cứu vãn nổi những cảm xúc đã nhảm chán. Sự chuyển động của xã hội hiện tại không thể dung hợp với tiếng lau lách rì rào một đêm nào trên bến Tầm-Dương.

Phải can đảm rút bỏ quá khứ và đủ kiên nhẫn đi tìm những ánh hào quang mới.

Đã có những lớp người cầm bút làm công việc ấy. Những người này chưa đi trọn con đường của mình và chưa thực sự chứng tỏ một giá trị biểu kiến nào. Ngay từ bây giờ còn quá sớm để có một nhận định đúng đắn về khuynh hướng vừa nói, nhưng phát biểu một vài nhận xét không phải là không hữu ích.

Những người tham gia khuynh hướng mới đa số một tâm hồn trả, quá trẻ.

Những tâm hồn trẻ thường dễ dàng chấp nhận những chiều hướng mới, dễ dàng cảm thông cảnh ngộ luôn biến chnyễn và không e ngại chấp thuận những phiêu lưu. Những đồng thời cũng vì thế mà dễ bị đẩy đi cuộc thử thách, trên con đường đưa tới quá độ.

Sự quá độ là nguyên nhân của thái độ giả tạo, đôi khi thành khen kiêng và tự tạo cho mình một mặt xa lạ, xa lạ với chính mình.

Những người cầm bút trôi trên con đường dốc, khi tạm dừng lại, soi bóng mình trong cùng thẳm tâm hồn, nơi đầy đủ sự chân thành, ngạc nhiên chợt thấy một hình thù quái dị. Họ đã trở thành những kẻ lâ mang một tâm trạng lạc loài.

Chúng ta đồng ý cuộc đời là một nghi vấn, người cầm bút phải luôn luôn dò hỏi, nhưng cũng phải để cho những phản hưởng tiếng nói của mình đạt tới mức tối đa của sự trung thực. Người cầm bút không thể, và không có quyền, tự tạo quá nhiều tấm chắn phản xạ làm sai lạc những âm thanh trong cuộc đối thoại với cuộc đời.

Cuộc đời là cả nỗi niềm xao xuyến, nhưng cuộc đời không tất nhiên mang ý thức tự hủy, trái lại nó vẫn chứa chan trong nội tại một ý thức tự duy. Bi thảm hóa cuộc đời không phải là một thái độ tắt hồn, và nó không phải là lối thoát cho cá thể nhỏ mọn và bơ vơ của chúng ta luôn luôn bị giao động.

Người cầm bút— do sự quá độ muôn đoạt được trong khoảng khắc chân lý cho cuộc thế — có thể lại rơi vào trường hợp tự tạo một thú thiêng đường — hẳn cũng là một thú thiêng đường lở — trong đó gian hâm chính minh là những thiên thần đau khổ.

Nhắc lại ý kiến rằng thế hệ văn chương của chúng ta chưa được mệnh danh, nhưng dù nó được mệnh danh là gì, chắc chắn nó cũng sẽ ghi dấu một giai đoạn chuyền biến mà sự hình thành toàn diện vẫn còn đang đòi hỏi rất nhiều những yếu tố vô cùng phức tạp.

NGUYỄN HẢI-GIAO

có nhữn^g lúc tôi buồn

Có nhữn^g lúc tôi buồn
Nỗi buồn thường không bao giờ nguôi
Mộng đẹp trong lòng sao xa diệu vợi
Trọn đường trần tôi không thôi theo đuổi
Như theo đuổi vầng trăng
Ngày thơ ấu.

Có nhữn^g lúc tôi buồn
Nỗi buồn vời vợi mênh mang
Pha ít nhiều cay đắng
Ôi thời gian, ôi thời gian
Ngày xanh còn đâu nữa, mộng đẹp tàn
Tôi đã phi nhữn^g ngày tươi đẹp nhất
Trong suy tư, trong đèn sách, trong gió bụi
đường xa

Mà không tìm thấy nghĩa cuộc đời
Và cô đơn tôi đi lẩn vào cõi chết
Với đôi bàn tay trăng, đôi chân lạc loài
đôi mắt chẳng biết nhìn đâu
Hỡi Thượng đế, tôi cúi đầu khấn nguyện
Ban Tin Yêu cho ngập trái tim đâu
Và ngày kia tôi già từ dương thế
Thu hồn tôi về Ánh-Sáng-Trăng-Sao.

Ngày cô đơn

THE LONELY DAY

nguyên tác

ERSKINE CALDWELL

người dịch

PHONG-GIAO

Đã một tuần nay sương mù ẩm uất mùa trọng-hạ, đến từ phương Nam, từ bờ biển, đã bao trùm lên khắp hạt Maine. Từng lớp hơi sương màu xám, là thấp và trải lên khắp vùng giống như làn hơi nước dơ bẩn, đã hạ thấp những chân đồi xuống ngang với những cánh đồng bằng phẳng; trong khi những ngọn núi cuộn mình trong những đám mây ẩm uất màu xám và lẩn xa khỏi tầm mắt mãi về phương Bắc, về Giàn-Nâ-Đại. Bữa qua, làn sương đã bốc cao lên khỏi mái nhà, gần như đã vượt qua khỏi những vòm cây du; nhưng hôm nay, chúa-nhật, bầu không khí ẩm thấp đã trở thành đầm nước đến nỗi những mắt lướt của tấm màn che cửa sổ đều đã bị bít kín bằng những mảng nước mờ đục, vồng vồng.

Katherine bước vội qua nền cỏ uất ngoài vườn và hối hả vào nhà. Cô nhẹ nhàng mở cửa bếp và chậm chạp đóng lại, đứng dựa lưng vào cánh cửa.

Mụ già lấy cái đầu nặng nề của cây nạng nén lên người cô và chui rủi ấm ỉ. *

Cô gái nhảy choàng lên và chạy sang góc bếp bên kia.

Căn phòng ẩm uất ngọt những hơi sương trọng-hạ. Có những hạt nước nhỏ đọng trên tấm màng nhện đầy bụi bặm dăng ở phía trên cái lò than, và một giòng nước trong nhỏ giọt không đều, trườn theo chân bàn xuống nền nhà.

« Bi hái cho tao ít trái dâu » mụ già hét vào mặt cô bé. « Hãy di hái cho tao ít trái dâu ! » mụ ráng sức quát lên. « Mày có nghe thấy tao nói không hở đồ ăn hại ! Hãy đem về cho tao một thùng trái cây trước khi tao kịp quơ cái nạng này mà đập mày chết tốt. »

« Thưa vâng », Katherine thấp giọng nói. « Con đi hái đây. »

« Thế mày còn đợi gì mà không ba chân bốn cẳng đi cho gấp lên. Tao sẽ đập tan sọ mày nếu lúc trở về rồi mày không khôn hồn xác cút đi nơi khác ! »

Katherine vơ vội lấy cái thùng đựng trái cây đặt trên mặt bàn giữa bếp và chạy ra ngoài trước khi mụ già kịp đánh nàng lần nữa. Trong lúc nàng chạy về phía đồng cỏ, sương mù ẩm uất bám lấy mái tóc và nước mắt tràn xuống đôi gò má ướt đẫm. Vườn dâu ở cách bờ suối, tận phía bên kia cánh đồng cỏ chăn cừu. Viền theo cánh ruộng dâu là Quốc lộ, ngược lên Bắc và suối về Nam.

Katherine gắng sức hái thật nhanh những trái dâu uất. Nàng biết là ngay lúc đó mụ già đã đợi sẵn ở cửa bếp làm lầm cầm nạng chục bồ lên đầu nàng vì tội đã không trả về sớm hơn. Nàng hết sức gắng công nhưng rồi cũng chẳng thể hái nhanh.

Cách đó vài trăm thước, nhiều chiếc xe chạy suôi chạy ngược, đi lên các Tỉnh hoặc trở lại Maine. Bốn phía quanh nàng đều là rừng cỏ, cánh rừng già thâm u mà chỉ có mùa đông, khi tuyết trắng đã đóng băng, mới có bọn tiêu phu vào đốn gỗ. Bọn người tới làm việc nơi đó toàn là dân Pháp di cư từ Gia-Nã-Đại sang và Katherine chẳng thể hiểu nổi họ nói những chuyện gì. Giờ đây thì chẳng có một ai quanh đó. Lâm Ấp gần nhất cũng cách xa tới bốn chục dặm về mãi phía Nam, và những người duy nhất đi ngang qua khu rừng đều chỉ là bọn du khách, đi ngang qua nhưng không bao giờ ngừng lại, Katherine chưa bao giờ đi xa ra mãi tận ngoài đường, song mỗi lần đi hái dâu nàng đều nghe thấy tiếng rồ máy của những xe hơi phóng nhanh và đôi khi nàng còn nghe thấy tiếng cười của đàn ông lẫn đàn bà. Mụ già không bao giờ cho phép nàng tới gần đường cái cả.

Trong lúc chăm chú hái dâu nàng tưởng chừng như nghe thấy tiếng một trong những chiếc xe hơi ngừng lại. Lóng tai nghe, nàng thấy tiếng cười đứa từ mé ngoài đường vọng tới, nhưng nàng đứng cách xa quá nên chẳng hiểu người ta nói những gì. Nàng cúi xuống những bụi dâu và hái thật nhanh cho chóng đầy thùng.

Trời ngã trưa trước khi nàng hái được đầy thùng. Nàng chạy về phía nhà là nơi mà mụ già đang hau háu ngồi đợi.

Trong lúc nàng chạy xuống sườn đồi, về phía giòng suối nằm trong cánh đồng cỏ nuôi cừu nàng lại nghe thấy tiếng cười đứa của nhiều người. Khi đi tới cầu khỉ nàng có thể trông thấy bọn họ như những bóng mờ thoáng hiện qua màn sương. Xa hơn một chút về phía dưới hồ có chừng nǎn hoặc sáu cặp trai gái trẻ tuổi.

Katherine leo qua cầu khỉ, đi xuống phia giòng suối tới gần bọn du khách đó. Thoạt tiên nàng ngờ là bọn họ đang câu cá, nhưng đó là điều nàng tưởng tượng khi còn cách xa bọn họ gần một trăm thước. Và rồi nàng trông thấy bọn họ đang bơi lội ở trong giòng suối. Nền mây sà thấp chót hé sáng dọc theo bờ suối trong chốc lát và nàng trông thấy bọn họ rõ ràng, chỉ còn cách nàng một khoảng trống nhỏ.

Trong khi nàng đứng yên sững sốt ngắm nhìn cảnh đó thì một thiếu-nữ leo lên bờ suối và chạy ra cảnh đồng cỏ. Cô gái soay minh lại và cất tiếng gọi một người trong bọn trai trẻ.

« Đố anh bắt được em đấy. Jimmy ơi ! »

Cười ròn rã, cô gái khoả-thân chạy ùa đi và khuất dạng trong lùi sương nặng đục.

Những người con trai và gái khác cùng cười ròn rã và tát nước tung toé đùa nghịch trong giòng suối.

Katherine đứng bên giòng suối, phía trên bọn họ. Từ thuở nàng chưa từng bao giờ được trông thấy một cảnh tương-tự, và nàng cũng chẳng thể tin là trai và gái lại có thể cùng nhau vui đùa thoả-thích như thế. Thật khó tin đó là cảnh thật, nhưng nàng lại nghe rõ mò lời họ nói và lại trông rõ mọi việc họ làm. Và đối với nàng đó vẫn còn là không thật. Nàng chưa từng chung dung với trai gái cùng lứa tuổi và nàng kinh ngạc trước lối sống kỳ dị của bọn khách lạ.

Trái tim nàng khua động quá mãnh liệt khiến nàng không còn thi đứng yên nơi đó lâu hơn. Nàng muốn chạy nhanh bằng tất cả sức minh để nhảy sô vào phía giữa bọn trai gái này và cùng cười đùa với họ. Nhưng đột nhiên nàng cảm thấy sức nặng của thùng trái dâu chĩu trên cánh tay, nên nàng soay minh lại và chạy hết sức nhanh trở về nhà nơi mà mụ già đang nóng lòng chờ đợi.

Mụ già giằng lấy thùng dâu trên tay cô gái và ngồi ăn ngă nghiến. Katherine về phòng và đóng cửa lại. Nàng đứng bên giường ru lên vì xúc-động khi hồi tưởng lại những gì nàng đã trông thấy và nghe thấy dưới giòng suối nơi đồng cỏ. Nàng chạy từ cửa sổ này tới cửa sổ kia, dương mắt sáng nhìn qua màn sương ẩm ướt. Nếu như trở đứng có hơi sương, nàng biết chắc đã có thể trông thấy bọn trai gái trong đồng cỏ. Nhưng nàng chẳng thể nhìn xa hơn những khung cù sô. Sương mù đã che kín vạn vật bên ngoài.

Trong lúc mụ già ngồi nhá trái dâu trong bếp Katherine rón ré lên ra phia trước nhà lắng nghe tiếng nói của bọn trai gái. Nàng muốn được chạy đến giữa bọn họ và reo minh nằm xuống nền cỏ ngay bên cạnh họ. Nàng mong muốn được cất tiếng cười ròn rã, được bơi lội trong giòng nước và té nước lên khắp mọi người.

Chạy tới giòng suối, nàng chót thấy là bọn trai gái không còn nơi đó nữa. Họ đã thu lượm quần áo và quay trở ra xe hơi để m

và giờ đây có thể là họ đã rời đi xa hàng nhiều dặm đường. Giờ đây nàng chẳng còn làm gì được nữa cả? Nàng không muốn ở lại giòng suối một mình. Nàng mong muốn được ở đó với người lạ mặt, với bọn trai gái vui cười và té nước đùa rỡn. Đơn côi, nàng đứng khóc bên giòng suối.

Sương mù ẩm ướt làm nàng thấm lạnh và bắt đầu rún lên, những giọt nước mắt ấm áp rơi xuống cánh tay và bàn tay trở thành lạnh và cứng.

Chậm chạp, nàng quay mình lại và đi ngược lên sườn đồi trở về nhà. Nàng nhắc đi nhắc lại những tiếng mà nàng tưởng là đã nghe thấy trong khi nàng sung-sướng chạy xuống giòng suối mấy phút trước đó.

Mụ già không buồn để ý tới nàng. Mụ già còn ngồi trong bếp nhần nha ăn nốt thùng đậu mà Katherine đã hái về hồi sớm.

Katherine về buồng ngồi khóc trên mép giường. Nàng nằm ngả người ra và lấy một cái gối đè lên mặt để cho mụ già khỏi nghe thấy tiếng khóc.

Mãi tối chiều tối nàng mới trở dậy. Nàng đi lại quanh phòng, dừng bước trước khuôn cửa sổ và dương mắt cố nhìn thấu qua lán sương mờ sám là phủ trên mặt đất. Không có ai dòm ngó tới nàng, mà nàng cũng không trông thấy bọn trai gái nào cả. Đó không phải là cảnh đã diễn ra hồi sáng nay trên đồng cỏ khi bầu sương sám còn tràn ngập những tiếng cười đùa và giòng suối còn tung toé những bọt nước. Thật không phải là cùng cảnh đó. Và nàng chẳng thể cất tiếng cười to.

Sau bữa cơm tối, khi mụ già đã đi ngủ, Katherine lên ra khỏi nhà và chạy băng qua bóng đêm đen tối và ẩm ướt về phía cách đồng cỏ. Khi chạy tới giòng suối, nàng không nhìn thấy gì cả, ngay cả tới nền cỏ dưới chân. Nàng cảm thấy những đám mây hơi ẩm ướt bám sát lấy bốn phía quanh mình. Sương mù, đen đặc bao trùm lên vạn vật. Phía bên kia đồi nàng tưởng chừng như nghe thấy tiếng xe hơi phóng nhanh trên đường đi về các tỉnh. Nàng thử một lần nữa song không thè nào lớn tiếng cười trong màn sương ẩm ướt.

Nàng chạy ngang qua cánh đồng đậu tới tận con đường mà xe hơi thường đi ngang. Khi tới đó rồi, nàng đứng ở trên đường và chờ đợi. Lúc đó đã quá nửa đêm. Nàng chờ đợi nhưng không có chiếc xe nào suối ngược nữa.

Trong khi đứng ở giữa đường Katherine nghe thấy rõ ràng cái tiếng cười đã kích thích nàng mạnh mẽ hối chiều. Nàng nghe thấy rành mạch tiếng người thiếu nữ. Ai đó vừa gọi «Đó anh bắt được em đấy, Jimmy ơi!» Hầu như liền sau đó có tiếng một người trai trẻ vang lên từ một nơi nào đó trong màn đêm xa vắng. Và rồi, bốn phía

quanh nàng, bọn trai gái cùng la hét, cười đùa, giống hệt như nàng đã nghe thấy bọn họ buổi chiều nay trên đồng cỏ. Từ những âm thanh của những tiếng cười đùa đó nàng biết là bọn họ đang tạt nước nô đùa trong giòng suối và trần truồng nằm dài trên bờ cỏ dọc theo giòng nước. Nhưng họ đã cách xa quá đỗi khiến nàng biết chắc sẽ chẳng còn bao giờ gặp lại bọn họ trong lúc vạn-vật đều mịt mù đen tối và ẩm ướt đẫm hơi sương.

Katherine chờ đợi và lắng tai nghe tiếng một chiếc xe hơi đi suôi hoặc ngược con đường. Nhưng không có chiếc xe nào cả. Nàng đứng ở ngay giữa đường và mong đợi những người đàn ông, và những người đàn bà sẽ trông thấy nàng.

* * *

Ánh sáng đầu tiên của tuồi bình-minh phá vỡ màn sương và tìm thấy Katherine nằm ở giữa đường. Một chiếc xe hơi lao nhanh trong bóng đêm một giờ trước đó đã cướp đi nguồn sinh-lực tiềm-tàng trong thể xác nàng. Giờ đây nàng nằm đó, bất-động, thân thể trần truồng, và một nụ cười hé nở trên môi mở đầu cho một tiếng cười lớn đã khiến nàng trở nên người đàn bà xinh đẹp nhất mà các du-khách lái xe đi về các Tỉnh, chưa từng bao giờ được chiêm-ngưỡng.

PHONG-GIAO
dịch

GIAN NHÀ BÚP-BÊ

KỊCH BA MÀN

nguyên tác : **HENRIK IBSEN**

người dịch : **VIỆM-ĐẦU**

L.T.S.— *Kịch-gia Henrik Ibsen, sinh ngày 20 tháng 3 năm 1828 tại Skien, một thị-trấn nhỏ ở Na-Uy.*

Suốt đời phục-vụ cho kịch-nghệ, Ibsen được mệnh-danh là cha đẻ của sân khấu hiện-thực và có ảnh-hưởng lớn-lao không những ở Âu-Châu mà cả ở Mỹ-Châu.

Những vở-kịch luận-đề của Ibsen, mô tả sự tranh-chấp giữa cá-nhân và xã-hội hiện-đại, đã chứng tỏ sân-khấu là một bộ môn có khả-năng đổi-dào phô-diển những thâm trạng xã-hội.

Vở-kịch GIAN NHÀ BÚP BÊ là một trong những kịch-phầm tiêu-biểu cho nghệ-thuật đặc biệt của IBSEN, mở đường cho sân-khấu mới hiện nay, mà hầu hết các tác-giả từ August Strindberg và Gerhart Hauptmann đến Eugene O'Neill và Arthur Miller đều đã chịu ảnh-hưởng.

Bản dịch dưới đây theo bản tiếng Anh của Trường Đại-Học New-York University với nhan-đe A DOLL'S HOUSE. Nguyên-tác bằng tiếng Na-Uy.

NHÂN-VẬT

TRẦN-HOÀNG	Luật-Sư
THU-HÀ	Vợ Hoàng
BÁC-SĨ THẮNG	Bạn Hoàng
TÚY-LINH	Bạn Thu-Hà
NGUYỄN-THẠCH	
BA ĐỨA CON NHỎ của HOÀNG	
VŨ AN	
LIÊN	người làm
MỘT NGƯỜI PHU	

(Kịch xảy ra tại nhà HOÀNG)

MÃN I

Khung Cảnh

Một gian phòng bày biện gọn gàng và hợp thời trang. Cuối phòng, một cánh cửa thông ra phía hữu đưa lối vào; một cửa khác ở phía tả đưa vào văn-phòng của Trần-Hoàng. Giữa 2 cửa là một chiếc bàn dương cầm. Ở khoảng giữa tường bên tả có một cửa lớn và một cửa sổ. Gần cửa sổ: một chiếc bàn tròn, vài chiếc ghế bành và một sô-pha nhỏ. Phía tường bên hữu và ở cuối phòng, còn có thêm một cửa khác. Cùng phía bên hữu: 2 ghế dựa, một ghế chóng chánh; giữa cửa lớn và lò sưởi có một chiếc bàn nhỏ. Sát tường, một tủ-sách nhỏ. Sàn nhà lót thảm, lừa chay trong lò sưởi. Trời đang mùa Đông.

Có tiếng chuông reo ở lối vào; sau đó có tiếng mở cửa. Thu-Hà vào nhà, vừa đi vừa khẽ hát, vẻ mặt tươi tắn. Tay nàng ôm nhiều gói hàng đặt lên chiếc bàn bên phải. Nàng để cửa sổ, và phía ngoài cửa có bóng một NGƯỜI PHU đang mang một cây thông Giáng-Sinh và một túi nhỏ trao cho chị NGƯỜI LÀM ra mở cửa.

THU-HÀ.— Dẫu cây thông đi cẩn-thận cho đến chiều nay, Liên nhà! Đừng cho trẻ con trông thấy, cho đến khi cầm đèn lên cây đấy. (Quay về phía người Phu, móc túi lấy tiền). Bao nhiêu?

NGƯỜI PHU.— Dạ, xin cô 6 đồng.

THU HÀ.— Đây tờ giấy Mrồi. Thôi, khỏi thối lại. (Người Phu cầm ơn rồi quay đi. Thu-Hà đóng cửa. Nàng cười một mình trong khi cởi bỏ áo khoác ngoài. Nàng lấy một gói kẹo súc-cu-là ra khỏi túi, cho 2 chiếc vào miệng, rồi rón rén đi về phía cửa văn-phòng chồng, cẩn-thận nghe ngóng). Có, anh ấy có nhà (vẫn còn hát khe khẽ, Thu-Hà đi về phía bên bên phải).

TRẦN-HOÀNG.— (Từ trong phòng nói vọng ra). Có phải «chim khuyên» của anh đã về đấy không?

THU-HÀ.— (*Đang bận rộn mở các gói hàng*) Dạ, phải à !

TRẦN-HOÀNG.— Cưng đang ở ngoài ấy đấy à ?

THU-HÀ.— Vâng !

TRẦN-HOÀNG.— Em về từ bao giờ ?

THU-HÀ.— Vừa về xong (*Bỏ gói kẹo vào túi và chui miệng*) Ra ngoài này anh Hoàng, xem các thứ em vừa mua về.

TRẦN-HOÀNG.— Ủ tí nữa ! (*Lát sau, Hoàng mở nhìn ra, tay hẫy còn cầm bút*) Thế nào, em mua tất cả những thứ này đấy à ? ĐIÊN THẬT !

THU-HÀ.— Vâng, nhưng anh à, năm nay chúng mình có thể rộng rãi một chút. Đây là lỄ GIÁNG-SINH đầu tiên mà chúng mình khỏi cần dành dụm...

HOÀNG.— Nhưng em cũng cần hiểu, chúng mình không thể hoang quá !

THU-HÀ.— Anh sắp được lương cao và có vô-khổi là tiền.

HOÀNG.— Ủ, nhưng mãi sang năm kia ; cũng còn phải mấy tháng nữa.

THU-HÀ.— Thi từ nay đến đấy chúng mình có thể vay được mà.

HOÀNG.— Hà, (*Hoàng tiến về phía vợ, vedo tai nàng*). Em vẫn vô tư vô lỵ như thế. Vì thử, anh đi vay 5 ngàn ngày hôm nay, em đem sắm vung hết vào dịp lỄ GIÁNG-SINH thế rồi đến cuối tháng, anh bị xe cán chết thì sao ?

THU-HÀ.— (*Lấy tay bít miệng Hoàng*). Phỉ phui ! Ai lại nói dại thế ?

HOÀNG.— Nhưng, ví-dụ xảy ra như thế thì sao chứ ?

THU-HÀ.— Nếu xảy ra, thi em nghĩ em không cần biết em có tiền hay không.

HOÀNG.— Được lắm, nhưng còn những người cho mình vay tiền thì sao ?

THU-HÀ.— Những người ấy à ? Ai cần đề ý đến ? Em sẽ không cần biết họ là ai ?

HOÀNG.— Đàn-bà thế đấy ! Nhưng Hà này, anh nói thật đấy, chúng mình sẽ không phải vay mượn gì hết.

THU-HÀ.— (*Tiễn về phía lò sưởi*) Nếu anh muốn, anh Hoàng.

HOÀNG.— (*Đi theo Hà*) Cưng của anh không được buôn đấy. Thế nào ? Em giận anh đấy à (*Móc tay vào túi*) Hà, em biết gì đây không ?

THU-HÀ.— (*Quay vội lại*). Tiền !

HOÀNG.— Đây em cát đi (*Đưa tiền cho vợ*) Em tưởng anh không
biết là chúng mình phải tiêu nhiều thứ vào lễ Giáng-Sinh hay sao ?

THU-HÀ.— (*Đếm tiền*) 5, 10, 12, ngàn. Cám ơn anh. Chỗ này
em còn có thể tiêu được lâu.

HOÀNG.— Tất nhiên phải thế chứ !

THU-HÀ.— Vàng, nhưng anh lại đây em chỉ cho xem mấy thứ
em mua về. Tất cả đều rẻ ghê lắm ! Đây bộ-quần áo mới cho thằng
Lâm. Một con ngựa, một cái kèn, một cái kiếm cho thằng Huy. Còn đây
con búp bê cho bé Lan. Mấy cái này chắc lắm nhưng rồi chúng nó
cũng phá tan ngay. Còn mấy cái này cho vú em, và con Liêm.

HOÀNG.— Còn cái này là cái gì đây ?

THU-HÀ.— (*Kêu*) Ấy không ! Anh không được dở ra ! Tối nay
mới biết được.

HOÀNG.— Được ! Thế bây giờ em nói cho anh nghe, em thích
cái gì cho em nào ?

THU-HÀ.— Em ấy à ? Em chẳng thích cái gì cả.

HOÀNG.— Có, em phải thích cái gì chứ. Em thử nói cho em nghe
một thứ gì... vừa phải, mà em thích đặc biệt.

THU-HÀ.— Không, em không thể nghĩ ra cái gì em thích cả, trừ
phi anh...

HOÀNG.— Sao ?

THU-HÀ.— (*Cúi xuống vén về áo, và không nhìn Hoàng*). Anh
Hoàng à ! Nếu anh định cho em cái gì thì... anh có thể... có thể...

HOÀNG.— Thì em thử nói anh coi nào !

THU-HÀ.— (*nói mau*) Anh cho em tiền. Anh cho em bao nhiêu
cũng được, rồi hôm nào em khắc mua lấy.

HOÀNG.— Nhưng, em...

THU-HÀ.— Không anh Hoàng, Anh cho em tiền cơ ! Rồi em gói
vào một gói thật đẹp treo lên cây Giáng-sinh ! Hay đấy chứ anh nhỉ !

HOÀNG.— Thế không trách được, người ta vẫn bảo vung tiền
qua cửa sổ là phải !

THU-HÀ.— Vung tiền ! Em biết lắm. Nhưng chiều em đi. Anh
Hoàng, rồi thư thả em mới nghĩ được xem em thích cái gì nhất chứ.
Thế có phải hơn không ?

HOÀNG.— (*mỉm cười*) Phải ! nghĩa là nếu thực sự em muốn để
dành tiền anh cho em rồi mua thứ gì em thích, cho riêng em. Chứ

không phải em đi sắm lung tung mấy thứ không cần thiết ở trong nhà, để anh lại phải bù tiền, thì cũng quá tội !

THU-HÀ.— Ô, anh Hoàng !

HOÀNG.— Thôi, em đừng cãi nữa. (*vòng tay qua người Thu-Hà*). Em tiêu xài thì biết bao nhiêu cho đủ. Ai ngờ « nàng Tiên » bé bỏng của anh mà lại tốn đến thế.

THU-HÀ.— Anh nói thế mà không biết xấu hổ à ? Em để dành tất cả những gì em có thề.

HOÀNG.— (*cười lớn*) Đúng lắm — tất cả những gì em có thề. Nhưng em có để dành được gì đâu ?

THU-HÀ.— (*mỉm cười lặng lẽ*). Anh không nghĩ rằng anh với em tốn kém như thế nào à, anh Hoàng ?

HOÀNG.— Em giống Ba em như tạc. Em luôn luôn có cớ để anh phải xùy tiền cho em, mà tiền vào túi em thì cứ như nước chảy kẽ tay. Mà cũng chẳng bao giờ em biết tiền đi đâu cả. Có đúng là em giống tính Ba không ?

THU-HÀ.— Em ngờ là em thừa hưởng được nhiều đức tính của Ba đấy chứ.

HOÀNG.— Anh không mong gì hơn là em thế nào thì cứ như thế ấy, cưng ạ. Nhưng em biết không, hôm nay anh thấy em có vẻ làm sao ấy.

THU-HÀ.— Thật à ?

HOÀNG.— Em làm sao ấy ? Quay lại đây anh coi nào ?

THU-HÀ.— (*Nhin Hoàng*) Thế nào ?

HOÀNG.— (*Gió ngón tay trỏ vào vợ*) Có phải là cô đã « phá rào » trong khi đi phố ngày hôm nay không ?

THU-HÀ.— Không, tại sao anh nghĩ thế ?

HOÀNG.— Cô có vào hiệu thợ may không ?

THU-HÀ.— Không, em đâu có vào !

HOÀNG.— Không ăn kẹo ?

THU-HÀ.— Không, nhất định không !

HOÀNG.— Thế cũng không nếm một miếng súc-cù-là nào à !

THU-HÀ.— Không, chắc chắn không mà !

HOÀNG.— Anh trêu đùa em một tí đấy thôi !

THU-HÀ.— (*Đi về phía bàn bên phải*) Em không nghĩ là em làm ngược lại điều anh muốn.

HOÀNG.— Không, anh chắc thế, em cũng đã hứa với anh rồi (*Đi về phía Hà*). Em hãy giữ bí-mật về quà Giáng-Sinh của em nhé. Đêm tối nay khi châm đèn lên cây Giáng-Sinh hắng hay.

THU-HÀ.— Anh có nhớ mời Bác-sĩ Thăng không?

HOÀNG.— Không. Nhưng không cần. Đắng nào anh ấy cũng đến ăn cơm với bọn mình. Đêm sáng nay khi gặp anh ấy, anh sẽ nhắc lại. Anh có gửi mua rượu vang tốt đấy. Mình đủ thấy là anh nhớ đến buổi chiều nay như thế nào!

THU-HÀ.— Em cũng thế! Và các con chắc là sẽ thích lắm.

HOÀNG.— Nếu có nhiều tiền thích thật.

THU-HÀ.— Thế thì còn gì thú bằng nữa. Đêm em sẽ nói cho anh biết, em định chúng mình sẽ làm gì sau lễ Giáng-Sinh. (*có tiếng chuông reo ở cửa*) Có ai bấm chuông. Thật là phiền.

HOÀNG.— Nếu có khách, nhớ bảo anh đi vắng nhé.

CHỊ NGƯỜI LÀM.— (*Đứng ở cửa*) Có một Bà nào hỏi Mợ.

THU-HÀ.— Mời Bà ấy vào!

CHỊ NGƯỜI LÀM.— (*Nói với HOÀNG*). Thura Cậu, có cả Bác-sĩ cũng vừa đến.

HOÀNG.— Ông ấy có vào thẳng văn-phòng không?

CHỊ NGƯỜI LÀM.— Dạ, có ạ!

(*Hoàng đi vào văn-phòng. Chị Người Làm mời Túy-Linh vào nhà rồi đóng cửa*).

TÚY LINH.— (*giọng nhỏ nhẹ*) Chào chị Thu-Hà!

THU-HÀ.— (*nghi ngại*) Không dám, chào bà.

TÚY-LINH.— Chắc chị không nhận ra em.

THU-HÀ.— Không, tôi không nhớ — À, hình như... (*chợt nhớ ra*) Thôi phải rồi? Túy-Linh — Trời ơi, chị Túy-linh đấy à?

TÚY-LINH.— Phải, Túy-Linh đây!

THU-HÀ.— Thế mà em không nhận ra chị khéo quá. (*giọng dịu dàng*) Trông chị có vẻ khác trước chiều.

TUY-LINH.— Vâng, em thay đổi nhiều — cắn, mười năm rồi còn gì!

THU-HÀ.— Đã lâu lắm chúng mình không gặp nhau. Tám năm qua, nhờ giờ, em cũng được sung sướng chị ạ, không ngờ, bây giờ lại được gặp chị ở đây. Mà sao giữa mùa đông lạnh này chị lại đi xa thế.

TÚY-LINH.— Em vừa xuống xe lửa sáng nay.

THU-HÀ— Ăn lẽ Giáng-Sinh ở đây hả. Vui lâm chị ạ ! Chúng mình sẽ cùng ăn lẽ Giáng-Sinh với nhau. Mời chị hẵng bỏ áo ngoài, đến bên lò sưởi này. Chị không lạnh chứ. Ấy chị ngồi cái ghế bành này. Đè em ngồi chiếc ghế chòng chành (*nǎm tay Túy-Linh*). Bây giờ thì trông chị vẫn như trước. Chỉ thoát đầu, em thấy chị hơi xanh một chút, có lẽ hơi nhỏ người đi một tí.

TÚY-LINH— Và già đi nhiều, Hà ạ !

THU-HÀ— Có lẽ hơi già, hơi một tí thôi. Chắc chắn là không nhiều (*chợt ngừng lại và nói nghiêm chỉnh*). Em thật vô tâm quá, toàn nói lảng nhảng, chị Túy-linh tha lỗi cho nhé ?

TÚY-LINH— Hà định nói gì thế ?

THU-HÀ— (*dịu dàng*) Chị ở góá rồi, chị Túy-linh !

TÚY-LINH— Phải. Ba năm rồi.

THU-HÀ— Có, em có biết. Em định bụng viết thư cho chị, thế rồi cứ lần lữa mãi.

TÚY-LINH— Minh hiểu Hà mà.

THU-HÀ— Em thật tệ quá. Thế anh mất đi có đè lại gì không ?

TÚY-LINH.— Không !

THU-HÀ,— Anh chị cũng không có cháu nào ?

TÚY-LINH.— Không.

THU-HÀ.— Hoàn toàn không có gì cả ?

TÚY-LINH.— Không đến cả nỗi u buồn đè mà áp ủ.

THU-HÀ.— (*Nhin Túy-Linh một cách ngây thơ*) Thế hở chị Linh ?

TÚY-LINH.— (*Mỉm cười buồn rầu*) Đôi khi thế đấy, Hà ạ.

THU-HÀ.— Chị trơ trọi có một mình. Thế thì buồn chết được. Em có ba cháu khâu khỉnh lắm. Chúng nó chạy đi chơi cả rồi, không ở đâu nào ở đây. Nhưng chị kể cho em nghe hết đi.

TÚY-LINH.— Không. Em muốn nghe về chị.

THU-HÀ.— Không, chị phải kể trước đã. Hôm nay em phải bức nghe chuyện của chị. À nhưng em muốn báo chị biết điều này. Chị có biết năm nay chúng em gặp vận may ghê lắm không ?

TÚY-LINH.— Không, thế nào ?

THU-HÀ.— Nhà em vừa được cử làm Giám Đốc Ngân-Hàng ?

TÚY-LINH.— Anh Hoàng ấy à ! Em có lời mừng chị.

THU-HÀ.— Vâng, thật là may. Làm Luật-sư thì bắp bênh lầu
Nhà em vẫn không thích, mà em cũng đồng ý như vậy. Sang năm, an
ý mới nhận việc ở nhà Băng, sẽ được khá lương và nhiều phụ cấp.
Chúng em sẽ có một cuộc sống khác hẳn. Em thấy, thật dễ chịu và
sung sướng, chị à. Sống sung túc, có nhiều tiền, không phải lo toan
cả, thật là thú-vi, có phải thế không chị ?

TÚY-LINH.— Có được những thứ mà mình cần thì hẳn là thú
vị rồi.

THU-HÀ.— Không, không phải chỉ những thứ mình cần, mà đầy
những tiền, vô số là tiền.

TÚY-LINH.— (*Mỉm cười*). Hà ơi, Hà có nhớ hối tai mình còn đ
học, Hà nỗi tiếng tiêu xài dữ lắm không ?

THU-HÀ.— (*Cười lớn*). Vâng, đúng như anh Hoàng vừa nói
ban nãy. (*Gio ngón chỉ về Túy-Linh*). Nhưng mà « Hà... Hà... » không
đến nỗi như chị tưởng đâu. Chúng em chưa đến lúc được tiêu xài. Cả
hai vợ chồng đều phải làm việc.

TÚY-LINH.— Cả Hà cũng phải làm việc nữa à ?

THU-HÀ.— Vâng, ngày đực ngày cái, thêu thùa, đan lát, những
việc đại-khai như thế. (*Hạ giọng*). Và còn nhiều việc khác nữa. Nhà
em bỏ việc khi cưới em. Làm việc công-sở không ăn thua gì, anh ấy
cần kiếm nhiều tiền hơn trước. Nhưng trong năm đầu tiên, anh ấy làm
nhiều quá. Anh ấy cần kiếm tiền bất cứ cách nào. Nhưng rồi lao lực
quá anh ấy ốm nặng. Bác-sĩ bảo phải đi đồi gió.

TÚY-LINH.— Hình như, anh chị ở hẳn một năm bên Ý-Đại-Lợi.

THU-HÀ.— Vâng đúng vậy. Nhưng đi như thế đâu phải chuyện
dễ. Bấy giờ, em sinh thẳng cháu Lâm, nhưng cũng đành phải đi. Được
cái ở bên Ý thật dễ chịu và nhà em khỏi bệnh. Tốn tiền lắm chị à !

TÚY-LINH.— Cái ấy đã hẳn.

THU-HÀ.— Tốn hàng trăm ngàn ấy...

TÚY-LINH.— Trong hoàn cảnh cần kíp như vậy, thật may mà
có tiền.

THU-HÀ.— Em phải nói là tiền ấy của Ba em !

TÚY-LINH.— À, ra thế. Ông Cụ cũng mất vào dịp ấy, thì phải !

THU-HÀ.— Vâng. Lúc ấy em đang sắp ở cũ và nhà em ốm nặng
quá, thành thử em không về thăm Ba em được, và chẳng còn bao giờ
được thấy mặt ông Cụ nữa. Thật từ ngày về nhà chồng, chưa bao giờ
buồn thảm như thế.

TÚY-LINH.— Thế rồi anh chị đi Ý-Đại-Lợi ?

THU-HÀ.— Vâng, chúng em có tiền, và bác-sĩ cứ nhất định bảo phải đi. Một tháng sau thì lên đường.

TÚY-LINH.— Lúc về anh ấy hoàn toàn bình phục?

THU-HÀ.— Nhà em khỏe và mập hẳn ra.

TÚY-LINH.— Nhưng . . . Thế còn Bác-sĩ đâu?

THU-HÀ.— Bác-sĩ nào?

TÚY-LINH.— Vừa rồi con nhỏ nói cái ông đến đây cùng một lúc với em là Bác-sĩ.

THU-HÀ.— Đấy là Bác-sĩ Thăng, nhưng ông ta không đến thăm binh. Bác-sĩ Thăng là bạn thân của nhà em, vẫn đến chơi hàng ngày. Từ dạo ấy đến giờ, nhà em không hề đau yếu, các cháu cũng khoẻ lắm. Em cũng thế (*nhảy lên vỗ tay reo*). Chị Túy-Linh ơi! Thật sung sướng được hưởng cuộc sống đầy hạnh-phúc trên đời này! Ô nhưng xấu quá, toàn nói chuyện về em thôi. (*Ngồi gần Túy-Linh*). Chắc chị bức mình lắm nhỉ. Có thật chị không yêu anh ấy không? Tại sao chị lại lấy anh ấy?

TÚY-LINH.— Hồi ấy Bà Cụ còn sống nhưng nắm liết giường, mà em thi cần giúp cho 2 đứa em nhỏ, nên không từ-chối lời cầu hôn của anh ấy.

THU-HÀ.— Có lẽ chị có lý. Anh ấy giàu lắm hả.

TÚY-LINH.— Nhà em có tiền, nhưng việc kinh-doanh không có căn-bản, đến khi nhà em mất thì chẳng còn gì.

THU-HÀ.— Thế chị xoay xở ra làm sao?

TÚY-LINH.— Thị cũng đành chạy vạy, gặp đâu hay đó. Lúc đầu em mở một cửa tiệm nhỏ, sau dạy mấy lớp tiểu-học, rồi cứ thế lẩn hẩn. Mấy năm vừa rồi thật đầu tắt mặt tối. Böyle giờ thì đỡ rồi, Bà Cụ được mồ yên mả đẹp, mấy đứa em nhỏ cũng đã kiếm được việc làm,

THU-HÀ.— Hoàn-cảnh chị bây giờ thế là dễ-chịu rồi.

TÚY-LINH.— Trái lại. Em cảm thấy cuộc đời trống rỗng không thể tả được. Em hy-vọng ở đây dễ kiếm được việc làm khiến em bận rộn. Nếu có công việc gì đều đặn, như làm ở công-sở hay h้าง nào đó thì hay quá.

THU-HÀ.— Nhưng làm thế thi mệt chết. Trông chị có vẻ yếu lắm. Chị đi đâu nghỉ ngơi dưỡng sức một thời gian có hơn không?

TÚY-LINH.— (*Đi ra phía cửa sổ*) Em không còn Ba em để cho em tiền đi du-lịch.

THU-HÀ.— Ô em xin lỗi. Chị đừng giận em.

TÚY-LINH.— (*Đi về phía Thu-Hà*). Không ! Chính em xin lỗi chị thì mới phải. Ở hoài cảnh như em bây giờ, nên dễ trở thành chua chát. Không còn phải lo toan gì nữa, nhưng cuộc sống vẫn bất ổn. Ai cũng phải lo kiếm ăn, thành ra ích-kỷ. Khi chị nói chị gặp vận may, chị đâu có hay...

THU-HÀ.— Chị định nói... Thôi, em hiểu ý chị muốn Hoàng thu xếp cho chị một việc gì chẳng ?

TÚY-LINH.— Chính thế.

THU-HÀ.— Nhà em thế nào cũng giúp chị, chị Linh à. Đè em bảo nhà em. Em rất sung sướng được giúp chị phần nào.

TÚY-LINH.— Cám ơn lòng tốt của Hà. Nhất là Hà lại ít biết về nỗi vất vả khó khăn ở đời.

THÀ-HÀ.— Em ấy à ? Chị bảo em không biết vất vả là gì à ?

TÚY-LINH.— (*mỉm cười*) Đó là những chuyện vặt vãnh trong xó nhà ! Hà hãy còn trẻ con lắm.

THU-HÀ.— (*ngẩng cao đầu đi về phía góc nhà*) Chị không nên có giọng kẻ cả như thế.

TÚY-LINH.— Không à ?

THU-HÀ.— Chị cũng lại như những người khác. Ai cũng bảo là em không làm nỗi việc gì cho ra hồn, là em không được cái tích sự gì cả ở trên cõi đời này những sự lo toan này.

TÚY-LINH.— Thế Hà chẳng vừa kẽ những nỗi lo lắng của Hà là gì ?

THU-HÀ.— Ồ. Đây chỉ là một chuyện vặt (*Hạ giọng*) Chị chưa biết còn chuyện quan trọng hơn nhiều.

TÚY-LINH.— Chuyện gì thế ?

THU-HÀ.— Tất cả mọi người coi thường em, cả chị nữa. Nhưng chị không nên thế. Chị kiêu hãnh, có phải thế không ? Chị kiêu hãnh vì đã làm việc quá nhiều để giúp người khác.

TÚY-LINH.— Quả thế nhưng mình không coi thường ai cả.

THU-HÀ.— Em nghĩ là em cũng có quyền kiêu hãnh như chị.

TÚY-LINH.— Thi Hà có quyền như vậy chứ sao ? Nhưng Hà định nói gì mới được chứ ?

THU-HÀ.— Khẽ chứ, không có nhà em nghe thấy. Không một ai được biết chuyện này, không một ai ngoài chị.

TÚY-LINH.— Nhưng cái gì mới được chứ ?

THU-HÀ.— Chị lại đây (*Thu-Hà kéo Túy-Linh cùng ngồi xuống*

xổ pha) Em sẽ nói cho chị biết tại sao em kiêu hãnh và sung sướng.
Chính em đã cứu sống Hoàng.

TÚY-LINH— « Cứu sống »?

THU-HÀ.— Thật đấy! Em vừa kể chuyện đi Ý-Đại-Lợi. Nếu không đi thì nhà em chẳng còn sống đến ngày nay.

TÚY-LINH— Nhưng ông cụ giúp tiền kia mà!

THU-HÀ— Phải, nhà em và những người khác vẫn nghĩ như vậy, nhưng...

TÚY-LINH— Nhưng...

THU-HÀ— Ba em chẳng cho một xu nào cả. Chính em kiếm lấy.

TÚY-LINH— Tất cả chỗ tiền ấy hay sao?

THU-HÀ— Phải tất cả chỗ ấy. Hai trăm năm chục ngàn! Chị nghĩ thế nào?

TÚY-LINH— Nhưng làm sao Hà lại kiếm được món tiền nhu thế? Trúng số à?

THU-HÀ.— Trúng số thì còn nói làm gì?

TÚY-LINH— Thế thi ở đâu ra tài thế?

THU-HÀ— (*hát se sẽ trong miệng và mềm mại ra vẻ bí mật*) Hừ...
Hừ... A ha!

TÚY-LINH— Vì Hà đâu có thể đi vay được?

THU-HÀ— Sao lại không?

TÚY-LINH— Không, một người vợ không thể đi vay nếu không được chồng đồng ý.

THU-HÀ— (*hát hảm*) Nhưng nếu một người vợ khéo xoay xở một tí, và khôn ngoan một tí thì...

TÚY-LINH— Minh không hiểu Hà nói gì cả.

THU-HÀ— Chị khỏi cần hiểu. Em có nói là em đi vay đâu. Em có thể có cách khác (*Nghỉ minh vào thành ghế*) Chẳng hạn có mấy anh chàng mê em... Khi một người xinh đẹp như em thi...

TÚY-LINH— Hà thật là điên rồ.

THU-HÀ— A, thế bây giờ chị lại tò mò muốn biết chị Túy-Linh!

TÚY-LINH— Minh bảo thật, Thu-Hà, có phải Hà đã dại dột không?

THU-HÀ— Dại dột là thế nào? Cứu sống chồng mình mà là dại dột à?

TÚY-LINH.— Minh cho là Hà đã kém thận trọng nếu anh Hoàng không biết là...

THU-HÀ— Không được, không thể để nhà em biết được. Chị không biết thế hay sao? Em không thể để nhà em biết về tình trạng sức khoẻ rất đáng ngại của anh ấy. Chính bác sĩ đã gấp riêng em và

nói cho em biết bệnh của nhà em nguy lâm chỉ có cách đi về miề^{sa} Nam mới mong cứu được. Lúc đầu em phải nói khéo, tựa hồ như chính em muốn đi du-lịch, y như những cặp vợ chồng trẻ khác; em phải vay nài nhà em chiều em mà cho em đi. Em hơi đã động đến việc đi và tiền thì nhà em không bằng lòng bảo là em không biết suy tính gì cả. Nhưng em nghĩ bụng, em cần phải lo cho nhà em, không thể để th^đ được... Sau em dành dấu nhà em mà tính riêng vậy.

TÚY-LINH.— Thế không bao giờ anh ấy hỏi ông cụ để biết là không phải tiền của ông Cụ à ?

THU-HÀ.— Không, vì Ba em mất vào dịp ấy. Em đã có ý khuyên cho nhà em biết nên yêu cầu nhà em đừng bao giờ đã động đến chuy^đ ấy nữa — Vả lại anh ấy cũng đang yếu, em không muốn anh ấy bận tâm

TÚY-LINH.— Thế từ bấy đến giờ, cũng không cho anh ấy biết gì cả

THU-HÀ.— Không chứ ! Ai lại nói làm gì ? Chị không biết tin nhà em khai lâm. Nhà em không bao giờ chịu nhờ cậy ai bao giờ, n^đ ra chỉ thêm rắc rối.

TÚY-LINH.— Chị định không bao giờ nói cho anh biết hay sao

THU-HÀ.— (có vẻ suy nghĩ và cười n^đra miệng) Vâng — có lẽ rồi em cũng phải nói. Sau nhiều năm nữa, khi nào em già đi, xấu đi. Em muốn nói khi nào Hoàng không còn chăm sóc đến em như bây giờ nữa. Khi em vui đùa, hay sắm sửa không làm anh ấy chú ý nữa... Tì minh phải có cái khác chứ... Ô, vô lý quá nhỉ... Em chắc chẳng bao giờ như thế cả. Chị nghĩ thế nào về sự bí mật của em, chị Linh ? Chị có nghĩ là em vô tích sự nữa hay không ? Việc này cũng làm em lo lắn không ít. Minh phải giả l^đi, mà có phải mỗi lúc mình giả đúng hạn đ^đau. Phải giật gáu vá vai, mà tiền đi chợ cũng phải chi nhiều, đâu c^đh bớt xén được... Tiền nhà em đưa may sắm cho các cháu thì em phi tiêu hết cho chúng nó.

TÚY-LINH.— Thế là bao nhiêu vốn liếng riêng của chị phải để ra cả ?

THU-HÀ.— Vâng đúng thế. Lúc nào nhà em cho em tiền sắm sửa quần áo, em lại cất riêng đi. Bao giờ em cũng chỉ ăn mặc xoắt xỉnh. Được cái, em mặc áo nào trông cũng gọn mắt, nên nhà em khỏi đ^đe ý. Đôi khi em thấy cũng phải cố gắng lâm chị ạ — ăn diện chả khác hơn à ?

TÚY-LINH.— Thì vẫn !

THU-HÀ.— Thành thử, em phải nghĩ cách kiếm tiền. Hồi n^đngoái, em nhận mỗi hàng áo trẻ con v^đe cắt. Đêm nào em cũng ph^đ thức thật khuya, nhưng em thấy thích lâm.

TÚY-LINH.— Làm như thế, chị giả được đến đâu r^đồi ?

THU-HÀ.— Em cũng chẳng biết nữa. Dành dum được nghìn nǎo em giả luôn nghìn ấy. Nhiều lúc em ngồi nghĩ lần thẩn già có lão già giàu có nào nó cảm minh...

TÚY-LINH.— Cái gì ! Ai thế ?

THU-HÀ.— Khè chử ! — Có lão nhà giàu nào đó cảm minh, đến lúc chết nó viết chúc thư để của lại cho mình : « Bà Trần-Hoàng khả ái được hưởng trọn những động sản của tôi, trả ngay bằng hiện-kim. »

TÚY-LINH.— Nhưng lão già nào thế hở Hà ?

THU-HÀ.— Chẳng có ma nào hết ! Ấy là em vẫn ngồi đây mà tưởng-tượng ra thế đấy chứ, mỗi khi em không còn cách gì kiếm ra tiền. Nhưng bây giờ thì em khỏi lo rồi... (*Nhảy lên vỗ tay*) Chà, thích quá chị Túy-Linh ! Khoái lo ! Em không còn phải lo lắng gì hết nữa. Hoàn toàn không phải lo gì cả. Bây giờ em có thể tha hồ vui đùa với các cháu, em có thể sắm sửa theo ý thích của anh Hoàng. Hết mùa Đông, sang Xuân, trời xanh đẹp, biết đâu nhà em lại chẳng đưa em đi tắm biển. Cứ nghĩ mà thú quá, chị ạ. (có tiếng chuông reo).

TÚY-LINH.— (Đứng dậy) Có ai bấm chuông ; có lẽ em nên về !

THU-HÀ.— Không, chị ở chơi đã ; không ai vào đây đâu. Chắc là khách của nhà em.

NGƯỜI HẦU GÀI.— Thưa Bà, có ai hỏi ông, ông vẫn còn đang có khách.

THU-HÀ.— Ai thế ?

NGUYỄN-THẠCH.— (Đứng ở cửa) Thưa bà, tôi đây ạ ? (Túy-Linh, hơi bối rối quay về phía cửa sổ).

THU-HÀ.— (Tiến về phía Nguyễn-Thạch hỏi sảng giọng, nói khẽ). Cái gì thế ? ông muốn gặp nhà tôi có việc gì ?

NGUYỄN-THẠCH.— Chuyện nhà Băng. Tôi có công việc ở nhà Băng. Và tôi nghe ông nhà sẽ là thượng cấp của tôi.

THU-HÀ.— À, ra thế !

NGUYỄN-THẠCH.— Hoàn-toàn chuyện làm ăn, thưa Bà ; ngoài ra không có gì khác cả.

THU-HÀ.— Nếu vậy, mời ông vào văn-phòng. (Thu-Hà khẽ cúi đầu, lanh-dạm, rồi đóng cửa quay về phía lò sưởi).

TÚY-LINH.— Ai thế hở chị ?

THU-HÀ.— Một Luật-sư tên là Nguyễn-Thạch.

TÚY-LINH.— À ra hắn ta đấy à ?

THU-HÀ.— Chị biết hắn à ?

TÚY-LINH.— Trước đây kia — Lâu lắm rồi. Có lần hắn mở văn phòng ở tỉnh em.

THU-HÀ.— Phải.

TÚY-LINH.— Trông hắn ta khác trước nhiều.

THU-HÀ.— Hắn buồn về chuyện vợ con nhiều lắm.

TÚY-LINH.— Hắn góa vợ rồi thì phải ?

THU-HÀ.— Ủ... với một đàn 7 đứa con. A lửa cháy rồi. (*Đóng cửa lò sưởi, quay ra phía ghế chàng chành*).

TÚY-LINH.— Thấy nói hắn ta chạy nhiều việc lắm mà.

THU-HÀ.— Thế à ? Có thề lắm. Em cũng chẳng biết nữa. Nhưng thôi chúng mình đừng nói đến công việc nữa, mệt lắm.

THẮNG.— (*Ra khỏi phòng Hoàng. Trước khi khép cửa còn quay lại nói với Hoàng*). Thôi, thôi, tôi không muốn phiền anh. Tôi muốn nói chuyện với chị một lát (*khép cửa quay lại, nhìn thấy Túy-Linh*) Xin lỗi, tôi có làm phiền các bà không ?

THU-HÀ.— Không đâu ạ, mời anh ngồi chơi (*giới thiệu*) Bác-sĩ Thắng, chị Túy-Linh.

THẮNG.— Tôi vẫn được nghe nhắc đến Bà ở đây. Dường như bà nãy tôi đi qua Bà ở dưới cầu thang ?

TÚY-LINH.— Vàng, tôi đi chậm lắm. Tôi không quen lên cầu thang.

THẮNG.— Chắc trong người Bà không khỏe.

TÚY-LINH.— Không đâu ạ, tôi làm việc nhiều thành hơi nhọc

THẮNG.— Bà ở tỉnh lên chơi.

TÚY-LINH.— Tôi lên để kiểm việc.

THẮNG.— Đấy là cách để bà khỏi mệt nhọc ?

TÚY-LINH.— Ai thì cũng phải sống chứ, thưa Bác-sĩ ?

THẮNG.— Vàng, mọi người vẫn thường nói thế.

THU-HÀ.— Còn anh, anh cũng phải sinh sống chứ ?

THẮNG.— Cái đó đã hắn. Dù thế nào thì tôi cũng muốn kéo dài những ngày cuối cùng càng lâu càng hay. Tất cả những bệnh nhân của tôi đều thế cả. Cả những người ốm yếu tinh-thần nữa ; một trong những ấy đang ngồi nói chuyện với anh Hoàng ở trong kia.

TÚY-LINH.— (*Buồn rầu*). À ! ...

THU-HÀ.— Anh định nói ai ?

THẮNG.— Một Luật-sư tên là Nguyễn-Thạch, chắc chỉ không biết đâu. Hắn bị bệnh tinh-thần và nói rằng cuộc sống của hắn tối ư hệ trọng.

THU-HÀ.— Thế à ? Hắn muốn nói gì với nhà tôi ?

THẮNG.— Tôi không rõ ; tôi chỉ nghe Joáng thoáng thấy nói chuyện Nhà Băng.

THU-HÀ.— Tôi không biết đấy. Hắn ta đâu có dính dáng gì với nhà Băng.

THẮNG.— Có, hắn có việc làm ở đó.

THU-HÀ.— (*Suy nghĩ một lát rồi cười lớn*).

TÚY-LINH.— Chị thích chí cái gì mà cười dữ thế.

THU-HÀ.— (*Mỉm cười và hát khẽ*). À chuyện riêng của tôi. (*Đi lại trong phòng*) Anh Thắng này, có phải tất cả những người làm ở nhà Băng đều ở dưới quyền nhà tôi phải không anh ? Hừ... (*Lấy gói kẹo ở trong túi ra*). Anh Thắng, mời anh sơi chiếc kẹo.

THẮNG.— Súc cù-là à ? Tôi tưởng ở nhà này không bao giờ được ăn kẹo kia mà.

THU-HÀ.— Vâng, nhưng chị Túy-Linh vừa mới đem cho ?

TÚY-LINH.— Ấy, đâu có !

THU-HÀ.— Chị khỏi lo ! Chị không biết là nhà em cầm em ăn kẹo, sợ bị hỏng răng. Nhưng mà thỉnh thoảng ăn một chiếc cũng không sao, phải không Bác-sĩ — Mời anh, chị xơi một chiếc, chị Linh. Em cũng phải ăn một chiếc, có lẽ em ăn hai chiếc. (*Đi lại trong phòng*). Em sung sướng quá chừng. Trên đời này không còn gì làm em sung sướng hơn nữa.

THẮNG.— Cái gì thế ?

THU-HÀ.— Có một chuyện tôi muốn nói ghê lắm, nếu anh Hoàng chịu nghe tôi.

THẮNG.— Sao chị lại không nói ?

THU-HÀ.— Không, tôi không dám ; kỳ cục quá ?

TÚY-LINH.— Kỳ cục à ?

THẮNG.— Nếu thế, thì tôi không khuyên chị nói với anh ấy. Nhưng với chúng tôi, chị có thể nói được.

THU-HÀ.— Tôi muốn nói ra làm — Nhưng tôi, tôi chịu thôi !

THẮNG.— Chị Hà lạ quá ?

TÚY-LINH.— Chị Hà !

THẮNG.— Thị chị cứ nói đi ! anh ấy ra kia kia.

THU-HÀ.— (Giấu gói kẹo). Suyt ! Suyt !

(Hoàng từ trong phòng đi ra khoác áo ở tay và cầm mũ.)

THU-HÀ.— Thế nào, anh Hoàng, còn ông khách quý của anh không ?

HOÀNG.— Hắn ta đi rồi !

THU-HÀ.— Đã em giới thiệu với anh, chị Linh vừa lên chơi.

HOÀNG.— Tôi xin lỗi ! Hình như...

THU-HÀ.— Chị Túy-Linh ấy mà ! Em vẫn nói chuyện !

HOÀNG.— À vâng ! Chị là bạn học cũ của nhà tôi.

TÚY-LINH.— Vâng, trước chúng tôi cùng học một lớp.

THU-HÀ.— Chị ấy đi hàng bao nhiêu cây số lên đây để gặp anh đấy.

HOÀNG.— Em nói sao ?

TÚY-LINH.— Không, thực ra, tôi...

THU-HÀ.— Chị Túy-Linh thạo về kế toán lắm và chị ấy muốn kiểm cho làm tốt để trau dồi thêm.

HOÀNG.— Thế ạ, chị...

THU-HÀ.— Và khi biết tin anh làm Giám đốc Ngân-Hàng, chị vội vàng lên đây. Em chắc anh sẵn sàng giúp chị ấy, chứ anh.

HOÀNG.— Cái đó chắc cũng có thể ! Chị có kinh nghiệm về sách kế toán.

THU-HÀ.— Vâng, tôi đã từng làm công việc ấy !

HOÀNG.— Vâng, thế để tôi liệu thu xếp xem, may ra có chỗ làm cho chị.

THU-HÀ.— (vỗ tay reo) Đấy em bảo chị mà !

HOÀNG.— Chị đến may vừa gặp lúc đấy chị Linh ạ ! Ở Ngân-Hàng đang cần một người quen việc.

TÚY-LINH.— Xin đa tạ anh.

HOÀNG.— Có gì đâu chị (khoác áo) Nhưng hôm nay thi tôi phải xin kiếu, đi có chút việc.

THẮNG.— Anh Hoàng chờ tôi đi một thề.

THU-HÀ.— Anh đi chừng nào về ?

HOÀNG.— Một lát thôi. Đỡ một tiếng đồng hồ !

THU-HÀ.— Chị cũng đi hay sao chị Linh ?

TÚY-LINH (*khoác áo*). Vâng, em phải đi kiểm một căn phòng.

THU-HÀ.— Mời chị cùng đi với chúng tôi.

THU-HÀ.— (*giúp Túy-Linh khoác áo*) Chúng em muốn mời chị ở lại đây, chỉ sợ các cháu nó nghịch ngợm quá.

TÚY-LINH.— Thôi không dám phiền Hà, cảm ơn Hà nhiều.

THU-HÀ.— Chiều mời chị lại nhá. Cả anh Thắng nữa, chiều mời anh lại xơi cơm. Không ! Thế nào cũng lại đấy ! (*có tiếng trẻ con ở phía cửa*).

THU-HÀ.— Bọn trẻ đã về rồi ! (*Nàng chạy ra cửa. Vú An đi vào cùng ba đứa trẻ*) Bé Lan ra đây với mẹ nào. Chị xem cháu có khẩu không, chị Linh.

HOÀNG.— Chúng ta đi thôi, chị Linh. Đề cho mấy má con nó ở nhà với nhau.

(*Hoàng, Thắng và Túy-Linh cùng xuống cầu thang. Vú em vào nhà với mấy đứa trẻ. Thu-Hà đóng cửa ngoài*).

THU-HÀ.— Ô, sao mặt mũi đỏ gay hết cả thế này (*Mấy đứa trẻ cùng nói chuyện tiêu tí trong khi Hà nói chuyện với chúng*). Thế nào, đi chơi có thích không ? Thế nào con Lan đây anh Lâm với anh Huy té lăn cù hả ? Cả hai đứa một lúc à ? Chúng mày to đầu mà đoảng lắm. Vú đưa bé Lan cho tôi một lát nào ! (*Bé bé Lan khỏi tay vú An và nhảy vòng quanh nhà*) Được, được, đề mẹ sẽ nhảy với Huy. Cái gì ! Lấy tuyết ném nhau hả. Thảo nào mà tay chân cong cả lại, đi vào cả trong này mẹ cởi áo cho. (Vú An vào phòng bên trái. Thu-Hà cởi mũ áo cho con trong khi chúng vẫn bi bô nói chuyện).

THU-HÀ.— Thế hả ! Con chó béc-giè nó đuổi con hả ? Chó béc-giè đâu có cần trẻ con. A thằng Lâm không được mấy gói me đê trên bàn đấy nhé. Không, không được nào — Đừng có hư. Ra đây chơi bịt mắt bắt đê — Thằng Huy đi núp trước đi ! Mẹ núp hả ? Được ! Mẹ đi núp trước.

(*Thu-Hà và bọn trẻ con cởi áo vang nhà. Một lát sau có tiếng gõ cửa, nhưng không ai để ý. Cảnh cửa bé mở và Nguyễn-Thạch xuất hiện. Mấy mẹ con vẫn vui đùa*).

NGUYỄN-THẠCH.— Xin lỗi Bà !...

THU-HÀ.— (*Đang quỳ gối dưới nền nhà, với quay người đứng lên*) A ! Ông hỏi gì thế ?

NGUYỄN-THẠCH.— Xin lỗi, cửa ngoài gió thổi tung. Hình như có ai quên đóng.

THU-HÀ.— Nhà tôi đi vắng rồi.

NGUYỄN-THẠCH.— Vâng, tôi biết thế.

THU-HÀ.— Thế ông còn vào đây làm gì?

NGUYỄN-THẠCH.— Tôi có câu chuyện muốn nói với bà.

THU-HÀ.— Với tôi? (nói với bạn trẻ giọng dịu dàng) Các con và nhà chơi nhé. Làm sao? Không, ông ấy không bắt mẹ đâu. Bao giờ khách về mẹ lại chơi với các con (Nàng đưa các con vào buồng bên trái và đóng cửa cẩn thận) Ông muốn nói chuyện với tôi?

NGUYỄN-THẠCH.— Vâng, thưa Bà.

THU-HÀ.— Hôm nay à? Hôm nay đâu đã phải đầu tháng?

NGUYỄN-THẠCH.— Vậy hôm nay không phải đầu tháng mà là trước lễ Giáng-Sinh — Bà muốn ăn lễ Giáng-Sinh vui vẻ hay không cái đó là tùy ở Bà.

THU-HÀ.— Ô hay, ông muốn gì mới được chứ? Hôm nay, tôi nhất định không thể nào...

NGUYỄN-THẠCH.— Chuyện đó để sau hẵng hay. Bây giờ tôi có chuyện khác nói với bà. Bà có thể cho tôi mấy phút được không?

THU-HÀ.— Được... ông cứ nói.

NGUYỄN-THẠCH.— Tốt lắm. Tôi ngồi ở quán bên kia đường và thấy ông nhà vừa đi xa.

THU-HÀ.— Đúng.

NGUYỄN-THẠCH.— Cùng với một bà nữa.

THU-HÀ.— Thế thì sao?

NGUYỄN-THẠCH.— Liệu tôi có thể hỏi bà, đấy có phải là bà Túy-Linh hay không?

THU-HÀ.— Đúng.

NGUYỄN-THẠCH.— Vừa mới ở dưới tỉnh lèn.

THU-HÀ.— Phải, vừa hôm nay.

NGUYỄN-THẠCH.— Bà ấy là bạn thân của bà.

THU-HÀ.— Phải, nhưng chúng tôi ít gặp nhau...

NGUYỄN-THẠCH.— Tôi cũng có biết bà ấy cách đây đã lâu.

THU-HÀ.— Có, tôi có biết.

NGUYỄN-THẠCH.— Thế hả? nếu vậy bà biết rõ mọi chuyện. Tôi cũng đoán thế. Bây giờ tôi hỏi bà có phải bà Linh sẽ có việc làm ở nhà Băng không?

THU-HÀ.— Ông có quyền gì mà hỏi tôi như thế. Ông chẳng qua chỉ là một nhân viên dưới quyền nhà tôi. Nhưng ông đã hỏi, thì tôi nói cho ông biết. Bà Linh sẽ vào làm ở nhà Băng. Và chính tôi đã xin cho bà ấy.

NGUYỄN-THẠCH.— Tôi đoán không sai mà!

THU-HÀ.— (*Đừng dậy đi về phía cuối phòng*) Đôi khi một người đàn bà cũng có thể lực chứ, ông nên hiểu rằng ở địa vị một nhân viên cấp dưới thì nên tránh đừng chọc vào những người...

NGUYỄN-THẠCH.— Có thể lực?

THU-HÀ.— Đúng thế.

NGUYỄN-THẠCH.— (*dỗi giọng*) Bà Hoàng, xin bà vui lòng dùng thế lực của bà để giúp tôi!

THU-HÀ.— Cái gì? Ông nói cái gì?

NGUYỄN-THẠCH.— Xin bà làm ơn giúp đỡ tôi được giữ địa vị một nhân viên cấp dưới ở nhà Băng.

THU-HÀ.— Tôi không hiểu ông định nói gì? Ai sa thải ông ra khỏi nhà Băng.

NGUYỄN-THẠCH.— Bà khỏi cần làm ra vẻ không biết gì đến chuyện ấy. Tôi thừa hiểu rằng bà bạn của bà không đến nỗi nào lại phải tìm cách hất cẳng tôi như vậy, và tôi cũng thừa hiểu là ai đã...

THU-HÀ.— Tôi cam đoan với ông là..

NGUYỄN-THẠCH.— Thôi, thôi tôi hiểu. Nhưng đã đến lúc tôi khuyên bà nên dùng thế lực của bà để ngăn cản việc ấy.

THU-HÀ.— Nhưng, tôi không có một chút thế lực nào cả.

NGUYỄN-THẠCH.— Thật thế ư, thưa bà? Tôi nghĩ rằng bà vừa nói khỏi miệng xong.

THU-HÀ.— Dĩ nhiên tôi không nghĩ là ông lại vin vào đấy. Tôi ấy à? Tại sao ông lại cho rằng tôi có ảnh hưởng với nhà tôi trong những việc như thế?

NGUYỄN-THẠCH.— Ô, tôi được biết ông nhà từ ngày còn đi học. Ông nhà cũng chẳng hơn gì những ông chồng khác đâu.

THU-HÀ.— Nếu ông còn nói xấu nhà tôi, tôi sẽ mời ông ra khỏi cửa ngay lập tức.

NGUYỄN-THẠCH.— Xin bà đừng nóng tính quá thế!

THU-HÀ.— Tôi không còn sợ ông đâu. Từ nay đến ra giêng là tôi thanh toán hết mọi việc.

NGUYỄN-THẠCH.— (*Trầm tĩnh*) — Bà Hoàng! Nếu cần, tôi sẽ bảo vệ đến cùng chỗ làm của tôi ở nhà Băng cũng như tôi bảo vệ chính tính mạng tôi vậy.

THU-HÀ.— À ra thế đấy!

NGUYỄN-THẠCH.— Không phải chỉ vì số lương của tôi ở đây đâu! Thực ra, thì điều ấy đối với tôi không nghĩa lý gì. Còn một lý do khác... kề ra.. ừ, tôi nói đề bà biết cũng không sao. Tình trạng của tôi bây giờ là thế này: cách đây mấy năm, có lần tôi bị lôi thôi...

THU-HÀ.— Hình như tôi có nghe thấy ai nói rồi.

NGUYỄN-THẠCH.— Tôi không bị đưa ra tòa, nhưng sau đó tôi không thể làm ăn gì được. Tôi đành phải chạy áp-phe như bà đã biết. Tôi cần phải làm một cái gì; thực-thà mà nói, tôi không đến nỗi là một người tội tệ. Nhưng bây giờ thì tôi không muốn lồi thôi nữa. Các con tôi đã lớn, vì tương-lai của chúng nó tôi không muốn bị mang tai mang tiếng. Việc làm ở nhà Băng là bước đầu giúp tôi làm lại cuộc đời. Thế mà bây giờ ông nhà lại sắp sửa đầy tôi xuống đất đen.

THU-HÀ.— Nhưng ông hiểu cho rằng, tôi không thể làm gì để giúp ông được.

NGUYỄN-THẠCH.— Đó là tại bà không muốn giúp tôi. Nhưng tôi đã có cách.

THU-HÀ.— Ông định nói cho nhà tôi biết là tôi vay tiền của ông hay sao?

NGUYỄN-THẠCH,— Hừ... Thí-dụ như thế?

THU-HÀ.— Nếu vậy ông thật là một người kinh tởm (*nước nở*). Nhà tôi mà biết được tất cả những điều bí-mật đã từng làm cho tôi kiêu hãnh và vui sướng, mà lại do chính mồm ông nói ra một cách xấu xa bỉ ổi như thế.. Nhà tôi mà biết được thì khó chịu quá.

NGUYỄN-THẠCH.— Chỉ khó chịu không thôi à?

THU-HÀ.— Ủ đấy! Nói đi — ông mà nói ra thi đừng có hèn gì nữa. Nhà tôi sẽ thấy ông là hạng người như thế nào, và chắc chắn ông cũng không giữ được việc làm của ông đâu.

NGUYỄN-THẠCH.— Tôi hỏi bà có phải bà chỉ sợ cảnh khó chịu trong gia-đình thôi hay sao?

THU-HÀ.— Thi cùng lắm, nhà tôi sẽ trả hết chỗ tiền tôi thiếu ông, và chúng tôi sẽ chẳng còn dính dấp gì với ông.

NGUYỄN-THẠCH.— (*Tiếp thêm một bước tới gần Thu-Hà*) Bà Hoàng, bà hãy nghe tôi. Nếu không phải bà kém trí nhớ thì quả bà không biết điều tí nào. Tôi buộc lòng phải nhắc lại với bà một vài chi tiết.

THU-HÀ.— Ông định giờ trò gì thì cứ bảo.

NGUYỄN-THẠCH.— Khi ông nhà ốm nặng, bà đến hỏi vay tôi hai trăm năm chục ngàn.

THU-HÀ.— Lúc bấy giờ tôi không biết hỏi vay ai nữa.

NGUYỄN-THẠCH.— Tôi có hứa đưa cho bà số tiền ấy với một vài điều kiện. Bà còn đang rối lên vì bệnh tinh của ông nhà và quá cần tiền nên không để ý gì đến những điều-diện giữa tôi với bà. Thành thử, nếu tôi có nhắc lại những điều-kiện ấy thì cũng không phải qua đáng. Tôi có hứa đưa tiền cho bà nếu bà chịu ký giấy nợ do tôi lập ra.

THU-HÀ.— Có, tôi đã ký.

NGUYỄN-THẠCH.— Đồng ý như vậy. Nhưng dưới chữ ký của bà còn có mấy giòng chữ của ông Cụ bảo đảm cho món nợ. Ông Cụ phải ký nhận vào đây.

THU-HÀ.— Thị Ba tôi ký chứ sao ?

NGUYỄN-THẠCH.— Chỗ ngày, tháng tôi bỏ trống ; thế nghĩa là ông Cụ phải điền ngày tháng vào đây khi đặt bút ký. Bà có nhớ như thế không ?

THU-HÀ.— Có, tôi nhớ.

NGUYỄN-THẠCH.— Thế rồi tôi đưa tờ giấy để bà gửi cho Ông Cụ. Có phải không ?

THU-HÀ.— Phải.

NGUYỄN-THẠCH.— Tất nhiên là bà gửi đi ngay, vì chỉ 5 hay 6 ngày sau, bà đã đưa trả tôi tờ giấy có chữ ký của ông Cụ. Sau đó tôi giao tiền cho bà.

THU-HÀ.— Đúng thế. Thế thì có gì lôi thôi.

NGUYỄN-THẠCH.— Có chứ, sao không. Lúc bấy giờ chắc bà đang trải qua một sự thử thách ghê gớm.

THU-HÀ.— Dĩ nhiên.

NĐUYỄN-THẠCH.— Lúc ấy ông Cụ đang ốm nặng lắm thì phải

THU-HÀ.— Ba tôi đang hấp hối.

NGUYỄN-THẠCH.— Và ông Cụ mất chóng lắm.

THU-HÀ.— Phải.

NGUYỄN-THẠCH.— Thế bà có nhớ ông Cụ mất vào ngày nào không ? Tôi muốn nói đúng ngày nào trong tháng ấy.

THU-HÀ.— Ba tôi mất vào ngày 29 tháng 9.

NGUYỄN-THẠCH.— Đúng như thế. Tôi cũng đã đi hỏi và biết là Ông Cụ mất đúng vào ngày ấy. Và chính vì vậy mà có chỗ đáng ngờ (*móc tờ giấy trong túi ra*).

THU-HÀ.— Ngờ ở chỗ nào ? Tôi không biết.

NGUYỄN-THẠCH.— Ngờ ở chỗ ông Cụ ký vào giấy nợ này 3 ngày sau khi Ông Cụ mất.

THU-HÀ.— Ông định nói gì tôi không hiểu.

NGUYỄN-THẠCH.— Ông Cụ mất ngày 29 tháng 9. Nhưng bà thử nhìn xem. Ông Cụ điền vào đây ngày mồng 2 tháng 10. Bà có thấy như thế là lạ không ? (*Thu-Hà im lặng*). Bà có thể cắt nghĩa. (*Thu-Hà vẫn im lặng*). Còn điều này nữa này, mấy chữ «mồng 2 tháng 10», không phải là nét chữ của Ông Cụ mà là nét chữ tôi quen quen. Như thế cũng đủ rõ lắm rồi. Ông Cụ rất có thể quên không đề ngày và người nào đã đe bừa vào đấy trước khi biết tin Ông Cụ mất. Nhưng như thế cũng không sao. Điều cần là ở chữ ký ; chữ ký này đúng là của Ông Cụ, có phải thế không bà Hoàng ? Có phải chính tay Ông Cụ đã ký vào đây không ?

THU-HÀ.— (*Im lặng một lát, rồi ngưng đầu, vẻ thách thức*). Không, không phải. Chính tôi đã mạo chữ ký Ông Cụ !

NGUYỄN-THẠCH.— Bà có biết như thế là thú nhận một cách nguy hiểm không ?

THU-HÀ.— Nguy cái gì mới được chứ ? Ông sẽ nhận đủ số tiền tôi thiếu ông !

NGUYỄN-THẠCH.— Bà cho tôi hỏi một câu : Tại sao bà không gửi giấy nợ cho Ông Cụ ?

THU-HÀ.— Không thể làm như thế được. Ba tôi đang đau nặng. Nếu tôi yêu cầu Ông Cụ ký, tôi phải nói rõ tôi dùng tiền ấy để làm gì. Mà chính Ông Cụ đang ốm nặng, tôi không thể nói tánh mạng nhà tôi đang làm nguy, không thể thế được.

NGUYỄN-THẠCH.— Bà có biết như thế là đã lường gạt tôi không ?

THU-HÀ.— Tôi bất cần nghĩ tới điều đó. Lúc bấy giờ tôi bất chấp mọi sự đối với ông. Tôi không thể chịu được sự vô lương tâm của ông. Ông đã làm khó khăn khi thừa biết nhà tôi đang ở tình trạng nguy hiểm như thế nào.

NGUYỄN-THẠCH.— Bà không hiểu rõ là bà đã phạm vào tội gì à. Cái việc tôi làm, khiến tôi mất hết cả thanh danh cũng không đến nỗi như việc làm của bà.

THU-HÀ.— Ông ấy à ? Ông mà còn dám mở mồm hỏi tôi câu ấy à ? Liệu ông có đủ can-dám khi cần cứu sống vợ ông không ?

NGUYỄN-THẠCH:— Tình là tình, lý là lý. Luật pháp đâu cần biết chõ đó.

THU-HÀ.— Thế thì đó là một thứ luật pháp mù quáng.

NGUYỄN-THẠCH.— Mù quáng hay không mù quáng vẫn là luật pháp mà bà sẽ bị xét xử nếu tôi đưa vụ này ra Tòa.

THU-HÀ.— Tôi không tin như vậy. Liệu một người con có quyền tránh cho người cha hấp hối mọi nỗi âu lo phiền muộn hay không ? Liệu một người vợ có quyền cứu sống chồng mình hay không ? Tôi không biết nhiều về Luật, nhưng tất phải có những đạo luật cho phép những việc làm như thế chứ ! Ông là Luật-sư mà không biết tí gì về những luật pháp như thế à ? Ông chỉ là một Luật-sư hạng bét, ông Thạch ạ !

NGUYỄN-THẠCH.— Có lẽ. Nhưng liệu trong những vụ như vụ này chẳng hạn bà có cho là tôi dốt đặc không biết một tí gì không ? Được ! Bà cứ làm theo ý bà. Nhưng cho phép tôi nói điều này : nếu tôi bị mất việc một lần thứ hai, thì bà cũng sẽ không xong với tôi. (*Nguyễn-Thạch ngả đầu chào rồi đi thẳng ra cửa*).

THU-HÀ.— (*Có vẻ suy nghĩ một lát*). Vô lý ! Vô lý thực. Nó lại đám dọa mình như thế à ! Minh đâu có phải xoàng như nó tưởng. (*Thu dọn bàn ghế*) Nhưng mà.. không, không thể được !

MÁY ĐÚA TRẺ.— (*Đứng ở cửa buồng ở bên trái*) Má ơi ! Cái ông gì ấy đi rồi hở má !

THU-HÀ.— Ủ, ông ấy đi rồi ! Không được nói với ai về ông khách ban nãy nghe không ! Cả Ba nữa, không được nói cho Ba biết !

MÁY ĐÚA TRẺ.— Không đâu Má ạ ! Nhưng má đến chơi với tụi con nữa đi !

THU-HÀ.— Không, không ! Bây giờ không được !

MÁY ĐÚA TRẺ.— Nhưng Má hẹn tụi con rồi mà !

THU-HÀ.— Ủ, nhưng bây giờ không được ! Chạy đi chơi đi. Má còn phải làm nhiều việc lắm. Đi chơi đi ! (*Nàng dắt bọn trẻ vào buồng, khóa cửa lại, rồi ra ngồi ở ghế Sofa, cầm cuộn len lên dan, nhưng lại ngừng lại ngay*) Hừ ! không được ! (*Nàng vứt cuộn len xuống ghế, đứng dậy đi ra phía cửa gọi lớn*) Liên ơi ! Đem cây thông lên đây tao (*Đi ra chiếc bàn phía trái, mở ngăn bàn rồi ngừng lại*) Ô không thể được ! không thể nào được !

ĐÚA HẦU GÁI.— (*Đi vào mang cây thông*). Đề ở đâu hở mợ ?

THU-HÀ.— Đây, đề ở giữa này cho tao.

ĐÚA HẦU GÁI.— Có phải lấy gì nữa không ạ ?

THU-HÀ.— Thôi được rồi !

(*ĐÚA HẦU GÁI đi ra*).

THU-HÀ.— (*bắt đầu trang hoàng cây Giáng-Sinh*) Một cây nến ở đây! Mấy cái hoa ở chỗ này... Ô thằng cha thật đáng ghét, thật vô lý hết sức — Thôi sắp thế được rồi. Cây thông này thật là đẹp. Em sẽ làm mọi thứ để vừa lòng anh, anh Hoàng à! Em sẽ hát cho anh nghe, múa cho anh coi (*Hoàng đi vào, cầm mấy thứ giấy tờ ở tay*) Ô! Anh đã về đấy à?

HOÀNG.— Ủ. Có ai vừa ở đây không?

THU-HÀ.— Ở đây? Không, có ai đâu!

HOÀNG.— Lạ nhỉ? Anh vừa thấy thằng Thạch nó đi xuống đường.

THU-HÀ.— À có, em quên mất. Hắn vừa ghé vào đây một lát.

HOÀNG.— Hà! Anh nhìn cùi chỉ của em anh cũng biết là nó đến van nài em nói với anh.

THU-HÀ.— Vâng, có thể.

HOÀNG.— Và em có vẻ đã tự ý nhận lời, em lại còn dấu không cho anh biết nó đến đây. Nó cũng yêu cầu em như thế à?

THU-HÀ.— Vâng, nhưng anh này...

HOÀNG.— Em có thể làm những việc như thế à? Nói chuyện với hạng người như nó, hứa hẹn với nó như vậy? và lại còn nói dối anh nữa?

THU-HÀ.— Em nói dối anh à?

HOÀNG.— Thế em chả vừa nói không có ai ở đây là gì? (*Trở tay vào vợ*) Bạn sau em không được thế nữa nghe không? (*Vòng tay qua lưng vợ*) Duyên dáng như em không được nói sai một lời nào bao giờ! có đúng thế không? (*Buông vợ ra*) chúng ta sẽ không bao giờ nói chuyện này nữa (*Đến ngồi bên lò sưởi*) Chà ấm quá! (*giở giấy tờ ra đọc*).

THU-HÀ.— (*im lặng một lát bên cây Giáng-sinh*) — Anh Hoàng à?

HOÀNG.— Gi thể em?

THU-HÀ.— (*Đến đứng sau lưng ghế Hoàng*) — Anh bạn không anh Hoàng?

HOÀNG.— Sao?

THU-HÀ.— Những giấy này là giấy gì thế?

HOÀNG.— Giấy tờ ở nhà Băng đây mà?

THU-HÀ.— Anh đã làm việc ở nhà Băng rồi à?

HOÀNG.— Không! Đây là Ông Giám-Đốc cũ băng lòng để anh sắp đặt lại một vài công việc cần thiết. Anh định xem xét trong mấy ngày nghỉ này để qua năm, mọi việc ổn-định đâu vào đấy khôi lộn xộn.

THU-HÀ.— Thảo nào mà lão Thạch...

HOÀNG.— Hừm !

THU-HÀ.— (*Tựa tung vào thành ghề, vuốt tóc Hoàng*) — Nếu anh không bận, thì thế nào em cũng anh chiều em . . .

HOÀNG.— Thì bao giờ anh chả chiều em !

THU-HÀ.— Anh chọn màu áo khéo lắm. Em muốn anh đi chọn áo cho em, xem em mặc màu nào hợp.

HOÀNG.— À, Hà ! Thế ra bây em lại cần đến anh trong việc ấy !

THU-HÀ.— Có chứ. Em không biết phải mặc kiểu áo nào, nếu anh không quyết định hộ em.

HOÀNG.— Được ! Đề anh đi lựa cho em.

THU-HÀ.— Anh đáng yêu lắm, anh Hoàng. (*Đi ra phía cây Giáng-Sinh — Ngừng một lát*). Mấy cái hoa đỗ này đẹp đấy chứ, anh nhỉ ? À mà anh này, lão Luật-sư Thạch bị rắc-rối về vụ gì thế . . .

HOÀNG.— Hắn giả mạo chữ ký của người khác. Em thấy thế nào ?

THU-HÀ.— Có thể vì cần quá mà hắn phải làm như vậy.

HOÀNG.— Có thể, hay là vì làm ầu. Thiếu gì người vẫn làm ầu như vậy. Anh không đến nỗi quá khắt khe đối với một người, chỉ vì một chuyện như vậy.

THU-HÀ.— Tất nhiên rồi. Em biết anh đâu có khắt khe anh nhỉ ?

HOÀNG.— Nhiều người vẫn giữ được tư cách của họ sau khi đã nhận lỗi của mình và chịu nhận hình phạt !

THU-HÀ.— Hình phạt ?

HOÀNG.— Nhưng đẳng này, nó lại không thể, Lão Thạch lại giở thủ-đoạn của nó ra để che mắt thiên-hạ.

THU-HÀ.— Nhưng anh có nghĩ là...

HOÀNG.— Là một đứa lưu manh như nó lại còn dối trá, đóng kịch với mọi người. Anh thể tưởng-tượng được là nó lại có thể cứ đeo cái mặt nạ ấy với những người thân thuộc của nó, ngay cả trước mặt vợ, con nó. Nhất là con nó, thể mới tòm chí.

THU-HÀ.— Sao lại thế . . .

HOÀNG.— Bởi vì một bầu không khí dối trá như thế sẽ đầu độc toàn thể cuộc sống gia-đình. Mỗi một hơi thở của trẻ con trong một mái nhà như thế sẽ nhiễm đầy mầm mống tội lỗi xấu xa.

THU-HÀ.— (*Đến gần chồng*). — Anh có chả như thế không ?

HOÀNG.— Em ạ, anh được trông thấy đầy rẫy những cảnh như thế trong cuộc đời làm Luật sư của anh. Em vẫn chả thường thấy

người ta nói : phúc đức tại mẫu mà ! Phần nhiều do ảnh hưởng của người mẹ.

THU-HÀ.— Sao anh lại chỉ nói do ảnh hưởng của người mẹ thôi ?

HOÀNG.— Phần nhiều là thế, tất nhiên người cha cũng có ảnh hưởng chứ. Lão Thạch này nó đầu độc con cái nó bằng những lời dối trá, che đậy ; vì vậy anh mới bảo là nó mất hết tư-cách. (*gio tay về phía Thu-Hà*) chính vì vậy mà anh muốn em phải hứa là đừng có bênh vực cho nó nữa. Đi ra đây với anh. Ra đây anh bảo. Làm sao thế là xong rồi. Anh đã bảo em là anh không thể nào làm việc với một người như thế.

THU-HÀ.— (*Kéo tay ra khỏi tay Hoàng, đi vòng ra phía bên kia cây thông*) — Ở đây nóng quá. Em còn bao nhiêu việc phải làm nữa.

HOÀNG.— (*Xếp gọn mấy thứ giấy tờ*). — Ủ ở đây nóng thực. Anh còn phải đọc hết chỗ này trước khi ăn cơm. Và còn phải nghĩ đến áo của em nữa chớ. (*Đe tay bên trán vợ*) Cưng của anh ngoan nhé ! (*Đi vào trong phòng riêng và đóng cửa lại*).

THU-HÀ.— (*một lát sau—khẽ thở dài*): không được ! không đúng ! không thể nào thế được.

(Vú An mở cửa phía bên trái).

VÚ AN.— Mợ xem, mấy đứa này cứ đòi ra với mợ đây này !

THU-HÀ.— Không, không, không được. Không được để chúng nó đến gần tôi. Vú ở trong ấy với các em, nghe không ?

VÚ AN.— Vâng ạ (*Đóng cửa*).

THU-HÀ.— (*Mặt tái nhợt*). Làm hư hỏng bọn chúng nó ? Đầu độc chúng nó ? (*Một lát. Ngừng đầu*). Hừ, đâu có đúng. Đâu có thể nào như thế được.

(MÃN HẠ NHANH)

(Còn nữa)

cô độc

Tôi sống giữa tình thương
Mà như người cô độc.
Như kẻ khát yêu thương.
Nỗi buồn đang bao tốn
Lòng sầu sâu giêng khơi
Tâm hồn không lối ngõ
Vương-vương ngợp mây trời.
Miệng cười che cay đắng
Còn đau nuốt lệ rơi.
A ha! đâu hạnh-phúc
Trên sân khấu cuộc đời.

ĐOÀN VĂN

ĐEN VÀ TRẮNG

Vụ Sinh-Viên da đen James Meredith xin nhập học một trường Đại-Học da trắng và bị từ chối đã kết thúc. Những người yêu và không yêu nước Mỹ, những người khâm phục và không khâm phục dân tộc Mỹ đã nhận xét và phê phán «vấn đề của Sam» dưới nhiều khía cạnh khác nhau.

James chỉ là một cá nhân trong hàng triệu cá nhân những người có màu da đen ở Hoa-Kỳ và ở Nam-Phi. Vấn đề không phải là James được hay không được gia-nhập trường Đại-Học da trắng vì không thiếu gì những trường Đại-Học dành riêng cho dân da đen. Nhưng vấn đề là lương-trí của nhau loại giữa thế-kỷ 20 có chấp nhận sự phân biệt giá trị giữa con người và con người bởi màu da hay không?

Có người tự hỏi chẳng hiểu tại sao Thượng-Đế lại trô trêu tô điểm cho dân da đen cái màu đen tối ấy! Ông Adam và bà Eva đen hay trắng, hay vàng? Nhưng thật ra không cần phải chất vấn Thượng-Đế mới có thể quan-niệm nỗi sự bình đẳng giữa con người với con người dưới bất cứ màu da nào, chỉ cần chất vấn một lương-tâm trong sạch là đã có được câu giải đáp.

Người dân Mỹ tất cũng đã từng nhiều lần chát-vấn lương-tâm-ninh. Lý luận không cho phép người Mỹ trắng kỳ thị những «đồng-bào đen» nhưng những xúc động tình cảm vẫn ưu thắng trong một thiểu số đầu óc con, cháu, chắt, chút những trại chủ các cánh đồng-bông bát ngát miền Nam. Những xúc động tình cảm ấy vừa là những hụt-tôn mặc cảm, vừa là những thành kiến di-truyền.

Nói đến thành kiến là nói đến bức tường của sự ngoan-cố, vừa cảm, vừa điếc, vừa ngạo mạn và vừa khó lay chuyên trong chốc lát. Thành-kiến được xây lên với thời-gian thì cũng chỉ có thể phá bỏ với thời-gian.

Sự thật, dân tộc Mỹ không được đại-diện bởi một viên Thống-Đốc Tiều-Bang, một viên Đại-Tướng đã hồi hưu... Dân-tộc Mỹ được đại-diện bởi vị Bộ-Trưởng Tư-Pháp trẻ trung và cương quyết — Robert Kennedy — bởi vị Tổng-Tổng quả cảm và khéo ái — John F. Kennedy — bởi hàng trục triệu những tâm hồn thực tế, khao-khát tiến-bộ, công-bình, tình-yêu, tự-do và bác ái...

Vấn đề Meredith không nên đặt quá lớn, nó bất công đối với dân tộc Hoa-Kỳ, dân tộc tràn đầy tinh-thần biên-cương, đã trưởng thành với một tốc độ kỲ-lạ. Nhưng cũng không nên bỏ quên «những Meredith và số phận của hắn» mặc dù dân tộc Mỹ đang phải thử thách trong nhiều giao-động lớn lao hơn — giao-động tại Cuba, tại Bá-Linh, tại khắp nơi trên thế giới...

Và để cho niềm thông cảm được trọn vẹn, chúng tôi xin ghi nhận dưới đây một đoạn trong bức thư của một bạn Sinh-viên (luật khoa) nhờ chúng tôi gửi tới các bạn Sinh-viên Hoa-Kỳ.

Vài ý nghĩ của người Sinh Viên Việt gửi người Sinh Viên Mỹ (đen và trắng).

Vụ Sinh-Viên Meredith đã chấm dứt. Kết quả chúng ta đều rõ, anh đã nhập học — tương đối bình yên — cùng các bạn da trắng.

Mỗi tâm hồn ưa chuộng tự do và bình đẳng đều hoàn hỷ. Kề cả các quốc-gia Cộng-Sản thù nghịch cũng phải ca ngợi thái độ của Tổng-Thống Kennedy, Pháp-Viện và đa số công-dân Hoa-Kỳ — trừ một thiểu số — đã cương quyết hành động cho lẽ phải, cho lương-tâm nhân-loại và cho sự hòa đồng trong ý-thức hệ của con người ở khắp mọi nơi trên thế giới.

Chúng tôi muốn gửi bàn-tay thân-ái đến anh James và các bạn cùng chung lý-tưởng.

Nhưng một thành-kiến được xây dựng qua nhiều thế kỷ không phải dễ dàng xóa bỏ trong phút chốc. Các bạn còn phải tiếp-tục chiến đấu lâu dài với những cõi rẽ sâu vào tâm-não của một thiểu số. Chúng tôi cầu-chúc các bạn thành công.

Mọi màu da, mọi biên thùy, mọi ngôn ngữ... không làm phân cách chúng ta. Tất cả chúng ta chỉ bao gồm vào một thực thể duy nhất: con người. Con người với tất cả xúc động, ham muốn, đau khổ, hy vọng, thương yêu...

Chúng tôi muốn nhắc lại ở đây sự phản nộ của văn hào Shakespeare đối với sự bạc đãi dân tộc Do-Thái (và da đen?) :

« Một người Do-Thái không có mắt hay sao ? »

Người Do-Thái không có tay, các bộ phận, sự cản đối, những giác quan, tinh thần mến và những sự ham muốn? Nếu các anh đâm, chúng tôi không chảy máu hay sao? Nếu các anh làm cho buồn cười, chúng tôi không cất tiếng cười hay sao? Nếu các anh đầu độc, chúng tôi sẽ không chết hay sao? Và nếu các anh xúc phạm đến chúng tôi, chúng tôi sẽ không trả thù hay sao?»

(Hath not a Jew eyes? Hath not a Jew hands, organs, dimensions, senses, affections, passions? If you prick us, do we not bleed? If you tickle us, do we not laugh? If you poison us, do we not die? And if you wrong us, shall we not revenge? — Shakespeare)

Chúng tôi muốn thêm: « Nếu các anh tò tò tình thân mến, chúng tôi lại không thàn mến các anh hay sao? Nếu các anh đưa tay, chúng tôi không nắm lấy tay các anh hay sao? »

Nếu...

Nếu chúng ta chân thành, sự xa cách về không gian không phải là sự xa cách trong tâm hồn, và chúng ta chẳng thể gần nhau trong gang tấc hay sao?

Thân mến

TIẾNG HÁT BÍCH-CHIỀU

Gầm rú, gào thét, phản nộ, điên cuồng — *Bích-Chiêu.*

Nỗi loạn, đam mê, tha thiết, khao khát — *Bích-Chiêu.*

Bích-Chiêu hát, không, Bích-Chiêu nói, không; Bích-Chiêu khắc khoải với những âm thanh vang động của những linh hồn bị ném vào lửa đỏ, rên xiết và thù hận.

Những đêm dài, càng dài vô tận với tiếng hát Bích-Chiêu, và bóng tối vô tận bao vây cuộc đời. Những vì sao than thở, than thở hoài hoài, và Bích-Chiêu nhại lại những than thở âm thầm của những vì sao cô độc ấy.

Bích-Chiêu cất tiếng hát; cả thể xác, tâm hồn, cảm xúc, thú tinh dãy dựa trong tiếng hát của nàng.

Bích-Chiêu hát, bóng tối dày dà lèn ngập ngụa tuổi trẻ, mặt trời không dám mọc khi tiếng hát Bích-Chiêu chưa dứt, và chẳng bao giờ dứt. Vì chính đó là tiếng thét kinh hoàng của tuổi trẻ truy lạc, sa đọa và chọt thức tỉnh, và chọt chóng mặt ngây ngất trước hư vô.

Lũ tuổi trẻ vẫn đi, đi mãi, mù quáng, ngu xuẩn, khich động, hành hương về phía tiếng kêu gào quyến rũ của Bích-Chiêu.

Lũ ma quái thức giấc nhảy múa theo nhịp điệu mụ phù thủy, mụ phù thủy thù ghét mặt trời, ánh sáng, tình yêu, sự sống, hơi thở, cây cỏ, côn trùng.

Bích-Chiêu hát, nàng không hát cho nàng, cho một, hai hay ba người tình có thật hay tưởng tượng, nàng hát cho nỗi niềm chua xót của tuổi trẻ, cho sự dày đọa của những thiên thần đã lỡ đánh mất thiên đường.

Và đêm đêm, tiếng hát của Bích-Chiêu làm vỡ nứt không gian, chuyển mình thành bảo tống, tàn phá những mục nát bén rẽ vào những mảnh hồn đi hoang trong cuộc thế...

Lần đầu tiên, mụ phù thủy rỏ nước mắt, và khóc...

NGUYỄN - NGUYỄN

đẹp xưa

Mây xưa tan tác bên thành đô,
Ngõ trúc đi về lạnh ánh trăng.
Một bóng sao xưa sâu vạn cổ,
Buồn xa xôi mây nèo hàn băng.

Thời xa xưa ây liễu thanh thanh,
Buông tòa thềm son rũ nèp mành,
Chinh phu hé trông vời dặm cát !
Chinh phu hé khuất bóng dâu xanh !

*Trăng xưa một mảnh soi đôi nẻo
Từ buổi chia phôi cách dặm trường
Chinh phu hể tóc buồn tựa liễu
Chinh phu hể râu trắng phong sương.*

*Trời xưa mây biếc xây sương khói
Gầm vóc rùng thu dệt lá vàng
Chinh phu hể quen đường thuộc lối,
Chinh phu hể gửi nhớ thương sang.*

*Thơ đâu vỗ kiếm lên yên ngựa !
Vui mây đèo cao ruồi vó câu !
Đẹp chí chán mây mờ ánh lửa !
Mộng đâu rủa thép giữa rừng sâu !*

ĐIỂM SÁCH

NGUYỄN
TẠO
LÂM

Dieu est né en exil

của VINTILA HORIA

Nhà xuất bản Arthème Faryard

Giải thưởng Văn chương Goncourt
năm 1961

Khung cảnh : đế quốc La-mã thời suy vong, Thiên chúa giáo chinh nở.

Nhân vật : một thi sĩ tài hoa chuyên làm thơ ca tụng ái tình, lạc thú, vì một bài thơ châm biếm nhà vua nên bị mất lòng sủng ái của vua, bị đày ra biên địa, sống ở một thành phố man mọt. Ở đây thi sĩ của chúng ta (Ovide) ngồi viết nhật ký ghi lại tất cả những nhận xét bên ngoài, những biến chuyển của tâm hồn, những thay đổi trong thời đại. Thi sĩ giác ngộ thấy những điều mà người cho là hạnh phúc khoái lạc trước đây chẳng qua chỉ là ảo ảnh, một tượng trưng và báo hiệu cho những hạnh phúc khác chân thật và bền vững hơn. Những tôn thờ của La-mã trước một tôn giáo đơn thần trở nên lỗi thời, lố lăng. Thi sĩ muốn thoát ra khỏi thành phố tù đày, tìm nơi có lối sống phóng khoáng, theo tôn giáo mới, nhưng bị chặn lại dọc đường và phải trở vào thành phố, chứng kiến những ngày cùng của văn minh La-mã.

Khung cảnh vĩ đại được giới hạn trong một thành phố nhỏ vùng biên địa của Đế-quốc La-mã, tức là vùng Đức-quốc ngày nay vậy. Thỉnh thoảng khung cảnh được nói rộng thêm nhờ những kỷ niệm của thi sĩ, những câu chuyện của các nhân vật phụ.

Nhân vật, thi sĩ Ovide được đặt thành một nhân vật tượng trưng và diễn hình, một thứ tiên tri, một thứ La-Sơ hay Nguyễn-bỉnh-Khiêm. Có khác là người Đông phương tinh ngộ trước khi bị dun vào cảnh ngộ éo le, trong lúc người thi sĩ Tây phương phải đợi có hoàn cảnh dun dủi vào cảnh tù dày bắt xa lánh phồn hoa, bấy giờ mới tinh ngộ. Tuy khác nhau về thời gian, nhưng giống nhau về sự trạng, và kết thúc.

Cuộc hành trình cam go của Ovide, để thoát khỏi những câu nệ, những tôn thờ, những ràng buộc của văn minh cũ, lối sống cũ, tìm đến một tư tưởng, hay đúng hơn, một tin tưởng mới rất lâu dài khó nhọc. Quá nửa đời người đuổi theo hạnh phúc, theo cái mà người tưởng là hạnh phúc. Rốt cục mất tất cả : lòng sủng ái của hoàng đế, một thứ thần linh nhập xác người, danh vọng, tiền tài và những thú vui mà tiền tài mang lại. Rời vào cảnh bạc đãi tù dày, sống với những người mà công dân La-mã khinh rẻ, coi là mán mọi. Đến lúc đó Ovide chợt tinh ngộ nhận ra văn minh La-mã không phải là một nền văn minh duy nhất và toàn hảo. Tuy nhiên tổ chức Lã-mã, cái (hóa binh La-mã) vẫn là điều cần thiết. Và đó là tất cả điều hay đẹp của La-mã. Thí sĩ Ovide còn nhận chân được chân lý không là độc quyền của một dân tộc hay một nền văn minh nào. Chân lý ở trong con người, nhưng con người có biết khám phá ra hay không lại là một việc khác. Và bây giờ thi Ovide, người công dân La-mã, thi sĩ La-mã, phát ngôn nhân của văn minh La-mã đã tìm thấy chân lý trong một tôn giáo mới đang bị La mã coi khinh và bắt bớ.

Cuộc hoá thân của Ovide bắt đầu bằng nhận định nhỏ, thật, về đời sống : « Trong thời thanh xuân, viết là một thú vui. Tất cả những gì tôi động đến người, sự vật, thần linh, đều trở nên thơ văn và hạnh phúc. Thế giới hầu như quên mất sự bi đát, bởi vì lúc đó cái chết đối với tôi chỉ là một ý nghĩ đơn sơ, khó thể tin được là một sự thực của từng người. Trong thời trọng niên thì tất cả những gì tôi động đến đều thành bi đát, cả những chuyện không liên hệ gì đến tôi, chuyện của người khác. Cái chết như ra hiệu cho tôi, nó dùng đến những kẽ vây quanh tôi để nhắc nhở tôi nhớ hoài đến nó từng lúc, để cho tất cả những gì quanh tôi đều trở thành một thế giới đặt dưới dấu hiệu của thần chết. Vì do viết trở nên một điều buồn lòng. Mỗi chữ vì đó trở nên một bước dẫn tới, một phút mất đi... » (trang 231)

Ovide, cũng như tất cả những thức giả của nhân loại, bao giờ cũng hướng về một tôn thờ bề bỉ, vô biên. Trước đây Ovide đặt vào La-mã, La-mã được thần thánh hóa đồng thời với tất cả những vua chúa của nó, tôn thờ nó và xem La-mã là sự bền bỉ trường tồn. Thi sĩ cố tìm trong những lời sấm những giải thích, bênh đỡ cho tin tưởng này. Nhưng bây giờ đứng trước cảnh tượng tan rã của đế quốc La mả Ovide không thể nào tin tưởng như vậy được. Bây giờ thi « Auguste đã chết, và những thi sĩ ca tụng ông ta cũng đã chết. Thời hoàng kim không dài lâu được mấy... Lương tâm tôi không thể

yên ổn được. Nhưng nguyên nhân nào đã làm cho tôi phủ nhận trong tập nhật ký này những điều tôi ca tụng ngày xưa...» (Trang 255) Cuộc hành trình của thi sĩ La mã đi tìm một tôn thờ mới gần đến kết thúc: tôn thờ mong đợi có thể nằm trong một tôn giáo mặc khải từ đông phương đem lại, được lồng vào trong tổ chức rộng lớn và toàn diện của La mã. Tôn giáo mới sẽ hợp với hình thức La-mã đi chinh phục thế giới.

Cuốn sách viết theo thể nhật ký, cuốn nhật ký của thi sĩ Ovide để sót trong chiếc rương ở thành phố lưu đày vùng biên địa (Đức quốc ngày nay). Lời văn kéo dài như sự kể lè của một cụ già bên bếp lửa. Những nhận xét về thế giới bên ngoài làm cớ để phân tích nội tâm người viết. Và cả thế giới bên ngoài lồng khung cho những biến chuyển dẫn một thi sĩ tài hoa đến một ẩn sĩ, một hiền triết. Lịch sử chỉ ghi rằng Ovide bị đày vào cuối triều August, mà không nói đến những chuyện gì xảy ra cho Ovide sau đó, cũng không nhắc đến những biến chuyển nội tâm, vậy nên Ovide trong tác phẩm của Vintila Horia là một nhân vật biết quá năm phần mười. Tác giả mượn tạm một danh nhân lịch sử để lồng vào trong đó một hình ảnh, những ý tưởng, và một câu chuyện nảy sanh trong đầu óc tác giả. Điều này không ai ngàn cảm cả. Nhưng tác giả có diễn tả được hình ảnh, ý tưởng, và câu chuyện mình muốn diễn tả hay không? Cuốn sách trở thành một bài văn ngũ ngôn, có tham vọng mô tả sự suy tàn của một nền văn minh, và sự nảy sinh của một nền văn minh mới. Tác giả cuốn tiểu thuyết danh là Ovide mơ một thế giới trung hòa, hợp nhất giữa hai nền văn minh: tinh thần thiên chúa giáo, trong tổ chức La-mã. Giấc mơ đó bày giờ còn là giấc mơ mọi người, vào thời đại này, đang lập lại một vài cảnh lịch sử tương tự thời suy vong của La-Mã. Vintila Horia đã biến hóa Ovide thi sĩ tài hoa thành một sứ giả của thời đại ông sống. Sự gượng ép này đem lại cho câu chuyện gấp nhiều gượng gạo khô khan.

Kết luận: câu chuyện có một dáng đẹp với những cái thực thông thường mà người Pháp gọi là những chân lý của Palisse.

BA SINH HƯƠNG LỬA

Truyện dài của Doãn Quốc Sỹ –
Sáng Tạo xuất bản – Duy-Thanh,
Ngọc-Dũng trình bày minh họa.

Người đọc : Thú-Lang.

Từ lâu người ta vẫn chờ đợi một tác giả, đúng ra một nhà văn, đủ tin cậy ghi chép lại những biến chuyển trong nội tâm và trong thực tại — cuộc kháng chiến của dân tộc.

Một giai đoạn lịch sử tuy chưa quá xa, nhưng còn để lại quá nhiều xúc động và còn quá nhiều cá nhân đang hiện diện nên khó lòng có được những nhận định thực sự khách quan. Phải là người cầm bút đủ trong sạch, đủ chân thành, đủ sáng suốt mới có thể, và mới có quyền, làm sống lại trong tác phẩm cái thẩm họa của những cá nhân bé mọn và của lịch sử một dân tộc.

Doãn-Quốc-Sỹ đã muốn thực hiện cái hoài bão ấy trong Ba Sinh Hương Lửa.

Ba Sinh Hương Lửa, tuy với 366 trang dày chữ, mới chỉ là một phần trong cuốn trường thiêng « Khu Rừng Lau » mà Doãn-Quốc-Sỹ (có lẽ) sắp sửa hoàn thành.

Với sự phân chia làm ba phần rõ rệt, phần đầu dành để kể chuyện Tân và những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, phần hai dành cho Miên và Hiển — nhất là Miên — và sự biến chuyển từ hình thức kháng chiến sang cuộc đấu tranh giai cấp do Đảng Lao Động chủ trương, phần ba đánh dấu sự thức tỉnh trong tư tưởng của

những người kháng chiến vì dân tộc nhưng không bao giờ có thể hợp tác với Cộng Sản để tiêu diệt Con Người và những tình cảm dù đơn giản nhưng thiêng liêng để phụng sự cho một chủ nghĩa phi nhân v không tưởng.

Dụng ý của Doãn-Quốc-Sỹ khá rõ rệt. Anh muốn mô tả v chứng minh rằng một xã hội đặt trên nền tảng trung hậu và lẽ nghĩa trong tình thương yêu và giá trị tinh thần; những con người của xã hội ấy, dù là trí thức, là những nông dân nghèo khổ hay địa chủ giàu có không bao giờ chấp nhận chủ nghĩa Cộng Sản, chấp nhận sự tiêu diệt tinh cảm, tinh thần để phụng sự cho vật chất như một cúu cánh

Doãn-Quốc-Sỹ, một cách gián tiếp, cũng chứng minh rằng công khai của cuộc kháng chiến là của chính những người không chấp nhận Cộng-Sản, chỉ hợp tác, trong giai đoạn, vì nhu cầu và để thực hiện mục tiêu của cuộc kháng chiến.

Mặt khác, cũng một cách gián tiếp, Doãn-Quốc-Sỹ minh chứng rằng, những con người Việt được đào luyện bởi đạo lý, bởi tinh thần nước và sự hòa đồng của thiên nhiên, bởi tinh thần gia đình và bản chất «thiện» của con người, không bao giờ có thể bị Cộng Sản tước đoạt linh hồn dù với những phương pháp cực kỳ khoa học và mảnh lối cực kỳ gian ngoan.

Với chiều hướng ấy và chủ đích ấy, Doãn-Quốc-Sỹ đã xây dựng nên Ba Sinh Hương Lửa.

— *Ba Sinh Hương Lửa, ha ! Chúng minh thật là ba sinh hương lửa. Hiền và Miên ngọt ngào, Kha giải thích thêm :*

— *Này nhé ! hết Pháp thuộc đến Nhật thuộc rồi Việt-minh thuộc, thế chẳng là ba sinh hương lửa sao ?*

Nhưng thử hương lửa này, nếu quả thật, thì là một thử hương lửa cháy bùng, thiêu đốt tâm hồn của biết bao người Việt hiền hòa, làm sôi hục giòng suối trong mát vẫn chảy dịu dàng trên những cánh đồng xanh của dân tộc.

Nhưng điều đáng tiếc — có thể nói là đáng tiếc nhất — là tất cả các nhân vật của Doãn-Quốc-Sỹ đều là những nhân vật thụ động; từ Miên, Hiền đến Tân, Kha, Đồng, Uy... đều không có một sức đề kháng nào đáng kể trước sự uy hiếp tinh thần của Cộng Sản. Tất cả phản ứng ở họ, ở những người Doãn-Quốc-Sỹ khoác lên vai họ một lúc hai trách nhiệm (kháng chiến chống Pháp và đổi lập với Cộng sản) chỉ có một thứ khí giới duy nhất là tin tưởng ở mình, tin tưởng ở người, Niềm tin « sắc mùi tiêu tư sản » như chính cộng sản nhận định.

Chống Cộng, không phải chỉ đơn thuần tin tưởng Cộng-sản không làm gì nổi mình, không phải chỉ tiếc hận « tại sao không phải là khu rừng mía mà lại là khu rừng lau ? ». Trong khi Cộng-Sản đã có thể biến Tài tử anh chàng si tình biết khen Miên là « Nàng tiên đi dưới trăng » thành một thứ cán bộ trung kiên, tuyệt đối trung thành với những giáo điều của Đảng thì những nhân vật mà Doãn-Quốc-Sỹ muốn giao phó trách

nhiệm lịch sử lại đặt hết tin tưởng vào một thứ định mệnh lịch sử, để làm thành một thứ lý thuyết đấu tranh (hay lý thuyết chủ bại?).

« *Hồi đầu kháng chiến tôi có được nghe thuật lại lời của một lãnh tụ quốc gia — quốc gia chân chính, lẽ cổ nhiên — ông nói : « Chúng ta chưa đến thời. Phải để cho cộng-sản thành công đã, nhiên hậu sự thành công chúng ta mới bền ». Hồi đó tôi còn dương hăng, không để ý đến ý nghĩa sâu sắc của lời nói, bây giờ càng nghĩ càng thầm thia. Chúng mình chỉ là những con vật cặn thi, phản ứng thô-thiển. Bậc thức thời chói lợi đิง tít trên đỉnh cao, nhìn suốt dòng lịch sử, thấy trước những khúc quanh phải kinh qua, họ có đọc thật !* »

Kha đặt nhẹ tag lên vai Hiền và nói : « Je suis grand mais solitaire ! ». (tr. 357)

Nếu Doãn-Quốc-Sỹ thật tinh tin tưởng như vậy, người ta có thể quả quyết rằng Doãn-Quốc-Sỹ không thề, và không bao giờ, thành một chiến sĩ chống Cộng bên ngoài lãnh vực văn-hóa của anh. Mà ngay trong lãnh vực văn hóa, anh cũng không thề là một lý thuyết gia phản Cộng. Nhưng tiếc thay Ba Sinh Hương Lửa lại mang nặng ý hướng ấy và tất nhiên là anh khó lòng thành công.

Về hình thức, ngòi bút của Doãn-Quốc-Sỹ vẫn là ngòi bút nhẹ nhàng và truyền cảm. Nhưng chính vì quá nhẹ nhàng và mộc mạc, anh không đủ kích thích người đọc trong thể truyện đấu tranh (mặc dù chưa chắc anh đã thích được gán cho danh từ quá mạnh này).

Điều đáng nói khác là Doãn-Quốc-Sỹ quá mê thơ và có một lối kể chuyện thật thà quá đáng. Các bà già kể chuyện cho cháu cũng chỉ thật thà đến như Doãn-Quốc-Sỹ là cùng. Nhưng anh cũng có những đoạn thật khởi sắc, thật linh động như đoạn nói về Liệt (đoạn 4 chương 3 phần 2), về cuộc giải phẫu của viên cổ vấn thư thuật Trung Cộng (đoạn 5, 6 cùng phần, chương), đoạn nói về tình thân của đôi bạn nhỏ và thủ đoạn của Cộng-Sản đã làm đứt đoạn đau đớn tình thân ấy (chương 4 phần 3), và đoạn kể lại vở bi hài kịch do Duy-Hoàn đạo diễn và thủ vở đánh một trận đòn nặng vào ban lãnh đạo khóa học tập tam phản (đoạn 4, 5, 6 chương 5 phần ba).

Về bối cục, nếu không được biết Ba-Sinh Hương Lửa chỉ là một phần của cuốn trường thiêng, người ta có thể nghĩ rằng nó đã « hỏng » hoàn toàn. Tân, vai chính trong phần một, mờ nhạt và không cần thiết trong phần hai, hầu hết phần ba được để dành để kể lại « phong trào tam phản » và làm lu mờ tất cả các nhân vật khác.

Nhưng dù sao, với Ba Sinh Hương Lửa, người đọc đã được truyền cảm sự tin tưởng chân thành của người viết. Phải nhận định rằng Doãn Quốc-Sỹ là một trong số hiếm hoi nhà văn xây dựng tác phẩm của mình bằng tất cả tâm hồn và sự trung thực. Trong hoàn cảnh văn học hiện đại, riêng điều đó đã đáng khích lệ biết bao trong khi không thiếu những kẻ cầm bút mặc áo giấy và tiêu bạc giả ?

SINH HOẠT

• *Tin Sinh Viên*

TRẦN-VĂN-NGÔ

Trong phạm-vi Đại-Học, tháng vừa qua không ghi lại một hoạt-động nào quan-trọng. Tổng-số Sinh-viên của Viện Đại-Học Saigon đến nay vẫn chưa được biết rõ là bao nhiêu nhưng chắc phải tăng-gia rất nhiều. Người ta được biết Đại-Học Khoa-học có 3.384 Sinh-viên so với 524 ghi tên trong niên-học 1954-55, trong số này có 338 nữ Sinh-viên.

Trong số 3.383 nói trên, 2.634 theo học 9 chứng-chỉ dự-bị còn 749 Sinh-viên theo 40 chứng-chỉ cử-nhân.

Số Sinh-viên Văn-Khoa là 3.675 người trong đò có 1.002 Nữ (so với 3.162 Sinh-viên của niên-học trước). Lớp Dự-bị Văn-khoa có 2.111 Sinh-viên (631 Nữ-sinh viên) và số còn lại 1.564 theo học 24 chứng-chỉ cử-nhân.

Tổng-số Sinh-viên các trường thuộc Đại-học Huế là 2.286 người, trội hơn năm trước là 197 Sinh-viên. Trong số này 748 Sinh-viên học ở Văn-Khoa, 228 theo Khoa-học, 242 học Sư-pham, 213 học Luật, 159 ở Viện Hán-học, và 96 theo học Y-Khoa.

Một vài Phân-Khoa ở Saigon đã bầu Đại-diện hay Trưởng Ban, nhưng nhiều Khoa khác đang còn sửa soạn.

CÁC HỘI SINH-VIÊN

Qua các Hội Sinh-viên khác thì thấy có Hội hoạt động có vẻ điều hòa, nhưng có Hội vẫn nằm yên. Trước hết, phải nói đến Tổng-Hội Sinh-Viên. Tổng-Hội sau nhiều lần đưa ra những phương thức để cải tổ cơ cấu, đang nằm êm « có lẽ để suy-gẫm một phương thức toàn hảo ».

Trong khu-vực của Trường Kiến-trúc cùng với Tổng Hội Sinh-viên, Ủy-Ban Quốc-gia Việt-Nam Tương-trợ Đại-học Quốc-tế WUS đang mở cửa mỗi chiều những sách không đủ để cung ứng cho nhu cầu Sinh-viên. Trên nhiều phạm-vi khác, chúng tôi được biết rằng, WUS đang cố thực hiện những chương trình ích lợi cho sinh viên như Trung tâm Ronéo, những Nhóm Hoạt động văn hóa (English Speaking Clubs, Nhóm tranh luận) chương trình y tế Sinh-viên, giao dịch với các cư xá.

Hội Thanh niên Thiện chí, được xem là hoạt động điều hòa nhất, trong những ngày cuối tháng đã tổ chức một Trại công tác và Hội thảo tại Vũng Tàu. Đề tài Hội thảo là « Giá trị cần lao đối với Thanh niên Tri-thức. » Trong số người tham dự trại, ta thấy có giáo sư Nguyễn Văn Trung, Đại học Văn khoa Saigon.

Trước đó, Hội Thanh niên Thiện chí dự định đưa Hội viên ra Huế công tác xây cất nhà cửa cho đồng bào bị lụt tại Huế. Nhưng không xin được phi cơ nên chương trình ý nghĩa này phải bỏ.

Chủ Nhật 21-10 vừa qua, Chị Phan - thị Ngọc - Quói đã nói về « Nhiệm vụ xã hội của giáo chức », trong chương trình hội thảo Liên Đoàn Sinh Viên Công giáo tổ chức ở Thanh Quan Lưu Xá. Tuần trước đó, Cha Lịch đã nói về vai trò Xã Hội của Người Sinh viên. Rất đông sinh viên-nam, nữ đến dự, và tham gia góp ý kiến trong những buổi nói chuyện này.

Liên đoàn Sinh viên Công giáo bao gồm các tổ chức Sinh viên Công giáo, Thanh sinh công Đại học, Sinh viên Công giáo Hiệp Hội Thánh Mẫu Sinh viên đặt trụ sở tại 229 Hiền Vương Saigon.

Đoàn Sinh viên Tin Lành cũng đã bầu lại ban Chấp Hành cho niên khóa mới, chị Phạm thị Sơn sinh viên Y Khoa là Tổng thư ký. Đoàn có những buổi học hội trong nội bộ và Lớp dạy Anh văn tại YMCR Vietnam ở đường Trần quý Cáp. Vì không được liên lạc nhiều nên chúng tôi không được biết được nhiều về hoạt động Đoàn.

PHÁI-ĐOÀN VIỆNG THĂM VÀ LIÊN ĐỐI LIÊN ẤP CHIẾN LƯỢC BÌNH-CHÁNH (GIA-ĐỊNH)

Ngày 5-7-1962 một phái đoàn của Tổng Hội Sinh Viên Việt - Nam Quốc Gia do anh Tổng Thư Ký Tổng Hội hướng dẫn đã tới viếng thăm các Ấp Chiến Lược Bình Chánh (Gia Định). Tham dự phái đoàn còn có

Trung Tá Lý Thái Như trong Uỷ Ban Đặc trách Trung Ương Áp Chiến Lược.

Nhân dịp này, Tổng Hội Sinh Viên đã tặng đồng bào ở các Ấp thuộc xã Bình Chánh một số thuốc thực dụng trị giá chừng 3500đ và một số tiền 2000đ để giúp vào quỹ Ấp, cùng một số sách báo phổ thông. Mặt khác, Tổng Hội cũng đã nhận liên đới liên ấp Chiết Lược Bình Chánh.

Phái đoàn đã được đồng bào địa phương đón tiếp rất hoan hỷ và được hướng dẫn đi xem mọi nơi trong Ấp Chiết Lược. Đầu đâu đồng bào cũng tỏ ra có một tinh thần xây dựng rất cao tuy tại địa phương công cuộc xây dựng ấp không tránh được một vài trở ngại. Anh em Sinh viên đã ân cần hỏi thăm đồng bào và ngỏ ý ước mong được phát triển tinh thần liên đới giữa những người cầm bút nơi học đường và đồng bào đang cầm cày cuốc đánh giặc và tăng gia sản xuất nơi thôn quê.

Buổi trưa, phái đoàn được ông Võ Văn Nghiêm, Dân biểu đơn vị sở tại khoản đãi tại tư gia.

Phái đoàn đã trở về Saigon hồi 16g30 với rất nhiều cảm tưởng tốt đẹp.

GIẢNG ĐƯỜNG 3 TRIỆU ĐỒNG CHO ĐẠI-HỌC KHOA HỌC HUẾ

Cuối tháng 2-1963 Sinh viên Đại Học Khoa học Huế sẽ có một giảng đường cao 9 thước dài 75 thước rộng 40 thước được xây cất theo lối kiến trúc mới tại một khu đất trong Tòa Khâm Sứ cũ.

Giảng đường này có chỗ cho 1.000 sinh viên và tổng phí 3 triệu do Ngân Sách Quốc gia đài thọ.

Công tác xây dựng đang tiến hành khẩn quan.

KHÓA 15 THỦ ĐỨC.

Theo thông cáo của Bộ quốc Phòng, Khóa 15 Thủ Đức sẽ khai giảng vào đầu năm 1963. Kỳ này các Sinh-Viên 1937, 1938 sẽ được gọi. Đến ngày 31-10 Sinh viên muốn bồi túc hồ sơ hoàn nhập ngũ phải gởi gấp đến Nha Nhân viên Bộ-Quốc-Phòng.

Nếu tình nguyện, cũng phải nộp đủ hồ sơ trước ngày 15-12-62.

NHỮNG TÂN-KHOA.

Cô Bùi-Thị-Minh, Cử Nhân Văn Khoa đỗ Cao Học (Triết) với Luận án « Civilisation et civilisations » tại Đại học Văn khoa Saigon hôm 3-10.

Tại Đại Học Khoa học Saigon, Ông Trần-Ngọc-Lợi, Cử Nhân Giáo Khoa Vạn Vật học cũng đã đậu Cao học Vạn Vật (tru hạng, lời khen). Hai luận đề là *contribution à l'étude écologique du littoral rocheux de la baie de Nha Trang* và *conditions écologiques de la mer de chine meridionale*.

Ngày 29-10-1962, tại Đại Học Luật Khoa Saigon, Ông Nguyễn-Sĩ-Hải, giảng sư Đại Học Luật Khoa Huế, cũng đã đệ trình luận án lấy bằng Tiến Sĩ Công Pháp. Nhan đề là: «Tổ chức chính quyền trung ương thời Nguyễn SƠ» (1802 — 1847). Ông đã được chấm đậu với hạng Ưu (T.B.).

PHÒNG BÀI LAO CHO SINH VIÊN VIỆT NAM

Phòng bài lao cho Sinh Viên VN được khánh thành chiều ngày 23-10. Đây là một gian trong Bệnh Viện Hồng Bàng, có 20 giường cả nam và nữ trong 2 phòng cách biệt. Một phòng chung, bếp, kệ sách, có phòng tắm, vệ sinh riêng cho Sinh viên.

Phòng được thiết lập do sự trợ giúp của Bộ Y-tế, Bộ Giáo-đục và sự ân cần chăm sóc của Bác-sĩ Gauhier. Theo tài liệu của WUS/geneve, tỉ số Sinh-Viên bị lao ở Việt Nam là 2,33 %.

TIN SINH VIÊN THẾ GIỚI

Trên phạm vi quốc tế, phải công nhận rằng Sinh viên ngoại quốc đã có nhiều hoạt động cộng đồng và tương trợ, qua Tổng Hội Sinh viên (NUS) và các Ủy Ban Quốc Gia Tương Trợ Đại Học (WUS). Mỗi nơi đều có Trung tâm 'S. V. Thư viện Trung Ương cho S.V. Quán ăn, Quán sách, Cư xá, Trung tâm Ronéo, Bệnh viện. Nhiều nơi cũng lập thêm Phòng Tim Viết, Hướng Nghiệp, những Trại Hè, khóa Huấn Luyện...

HOA KỲ LẬP HỘI BÁO CHÍ SINH VIÊN (USSPA)

Trong Đại Hội 50 của Tổng Hội Sinh viên Hoa-Kỳ (USNSA), 50 đại diện Báo Chí các Đại Học Hoa Kỳ đã lập Hội Báo chí Sinh viên. Hội tự trị và phát hành 1 tuần 3 bản tin tức Sinh viên trong và ngoài nước.

72.113 SINH VIÊN NGOẠI QUỐC Ở HOA KỲ

Đó là con số của Viện Giáo Dục Quốc tế (IIE) cho biết về niên khóa 1961 — 62, tăng gấp 8,5 phần trăm với năm trước.

Trong số đó, cuộc điều tra cho biết có 58.086 S.V. từ 149 quốc gia theo học tại các cơ sở giáo dục cao cấp Á-Châu chiếm 37 phần trăm trong tổng số đó.

Sau vụ Meredith-Barnett, tình hình Sinh viên Hoa Kỳ không có một vụ nào khiến ta phải chú ý. Trở về Á-Châu, người ta cho biết

SINH VIÊN ĐẠI HÀN CHÔNG LUẬT MỚI CỦA CHÍNH PHỦ QUÂN NHÂN

Hôm 17-10, Sinh viên tại một trường ở Hán-Thành đã lập kiến nghị đòi chính phủ bãi bỏ các cuộc thi thử sức, và đã kêu gọi tẩy chay

các kỳ thi đó. Những kỳ thi này được luật mới đề xướng và buộc Sinh viên phải qua mới được cấp bằng.

Hôm 12-10, cảnh sát Hán thành loan tin bắt 7,8 Sinh viên đã chống lại quyết định của chính phủ. Khi tin các sinh viên bị bắt được loan báo, nhóm Sinh-Viên tại Đại-Học Quốc Gia Hán-Thành, Đại học Yonsei và các Đại-học khác ở Đại-Hàn đã chấp nhận quyết định của chính phủ nhưng « mong muốn hợp tác với Chính phủ trên các quan điểm rộng rãi để chấm dứt mâu thuẫn ».

Đại tá Chung Wao Shik cảnh sát trưởng Hán thành cho biết 7 hay 8 sinh viên bị bắt vì đã nhóm họp bất hợp pháp và đã cản đại biểu đến ngǎn cản Sinh-Viên ghi tên thi cử.

HỌC BÔNG HỒ-THÍCH.

Người ta vừa loan báo ở Nữu-ước, một học bổng đã được lập ra để kỷ-niệm B.S. Hồ-Thích, lý thuyết gia Trung hoa, học giả và nhà ngoại giao.

Học bổng này gọi là « Hu Shih Memorial Scholarship Funds » sẽ cấp 100.000 Mỹ-kim dành làm học bổng về triết lý, lịch sử và văn chương tại Cornell University và Columbia University nơi B.S. đã từng theo học.

BS Hồ Thich mất tháng 2 năm 62 tại Đài-Loan.

Sau bức màn sắt, một vài tin tức đáng cho ta để ý.

BÀY SINH VIÊN XỨ GHANA BỊ ĐUỐI

Miroir des Etudiants cho biết Bảo gia Lợi đã đuổi 7 Sinh viên Ghana về nước. Nguyên do vì vụ kỳ thi chủng tộc xảy ra giữa dân Bảo và Sinh viên Ghana. Khiến nhiều Sinh viên Ghana bị thương về một người Bảo bị chết. Hiện nay có chừng 800 Sinh viên ngoại quốc học ở Bảo.

BA MƯƠI SINH VIÊN GỐC XỨ CAMEROUN

Cũng bị Trung-cộng trục xuất từ những đại học Trung Hoa lục địa. Những Sinh viên này đã phản đối cách đối xử bất công tại các Đại-học ở Trung-cộng.

Mặc dù ở vào « địa-vị ưu-dãi », ở Trung-cộng, họ không được tiếp xúc với dân chúng cũng như không được vào những cửa hàng mậu dịch mà Sinh viên da vàng hay trắng được vào. (MDE, 259 p3).

SINH VIÊN ĐÔNG ĐỨC LÀM VIỆC SUỐT MÙA HÈ TẠI NÔNG TRẠI

Mùa Đông, Sinh viên và học sinh theo học các lớp ở trường và vào mùa hè họ phải làm việc trong các xí-nghiệp sản-xuất nông-pharm và tiếp tục học bằng hàm-thụ.

Trong khi đó số người vượt bức tường Bá Linh vẫn tiếp diễn. Trong đêm 18-10, đã có sự náo động ở dọc bức tường tại Kladow thuộc khu-vực Anh Cảnh binh Tây Đức cho biết; mặt khác, có 3 người Đông Đức tuổi từ 18 đến 23 đã vượt biên-giới sang ty nạn.

ĐỌC-BÁO SINH-VIÊN NGOẠI-QUỐC

« Bamboo Wall Divides Vietnam ».

Trong số 3, Tập 11, tờ *The Asian Student co-quan* của Hội Asia Foundation đã đăng ở trang nhất tin nói trên. (Bức Tường Tre Phân Cách Việtnam).

« Một Bức Tường Tre được nhà cầm quyền Bắc Việt dựng lên dọc phân ranh Bắc Nam. Bức tường cao từ 6 đến 9 bộ và dài chừng một dặm. Những thanh Tre được chuốt nhọn bên đầu.

« Những chuyên-viên quân-sự tin rằng.. bức tường được thiết-lắp để chặn đứng những cuộc trốn thoát vùng Bắc sang Miền-Nam... »

Nguyễn-Diệc

HAI CUỘC TRIỀN-LÂM QUỐC-TẾ

Nhân dịp Lễ Công-Hòa 26-10, hai cuộc triển-lâm Mỹ-thuật Quốc-tế đã được tổ-chức. Một về nhiếp-ảnh và một về hội-họa.

Cuộc triển-lâm nhiếp-ảnh có sự tham-dự của 34 quốc-gia Đến nay, và nhất là với cuộc triển-lâm này, không ai còn nghi ngờ giá-trị của bộ môn « nghệ-thuật ánh-sáng ». Người ta thấy, qua sự ghi nhận của ống kính, những xúc động của người nghệ-sĩ trước sự phối-hợp của thiên-nhiên. Nhưng nhiếp-ảnh không phải chỉ thuần-túy ghi lại sự phối-hợp ấy, nhiếp-ảnh còn thể-hiện một sức sáng-tạo mãnh-liệt của các nhà « phù thủy ánh-sáng ».

Qua cuộc triển-lâm, người ta có thể nhận thấy nhiều sắc thái độc đáo của nhiều quốc-gia tham-dự. Các nghệ-sĩ Phương-Đông đã làm sáng tỏ thêm nhận xét « chụp bằng tâm-hồn chứ không chụp bằng ống kính ». Có thể gọi tác-phẩm của họ là những tác-phẩm luận-đề. Các nghệ-sĩ Tây-Phương đã muôn xử-dụng đường nét và ánh-sáng để khơi nguồn cho sức sống và muôn diễn-tả trong tác-phẩm, các « khối » sự vật và sự chuyền-động của sinh-lực dưới mọi hình-thái.

Chúng tôi không đề cập tới từng tác-phẩm được trao giải thưởng, không phải vì không ít nhiều đồng-ý với ban giám khảo, nhưng vì các giải thưởng không bao giờ làm ngụ một giá-trị tuyệt đối, không nên căn cứ vào đó để định đoạt giá-trị của các tác-phẩm và tác-giả, thường chỉ dị biệt về trình-độ diễn-tả mà không dị biệt về trình độ xúc động thẩm-mỹ.

Trong cuộc Triển-Lâm Quốc-Tế Hội-Họa Điêu-Khắc lần thứ nhất, hai mươi mốt quốc-gia đã tham-dự với 435 họa-phẩm và điêu-khắc phẩm. Họa-phẩm, gồm đủ loại, từ sơn dầu, thủy thai, mộc bản, thạch bản, thủ ấn họa, in lụa đến thủy mạc, bột màu, vẽ chì, sơn mài. Các tác-phẩm cũng đại-diện cho đầy đủ các khuynh hướng và các họa phái.

Xếp đặt một thứ tự giá-trị cho các quốc-gia, các tác-giả và họa-phẩm là một công-trình cực-kỳ tě-nhị và khó khăn. Hơn nữa, mỗi khuynh hướng có một sắc thái riêng, khó lòng tìm được một tiêu chuẩn duy nhất để định đoạt giá trị, nếu không nói rằng không thể có được một tiêu chuyền duy nhất và bất cứ sự nhận định nào dựa trên căn bản ấy đều hàm hồ và phi nghệ thuật.

VĂN-HỌC, trong số tới, sẽ cố gắng làm công việc khiêm tốn phân tích một cách khách quan các khuynh hướng đại diện cho thế giới hội học ngày nay, và chỉ tự giới hạn trong kích thước ấy mà thôi.

Cảm tưởng chung : Hai cuộc triển lãm mỹ thuật đã đủ hánh diện về màu sắc quốc tế (nó làm thỏa mãn tự ái của quốc gia tồ chức) và đủ quyền rũ người thưởng ngoạn trước những công trình lớn trong lãnh vực nghệ thuật.

Và nhận định riêng : Cuộc triển lãm cũng còn lợi ích mở rộng tầm mắt của người nghệ sĩ Việt và những chiếc vỏ ốc, ít nhiều, cũng đã bị soi mòn.

MỘT ĐỊNH CỦA VĂN-HÓA-VỤ

Trong mục đích giới thiệu những văn phẩm đặc sắc của Việt-Nam với độc giả trong và ngoài nước, Văn-Hóa vụ sẽ xuất bản một tập truyện ngắn chọn lọc của những nhà văn danh tiếng.

Tuyên tập này gồm 12 truyện ngắn của : Linh-Bảo, Nam-Cao, Nguyễn Mạnh-Côn, Khái-Hưng, Vũ-Khắc-Khoan, Nhất-Linh, Bình-Nguyễn-Lộc, Võ-Phiến, Doãn-Quốc-Sỹ, Đỗ-Tốn và Nguyễn-Tuân (và ?).

Dự định ấy của Văn-Hóa-Vụ (theo đúng danh nghĩa, là một cơ quan chính thức phụ trách về vấn đề Văn-Hóa) tất nhiên là tốt đẹp, trên nguyên tắc. Dự định có mục đích khá quan trọng (giới thiệu những văn phẩm đặc sắc với độc giả trong và ngoài nước), chính vì thế càng cẩn thận trọng bởi nó sẽ có ảnh hưởng, rất tốt hoặc rất xấu, tới cái nhìn từ bên ngoài vào nền văn học và nghệ thuật của chúng ta.

Bởi vậy, không đáng lạ khi nguồn tin trên đã đặt ra khá nhiều câu hỏi và khá nhiều thắc mắc.

1.— Văn-Hóa-vụ đã có hay không có một tiêu chuẩn trong sự lựa chọn các nhà văn danh tiếng và những văn phẩm đặc sắc để đại diện cho văn chương Việt-Nam ? Không thể tin rằng một cơ quan như Văn-Hóa Vụ lại không có một tiêu chuẩn rõ rệt, vậy phải tạm kết luận là có.

2.— Đã có một tiêu chuẩn trong sự lựa chọn, Văn-hóa-Vụ nên danh 12 nhà văn. Với danh sách được đề nghị ấy, lại phải tạm kết luận là tiêu chuẩn của Văn-hóa-Vụ không rõ rệt, bởi trong số « Thập Nhị Tú » ấy, có những vì sao ở hẳn những phuơng trời khác nhau. Một số ở thế hệ văn-chương đã hoàn thành, một số lẻ loi trong vũ-trụ của mình và một số khác ở vào thế hệ đang diễn tiến, chưa hoàn thành.

Tiêu chuẩn của Văn-hóa-vụ, nếu quả thật có một tiêu chuẩn, chắc hẳn hàm súc một ý hướng mới mẻ nào đó, mà đáng tiếc là chưa ai được biết !

3.— Trong số những nhà văn được lựa chọn, có những người đã chết (Nam Cao, Khái Hưng), có người vẫn sống (Nguyễn-Tuân) và có người

hiện diện nhưng đã ngừng sáng tạo (Nhất-Linh, Đỗ-Tổn). Trích đăng những văn phẩm của họ, rất có ích về phương diện sưu tầm tài liệu để nghiên-cứu một quá trình văn học, nhưng chắc hẳn khó đạt được mục đích giới thiệu những nhà văn danh tiếng (hiện đại) của chúng ta.

4.— Riêng trường hợp Nguyễn-Tuân là một thắc mắt lớn. Có hai Nguyễn Tuân: Nguyễn-Tuân tiền chiến và Nguyễn Tuân hậu chiến.

Nguyễn Tuân tiền chiến là một Nguyễn Tuân bạc nhược, không đại-diện cho khuynh-hướng riêng biệt nào cả. Nguyễn Tuân nghiên thuốc phiện, không có gì đáng trách, Nguyễn Tuân truy lục về thể xác, cũng không có gì đáng trách; bởi chỉ riêng Nguyễn Tuân có bốn phận đổi với bản thân. Nhưng Nguyễn Tuân, nhà văn, đã truy lục về tinh-thần. Trong «Nhà văn hiện đại», Vũ-ngọc-Phan viết: «Nguyễn Tuân là một nhà văn theo thuyết hoài nghi, có khuynh-hướng về chủ nghĩa vật chất». Chấp nhận Nguyễn Tuân là chấp nhận một *ngọn đèn dầu lạc* trong ánh sáng tung bừng của thế hệ văn-học hiện đại, trong và ngoài biên thùy của chúng ta.

Nguyễn Tuân hậu chiến lại là một Nguyễn Tuân xu nịnh. Thèm ăn, Nguyễn Tuân viết «Phở». Bị Đảng áp đảo tinh thần, Nguyễn Tuân vội vã đầu hàng, vội vã «tự phê bình» xin «lột xác». Nguyễn Tuân đang gắng sức phục vụ Đảng để được hưởng thụ ít nhiều quyền lợi của những kẻ trung thành với Đảng.

Không vì đứng trên hai trận tuyến đối lập mà chúng ta mạt sát Nguyễn-Tuân, mạt sát người vắng mặt không phải là điều đáng hâm mộ mà thường còn làm hại cho chính mình không ít. Nhưng chúng ta chỉ không chấp nhận Nguyễn-Tuân, cả hai Nguyễn-Tuân, nhất là trong hoàn cảnh chính trị hiện tại, lại càng nên thận trọng mỗi khi chấp nhận những kẻ ở bên kia trận tuyến, khi những kẻ đó chưa có một thái độ tư tưởng dứt khoát.

Dự định «xuất cảng Văn Chương nội hóa» quả thật tốt đẹp, trên nguyên tắc. Nhưng công tác văn-hóa thường không mấy giản dị. Sự sai lầm, dù nhỏ mọn, cũng dễ dàng đưa tới những hậu quả khó có thể đo lường trước.

Không nên vội thi nghiệm khi còn thiếu quá nhiều yếu tố, vì con đường xây dựng văn hóa có khá nhiều dốc trơn. Sự trơn trượt trong bước đầu dễ trở nên một thứ mặc cảm, nó ngần cản những thiện chí cần thiết cho nhiều công trình xây dựng trong tương lai.

VÀ NHÂN MỘT CUỘC THẢO LUẬN VỀ VĂN ĐỆ «VĂN HỌC VÀ CHÍNH TRỊ»

Một buổi nói chuyện của Giáo-sư Đại Học, ông Nguyễn-văn-Trung.

Một số ý kiến tham luận hiện còn đang đăng tải trên một tờ nhật báo của một vài thính giả đã tới nghe ông Nguyễn-văn-Trung.

Một số những nhận định về «một nhận định mới» tuy chưa làm thành cuộc thảo luận trang trọng nhưng đã gần trở nên câu chuyện «thời sự văn hóa».

Không nhất thiết tham dự vào cuộc tranh luận (vì rất dễ bị hiểu nhầm theo «chân voi hít bã mía» — ai cầm ông Trung hay các thính giả của ông nghĩ như vậy), chúng tôi không phát biểu ý kiến riêng, chỉ làm công việc giản dị là tóm tắt «nhận định mới» của ông Nguyễn-văn-Trung và những ý kiến bất đồng — chúng tôi nghĩ như vậy—với diễn giả. Công việc ấy có tính cách thuần túy «thông tin văn hóa».

Diễn giả : Ông Nguyễn-văn-Trung, tiến sĩ triết học tốt nghiệp Đại Học Louvain (Bỉ). Trước 1961, giáo sư Đại Học Văn Khoa Huế, chủ trương tạp-chí Đại-Học. Năm 1961, vì lý-do riêng, được thuyên chuyển về làm giáo-sư Đại-Học Vàn-Khoa Saigon. Tác-giả nhiều tác phẩm khảo luận về Văn-học và Triết học.

Đề tài buổi diễn thuyết: «Văn-Học và chính trị, một quan điểm mới về cuộc tranh luận Phạm Quỳnh — Ngô Đức Kế qua truyện Kiều».

Với những lý luận khúc triết, ông Nguyễn - văn - Trung mở đầu bằng cách tưởng thuật lại cuộc tranh luận giữa Phạm-Quỳnh và Ngô-Đức-Kế. Ông đã làm sống lại cuộc bút chiến sôi nổi giữa hai phái ca tụng Kiều và kết án Kiều, một đằng đại diện bởi Phạm-Quỳnh và đằng khác bởi Ngô-Đức-Kế. Phái ca tụng Kiều đã tảng bốc Kiều như một viên ngọc vô giá của nền văn-học nước nhà, Kiều là tuyệt phẩm, Kiều là thánh kinh, Kiều là vận mệnh của dân tộc. Phái lên án Kiều, trái lại, kết tội Kiều là một tác phẩm trơ hèn, ủy mỵ, đầu độc thanh niên. Ông Kế công kích Kiều, không phải chỉ thuần túy với mục đích học thuật, mà còn nhắm vào ông Quỳnh, nhắm vào chủ trương của ông Quỳnh, tức là nhắm vào một thủ đoạn của thực dân.

Tại sao nhắm vào ông Quỳnh mà lại là nhắm vào thủ đoạn của thực dân. Ông Trung giải thích :

1.— Trước hết, là tình hình chính trị lúc bấy giờ. Về phần người Việt, trước chủ trương bạo động đã thất bại, các sĩ phu nhận thấy phải thay đổi chính sách, chuyên cuộc đấu tranh qua lãnh vực văn-hóa. Phong trào Duy Tân, Đông Du... ra đời. Về phần người Pháp cũng vậy, họ cho phép trong giới hạn do họ định đoạt, phát triển nền «Văn-Học bản xứ» với mục đích mị dân (ông Trung dùng chữ Démagogie) nhằm ru ngủ thanh niên trong lối học tầm chướng trích cú, mơ màng ngâm hoa vịnh nguyệt để làm nhụt bớt nhuệ khí đấu tranh.

2.— Đề thực hiện chủ-trương ấy, người Pháp dùng ông Quỳnh làm một thứ tay sai (ông Trung không nói hẳn như vậy, nhưng người nghe tất không thể hiểu khác), một thứ bồi bút (danh từ phổ thông hiện nay). «Theo Tày», ông Quỳnh tung ra cả một chiến dịch ca tụng Kiều, không với mục đích thảo-luận suông về Văn-Học, mà với mục đích đã nói, đánh ván cờ chính trị. Ông Kế với tấm lòng của người chiến sĩ quốc

gia, quyết chống lại ông Quỳnh không phải ở lãnh vực văn học, mà ở lãnh vực chính trị, cảnh tỉnh thanh niên trước tà thuyết của thực dân và tay sai (ông Quỳnh ?). Như vậy bản chất cuộc tranh luận không thể có bản chất văn học, mà thực sự là bản chất chính trị. Kiều chỉ là một thứ « nạn nhân ngẫu nhiên »,

3.— Để minh chứng cho giả thuyết của mình, điểm khó nhất là làm sao minh chứng được ông Quỳnh là một thứ « tay sai » của thực dân và hạ được chiếc bệ sự nghiệp vững chắc của ông, diễn giả đã triệt để lợi dụng tài hùng biện của mình để nhắc đi nhắc lại ông Quỳnh « từ một viên thư ký nhảy lên làm Thượng thư Bộ Lại ». Ông Nguyễn-văn-Trung hình như còn muốn dùng một thứ « tam đoạn luận » của lớp Triết Học đệ Nhất.

« Mục đích của Tây là làm yếu hèn tinh thần dân tộc.

« Súng báu Kiều là làm yếu hèn dân tộc.

« Ông Quỳnh súng báu Kiều, vây ông Quỳnh theo Tây ».

Suốt hai tiếng đồng hồ trình bày, biện bạch, minh chứng, ông Nguyễn-văn-Trung muốn « giết một người đã chết », và nếu ông đạt được mục đích, hẳn ông Quỳnh không có thể còn chiếm được một địa vị nhỏ mọn nào để « sống » trong lịch sử văn-học.

Có lẽ vì nhận định của ông Nguyễn-văn-Trung còn mới, quá mới, nên một số thính giả của ông đặt ra cho ông, và chúng ta (có toàn thể chúng ta trong đó vì ai nỡ yên tâm thưởng ngoạn một vụ ám sát đầy nghệ thuật) khá nhiều nghi vấn.

Trước hết, ông Đỗ Lăng phát biểu :

« Ta phải nghiêm minh trước quan điểm tưối tắn của ông Nguyễn-văn-Trung. Nhưng chúng ta vẫn không thể thỏa mãn ở vài điểm, ở những điểm mà Nguyễn-văn-Trung không thể lướt qua để đưa chúng ta đến quan điểm trên (Ph. Quỳnh theo Tây, bản chất chính trị của cuộc thảo luận) được. Vì muốn thay thế bản chất văn học trong cuộc tranh luận Q.K. bằng bản chất chính trị Nguyễn-văn-Trung đã cố ý chứng minh rằng cả hai Quỳnh và Kế đều là con người chính trị. Ông đã cố gắng trong từng lời nói để minh xác rằng đó là hai kẻ đối thủ chính trị chứ không phải là đối thủ văn nghệ. Theo ông, dù ông Quỳnh có thực tâm « muốn cứu văn phàn nào một gia tài sắp tan vỡ » hay « muốn học cái hay của địch để đánh địch », thì hoàn cảnh của Quỳnh bắt buộc mọi người khác phải coi Quỳnh là « theo Tây ». Sự kiện « theo Tây » ấy của Quỳnh, theo Nguyễn-văn-Trung, đã có và phải có dù chính thâm tâm của Quỳnh không có chặng nữa. Chúng tôi không đồng ý ở lối lý luận này. Chúng tôi xin nêu ra hai điểm :

1.— Nguyễn-văn-Trung đã bỏ cái thâm tâm chân thật của một con người, để chỉ hiểu con người qua hoàn cảnh. Vậy thi con người chỉ là một « sự kiện vật lý » hay sao ?

2.— Nguyễn-văn-Trung đã tự ý gia nhập vào trận tuyến của những người khác với Quỳnh. Như vậy Nguyễn-văn-Trung đã đối

tượng hóa Quỳnh mất rồi. Ông không chịu né cái tội của mình vào Quỳnh để hiểu Quỳnh, mà lại đứng bên ngoài Quỳnh để bàn về Quỳnh, như thế chúng tôi e không ổn chẳng ?... »

Một thính giả khác của giáo sư diễn giả « luôn luôn đi tìm những nhận định mới » đã có một thái độ dứt khoát hơn :

« Về điểm này (về sự bắt công khi gán cho Quỳnh là theo Tây) chúng tôi hoàn toàn đồng ý với lập trường của Nguyễn-hòa-Phong khi ông cho rằng cây bút xuất sắc (!) của Đại Học, trong một chứng mục nào đó, đã có tinh thần thỏa hiệp với bản án xử Phạm-Quỳnh hồi 45 (bản án của Việt Cộng). Nguyễn-hòa-Phong còn phân tích đến cái gọi là « tâm lý chính trị, hoàn cảnh éo le... » Đây là một vấn đề khá tế nhị không thuộc phạm vi bài này. Riêng chúng tôi thì nghĩ rằng quan điểm phê bình mà Ông Nguyễn-văn-Trung gọi là mới chẳng có gì là mới cả. Bởi vì trong mấy năm gần đây, nghĩa là khi bàn tay Mác-Xít đã nắm trọn vận sinh mệnh văn nghệ miền Bắc rồi, tập đoàn lãnh đạo chính trị Hà-nội cũng ra lệnh cho một số cây bút khoác cho Phạm-Quỳnh đú thử tội. Hành động này chẳng có gì khác hơn là nhằm biện minh cho vụ án đen tối 45 do họ chủ động ».

Để tóm tắt sơ lược những quan điểm đối lập với diễn giả, chúng tôi xin ghi lại đây những điểm chính :

1.— Có nhiều bằng cớ chứng minh Phạm-Quỳnh là một chiến sĩ văn hóa trung thực, tha thiết với sự phát huy tư tưởng và học thuật nước nhà,

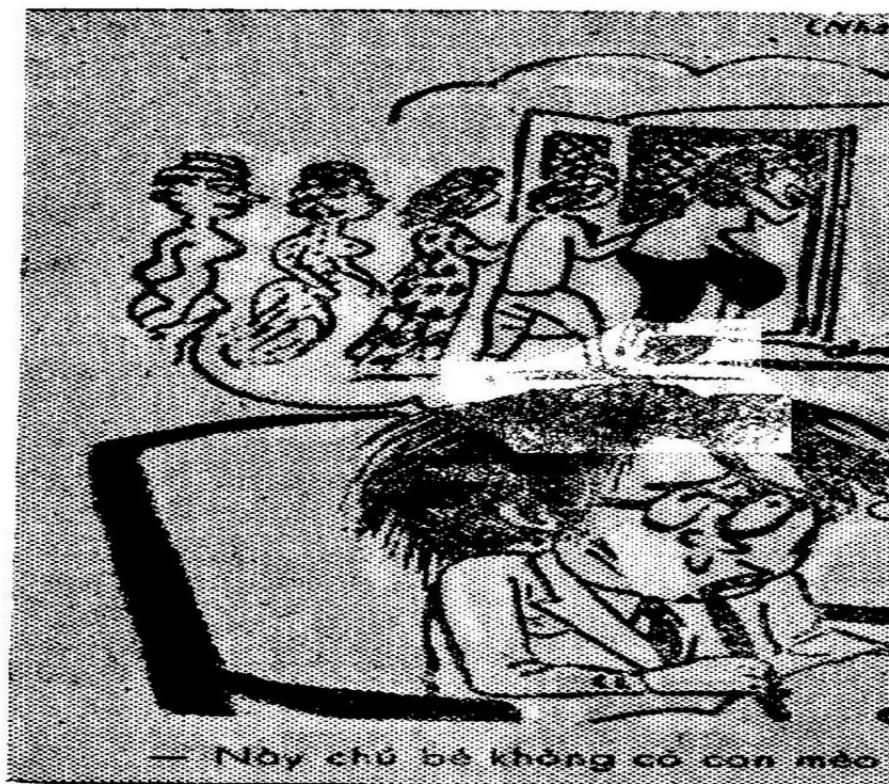
2.— Ông Trung có bằng cớ nào xác thực chứng tỏ Phạm-Quỳnh « theo Tây » hay ông chỉ phỏng đoán, với những lý-luận mơ hồ ?

3.— Chủ trương khai thác cái vốn dân tộc (với ý hướng tốt) của Phạm-Quỳnh phải chăng đã ngẫu nhiên trùng hợp với chủ trương một chính sách văn hóa bắn xù (có ý hướng xấu) của Pháp, và vì thế ông đã phải mang một nỗi hàn oan khó giải ?

4.— Ông Nguyễn-văn-Trung đã « chụp mũ » lên đầu ông Quỳnh với mục đích gì ? Ông đã làm một « công tác văn-học » phi văn học và biết đâu, cũng chẳng là một « công-tác chính-trị » hoàn toàn phi chính-trị.

Cuộc thảo luận hiện nay vẫn còn tiếp tục, thực ra chưa thể gọi là một cuộc thảo luận, vì những người đòi được thảo luận vẫn chỉ đấm vào không khí, và ông Nguyễn-văn-Trung vẫn một mực giữ sự im lặng.

Chúng tôi đã cố gắng ghi lại, với một mức độ khách quan nhất có thể được, một bài diễn văn này lừa, một cuộc chất vấn ồn ào, những « quan điểm mới nhận định về một quan điểm mới » của một giáo sư triết học đã mất nhiều công dày sỏi với những mảnh vỡ hoang của dân-tộc,



— Nay chú bé không có con mèo.

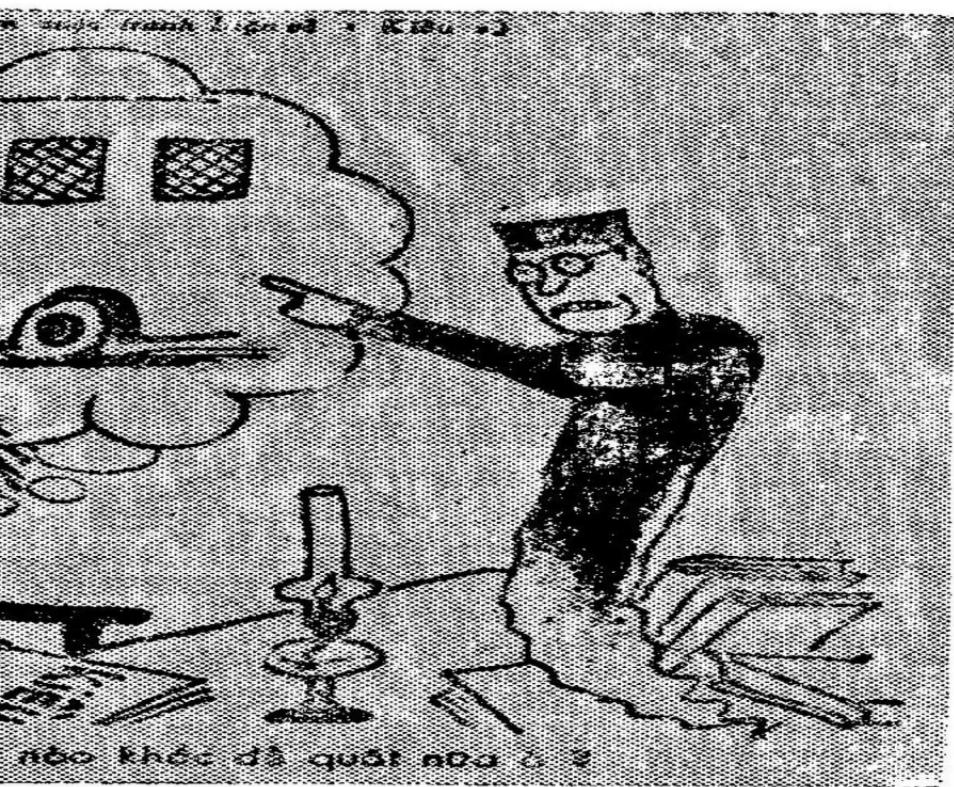
GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG

John Steinbeck, nhà văn Hoa
Điển trao tặng Giải thưởng Văn
văn thứ sáu của Hoa Kỳ được vinh

Steinbeck sinh ngày 27-2-1902,
Coupe d'or (1929), tiếp theo đây
A un Dieu Inconnu, Tortilla Flat, E
des Hommes, Les Raisins de la Colle

Steinbeck là một nhà văn có
hội tư bản và đề cao nhân phẩm,

Nói thêm : James Dean trong
của thế kỷ, nhưng chính James Dean
Steinbeck hay tác phẩm của ông
chúng ta đã được xem trên màn ản



NG - NOBEL 1962

Đoà Kỳ, đã được Hàn Lâm Viện Thụy
Chương Nobel 1962. Steinbeck là nhà
nhiều dự này.

tác phẩm đầu tay ta là cuốn La
là những cuốn Les Champs du Ciel,
En un Combat douteux, Des Souris et
lère, A l'Est d'Eden...,

khuynh hướng xã hội, khinh rẻ xã
quyền sống của con người.

A l'Est d'Eden là một «hiện tượng»
nhưng không phải chức không phải
có một tâm trạng «phá phách» như
nh.